

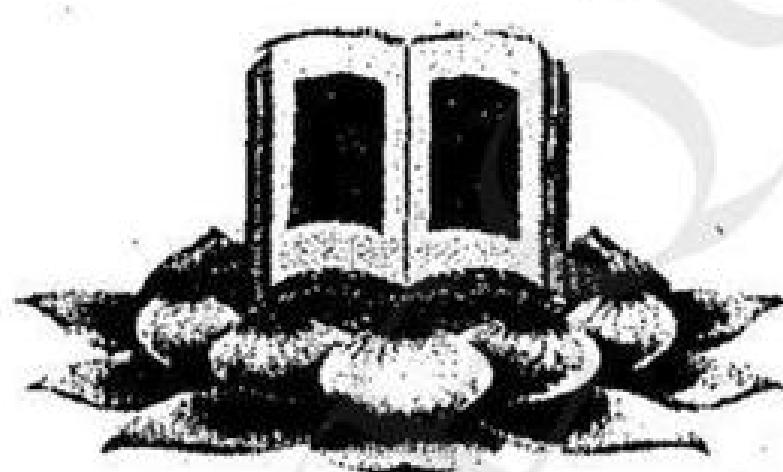
# Suối nguồn



ĐẶC SẢN KỶ NIỆM MÙA PHẬT ĐẢN NĂM QUÝ MÙI

PL.2547

# Suối nguồn



TU VIỆN HUỆ QUANG  
(*Lưu hành nội bộ*)





HU VIỆN HUẾ QUANG. VN



## Suối nguồn 15

Đặc san kỷ niệm Mùa Phật Đản PL.2547, năm Quý Mùi  
Trung Tâm Dịch Thuật Hán Nôm - Tu viện Huệ Quang

---

### TRONG SỐ NÀY

|                                           |                                             |     |
|-------------------------------------------|---------------------------------------------|-----|
| Giao từ                                   | <input type="checkbox"/> Thích Minh Cảnh    | 7   |
| Thiết thực tu tập                         | <input type="checkbox"/> Gs. Minh Chi       | 9   |
| Lời đối đáp giữa Hàn Sơn và Thập Đắc      | <input type="checkbox"/> Thích Minh Cảnh    | 18  |
| Học và tu                                 | <input type="checkbox"/> Cs. Đình Huệ       | 23  |
| Tìm hiểu nguồn gốc Duy thức học           | <input type="checkbox"/> Thích Nguyên Hiến  | 29  |
| Pháp môn Niệm Phật                        | <input type="checkbox"/> Thích Quảng Đại    | 42  |
| Chánh tín trong Phật giáo                 | <input type="checkbox"/> Thích Nữ Diệu Quý  | 54  |
| Từ hạt sương của Thiên sư Vạn Hạnh...     | <input type="checkbox"/> Đăng Lan           | 61  |
| Khuyến tu pháp môn Niệm Phật              | <input type="checkbox"/> Thích Nguyên Anh   | 71  |
| Đức Đạt-lai Lạt-ma và pháp hội Karachakra | <input type="checkbox"/> Nhất Thanh         | 103 |
| Khang Hy ngự bút chùa Thiếu Lâm           | <input type="checkbox"/> Nguyễn Khuê        | 115 |
| Hôm qua và hôm nay                        | <input type="checkbox"/> Thích Nữ Tắc Phú   | 123 |
| Quan Âm để lại chữ                        | <input type="checkbox"/> Thích Nữ Viên Lộc  | 129 |
| Sinh nhật của tôi                         | <input type="checkbox"/> Thích Nữ Huệ Trang | 134 |
| Tìm đường                                 | <input type="checkbox"/> Thích Nữ Viên Lộc  | 140 |
| Ngày trở về                               | <input type="checkbox"/> Du Trốc Tử         | 145 |
| Khó định nghĩa                            | <input type="checkbox"/> Lý Hồng Đài        | 148 |

### THƠ

- Vô Biên • Xuân Sơn • Nguyễn Minh Hùng • Hồ Công Khanh •
- Dạ Tịnh • Thúy Vinh • Đoàn Văn Khánh • Trần Thị Dung •
- Văn Nho • Diệu Hữu • Nguyễn Thiên Chương • Phạm Phú Hải •

Chủ biên : TT. Thích Minh Cảnh.  
Biên tập : ĐĐ. Thích Nguyên Hiến  
Trình bày : ĐĐ. Thích Quang Châu  
ĐĐ. Thích Quang Vũ  
Phụ bản : Nguyễn Thiên Chương







# Giao từ

Hoàng hôn trên xứ sở Kapilavastu, vẫn ban sơ nét u huyền tịch mặc, sao có nổi xao xuyên ngậm ngùi vấn vương hồn Thích tử xưa sau? Hơn 2000 năm chôn vùi trong quên lãng, trụ đá A-dục vương còn nguyên vẹn đó, làm chứng nhân sống động cho khu vườn Lumbini lịch sử.

Từ đó đến nay, người con Phật khắp nơi vẫn kiên cố một niềm tin với bậc “Vĩ muôn loài chúng sanh, ta thị hiện”. Người con vĩ đại của xứ sở thần linh – Đức Bổn sư Thích-ca Mâu-ni – đã ra đời tại khu vườn Lumbini kỳ diệu này, rồi thành Đẳng chánh giác, đem ánh sáng Từ bi phổ độ khắp muôn loài. Giáo pháp của Ngài vẫn luân lưu miên viễn, cho hạnh phúc thanh bình về ngự trị giữa trần gian.

Từ đó Suối Nguồn được tiếp nối mạch nguồn Chánh Đạo, một lần nữa được theo dòng về biển, chan hòa cùng chân nghĩa giải thoát bao dung. Và dâng lên ngày Đản sanh Từ Phụ chút tâm tình nhỏ nhoi hiến tặng, để cùng với muôn loài hoan hỷ khắp mười phương.

Trung tâm dịch thuật Hán Nôm  
Tu viện Huệ Quang  
Viện chủ Thích Minh Cảnh



HU VIỆN HUẾ QUANG. VN



## Thiết thực tu tập

Đầu đề bài viết này không “kêu”, không gây ấn tượng nhưng lại rất thích hợp và có ý nghĩa với ngày lễ Phật đản gần kề. Vì ngày lễ Phật đản phải là một cơ hội để chúng ta ôn lại, suy ngẫm lại những lời Phật dạy và tự kiểm điểm một cách trung thực xem bản thân mình có sống, ứng xử và hành động đúng theo những lời dạy của Phật hay chưa.

Trong bài kinh “Ưu-đàm-bà-la” (*Trường Bộ Kinh IV, trang 55*) có đoạn văn ghi lời Phật như sau: “Người có trí hãy đến đây, trung thực, không lừa đảo, chân chất. Ta sẽ dạy, Ta sẽ thuyết pháp. Nếu vị ấy thực hành đúng như điều ta đã dạy, vị ấy sẽ tư biết mình và ngay trong hiện tại chứng ngộ phạm hạnh và mục tiêu vô thượng mà vì lý tưởng này, các Thiện nam tử đã gia đình, xuất gia tu đạo, vị ấy chỉ cần có bảy ngày.” (Tôi gạch dưới – MC)

Đoạn văn trên ghi lại lời Phật có một số điểm rất đáng chú ý:

1. Một người có trí, trung thực, không lừa đảo, chân chất.

Đó chính là yêu cầu cơ bản của người muốn sống cuộc sống tôn giáo đích thực, hướng tới giác ngộ và giải thoát, dù có xuất gia hay không.

2. Con người đó sẽ thực hành đúng như là được giảng dạy, để tự biết mình và thành tựu mục đích tối thượng của tôn giáo.

Đức Phật vào Niết-bàn từ hơn hai nghìn năm nay rồi, nhưng những lời vàng ngọc của Phật vẫn còn đó, được ghi lại trong kinh điển, và được thuyết giảng bởi nhiều vị đạo sư tăng sĩ hay cư sĩ.

Tất cả vấn đề chỉ là chỗ chúng ta, những lời Phật tử Việt Nam trung thực, thẳng thắn, chân chất, có trí, có thường xuyên suy ngẫm và thực hành những lời của Phật hay không. Những lời dạy vàng ngọc đó có thật sự hướng dẫn cuộc sống hàng ngày của chúng ta hay không. Tu tập nghĩa là thực nghiệm, là sống. Tu tập không phải đơn giản là vào chùa hay lên rừng. Tu tập là thực nghiệm những lời dạy của Phật trong cuộc sống. Và chính qua thực nghiệm, qua tu tập, chúng ta nhận chân được giá trị của lời Phật dạy đối với cuộc sống chúng ta, càng tự biết mình hơn, con người thực của mình hơn. Đó chính là thiết thực tu tập.

Để thành tựu mục đích tối thượng đó chỉ cần bảy ngày.

Mục đích tối thượng của cuộc sống tôn giáo, trong thời Phật tại thế là quả Thánh A-la-hán, thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi, trở thành bất tử, bậc Thánh đã chứng được ba minh, tức là ba sáng suốt, biết rõ những kiếp sống trước của mình, không gì không thấy, không biết, và trong tâm đã đoạn trừ sạch mọi phiền não và khuyết điểm, không còn dư tàn.

Và để thành tựu quả Thánh tuyệt vời đó, Phật nói chỉ cần bảy ngày...

Thậm chí đối với một số người, cũng không cần tới bảy ngày. Một ví dụ nổi bật và điển hình là ông già Subhada, 120 tuổi, vốn theo ngoại đạo, có duyên lành gặp Phật ở Kusinagara, trước khi Phật nhập Niết-bàn trước Phật. Như vậy là đối với Subhada, không cần tới 7 ngày, thậm chí chỉ có vài giờ!

Hai ví dụ điển hình nữa mà chúng ta đều biết là dâm nữ Ampapali và tướng cướp Angulimala, sau khi quy y Phật và xuất gia đều chứng quả A-la-hán.

Chúng ta là những người Phật tử Việt Nam, tuy về thời gian cách xa Phật tới hơn hai nghìn rưỡi năm lịch sử, nhưng vẫn tự hào là con Phật, học trò Phật. Vậy chúng ta hãy sống và hành xử như thế nào để xứng đáng với niềm tự hào đó? Tất nhiên, cuộc sống ồn ào, rộn ràng của xã hội hiện đại, dù là ở một nước đang phát triển như nước ta, hình như không thuận lợi mấy cho sự tu tập hằng ngày của chúng ta. Tôi nói hình như, vì tôi suy nghĩ theo chiều khác. Tôi nghĩ rằng, xã hội hiện đại với bao nhiêu nét tiêu cực của nó, có thể cung cấp bấy nhiêu bài học phản diện, rất sống động, đáng lẽ phải cảnh tỉnh chúng ta, hướng chúng ta tới chân, thiện, mỹ mới phải chứ?

Tôi thường đặt câu hỏi: Nếu cuộc sống hiện tại là đáng vui, đáng thích thì sao lại có nhiều người nghiện ma túy, nghiện rượu để quên cuộc sống ấy đi?

Nếu những đức hạnh truyền thống như hy sinh, thương người, nhẫn nhục là lỗi thời thì sao những bộ phim với những nhân vật tiêu biểu cho những đức hạnh ấy lại được quần chúng đông đảo hoan nghênh đến như vậy? Tất nhiên, ở đây còn có các yếu tố khác như tài diễn xuất của nghệ sĩ, kịch bản hay, đạo diễn



tài ba... Nhưng phải chăng vì những nhân vật tiêu biểu cho những đức hạnh ấy ngày càng vắng bóng trong cuộc sống xã hội thực tế, cho nên quần chúng có xu hướng đi tìm họ trên màn ảnh, trong sách truyện?

Cách đây khoảng một tuần, tôi có tiếp chuyện Giáo sư Top Miller thuộc trường Đại học Maryland ở Mỹ. Trong cuộc nói chuyện thân mật, tôi đã hỏi thẳng ông là có phải ở Mỹ, có tỉ lệ vụ ly dị, vụ phạm tội hình sự, và số bệnh nhân tâm thần cao nhất thế giới hay không? Ông trả lời là đúng như vậy. Nhưng cũng theo ông, ở Mỹ số người tin theo các tôn giáo phương Đông, trong đó có đạo Phật, nhất là đạo Phật Tây Tạng cũng tăng lên rất nhanh chóng. Tôi nghĩ rằng, chính những bài học phản diện của cuộc sống hiện đại đã xô đẩy một bộ phận dân chúng Mỹ đến với Phật giáo và các tôn giáo phương Đông khác.

Việt Nam còn lâu mới đạt tới trình độ một xã hội hậu công nghiệp và tiêu thụ như Mỹ. Thế nhưng phản ứng đối với lối sống vật chất và tiêu thụ đã bắt đầu chớm nở. Phản ứng đó, hoặc chóng, hoặc chầy sẽ dẫn đến phục hồi những nếp sống đạo đức truyền thống, trong đó có sinh hoạt tôn giáo. Tất nhiên, đây là một sự phục hồi có phê phán và chọn lọc, sáng tạo. Sinh hoạt tôn giáo cũng được phục hồi theo tinh thần như vậy. Ở đây, tôi xin góp ý về sự phục hồi nếp sống tôn giáo của đạo Phật.

a/ Trước hết, chúng ta dù là tu sĩ hay cư sĩ, đều phải là những người trung thực, thẳng thắn, chân chất. Vì đó là những đức hạnh cơ bản cho những ai muốn sống cuộc sống tôn giáo đích thực, là cuộc sống hướng thượng về mặt đạo đức, là cuộc sống đề cao giá trị tâm linh như là giá trị hàng đầu, số một. Hiện nay trong

cuộc sống hiện đại rất giả tạo, mọi người hầu như là đóng kịch và che giấu con người thật của mình. Còn chúng ta là Phật tử, chúng ta không như thế. Chúng ta không biết và cũng không thể sống giả vờ. Chúng ta sống trung thực với bản thân mình, cũng như với mọi người. Tuy rằng có những sự thật không nên nói ra, nhưng chúng ta tuyệt đối không nói dối. Bởi vì, theo như lời Phật răn dạy trong bài kinh “Giáo giới La-hầu-la” (*Trung bộ II*) thì một người nói dối mà cố ý, thì sẽ không có việc gì ác mà không làm. Đồng thời chúng ta phải là người có trí. Trí tuệ chúng ta không phải hướng tới tìm hiểu, giải quyết những vấn đề siêu hình, và phải được dùng để phân biệt đúng sai, thiện ác, hư thực, điều nên làm với điều không nên làm.

b/ Với một căn bản đạo đức như vậy, chúng ta sẽ thiết thực tu tập theo con đường đạo Tám nhánh (*Bát chánh đạo*), mà cốt lõi được thu tóm trong ba mục:

Giới, tức là sống đạo đức.

Định, tức là định tâm, không để tâm tán loạn.

Tuệ, tức là mở mang trí tuệ, kể cả văn tuệ là trí tuệ do học tập mà có, tu tuệ, tức là do tu tập, thực nghiệm mà có.

Sống theo tám con đường đạo của Phật dạy chính là lối tu tập thiết thực nhất, thường xuyên nhất. Cần nhớ rằng, khi Phật còn tại thế, Ngài thường khuyên học trò là sống đạo đức theo Bát chánh đạo, và luôn quan sát tâm mình.

c/ Thường xuyên quan sát tâm mình, đó là yêu cầu thứ ba đối với nếp sống Phật giáo. Tất nhiên, Phật khuyên chúng ta, khi hành thiền, phải đồng

thời quan sát cả thân và tâm, nhưng rõ ràng trong hai công phu quán thân và tâm thì quán tâm là chủ yếu. Vì tâm là cái làm chủ trong mọi hoạt động của con người. Làm chủ được tâm, tức là làm chủ được mình, không bị dục vọng điều khiển, không bị ngoại cảnh chi phối. Đó chính là giải thoát.

Nếu không làm chủ được tâm, để cho tâm nghĩ bậy, rồi miệng cũng nói bậy và thân làm bậy, thì đau khổ sẽ đến với mình một cách tất yếu như cái bánh xe lăn theo chân con bò kéo xe vậy. Đây là một ảnh dụ được dùng trong bài kệ mở đầu Kinh Pháp Cú:

*“Kẻ thù hại kẻ thù,  
Oan gia hại oan gia,  
Không bằng tâm hướng tà,  
Gây ác cho tự thân.”*

(Kinh Pháp Cú – HT.Thích Minh Châu dịch)

Giáo chủ Tây Tạng Đạt-lai Lạt-ma ví cái tâm mình không làm chủ được giống như một ngọn núi lửa, bùng nổ lúc nào không biết. Có người hỏi: Vì sao trong vụ án Tân Trường Sanh, có quá nhiều cán bộ và Đảng viên dính vào thế? Xin trả lời theo quan điểm Phật giáo : Họ đều là người tốt cả, nhưng họ không chế ngự được cái tâm của họ, khi cửa hối lộ đưa đến thì núi lửa tâm của họ phát nổ, những ngọn lửa tham, sân, si bùng lên, không những đốt cháy họ mà cả những người xung quanh họ nữa!

Trong số báo Tuổi Trẻ ra ngày thứ Năm ngày 15/4, có đăng bài phỏng vấn những người có trách nhiệm của Cục Hải Quan Cần Thơ và Cục Hải Quan Thừa Thiên-Huế, và họ trả lời “*Quản lý con người là bài học đầu tiên.*”



Còn chúng tôi, theo quan niệm Phật giáo thì cho rằng, tất cả mọi người đều phải tự mình quản lý mình, chứ không ai có thể quản lý ai được cả. Tâm là cái gần gũi nhất, mà cũng là sâu kín nhất trong mỗi con người thì làm sao một người khác, dù là một người lãnh đạo Cộng sản tài ba lại có thể quản lý tâm của mình được. Đó là ảo tưởng.

Hãy để cho các tôn giáo lớn, trong đó có Phật giáo xây dựng và phát triển môn tâm học của mình, đồng thời cũng khuyến khích các nhà khoa học khác, không phải tôn giáo nghiên cứu theo chiều sâu và phát triển môn tâm lý học của họ.

Chỉ trên cơ sở một sự phát triển toàn diện và toàn bộ như vậy của môn tâm lý học Việt Nam thì con người Việt Nam sẽ hiểu rõ tâm của mình hơn, tiến tới biết quản lý cái tâm của mình, điều phục cái tâm của mình, khiến nó tránh ác, hướng thiện.

Tâm lý học hay tâm học không phải là độc quyền của Phật giáo, nhưng theo chỗ chúng tôi biết thì Phật giáo, nhất là Thiền học Phật giáo có rất nhiều kiến thức và kinh nghiệm về môn học này. Mọi người chúng ta, chứ không riêng Phật tử, hãy làm một công cuộc thám hiểm mới, tức là thám hiểm cái tâm của mình. Cuộc thám hiểm này hứa hẹn cũng thú vị và đầy bất ngờ như thám hiểm vũ trụ vậy! Vì sao? Vì tâm người cũng bao la vô tận như vũ trụ.

Có tác giả đề nghị thay từ Nhà thám hiểm vũ trụ bằng từ Nhà thám hiểm tâm (psychonauts thay vì cosmonauts) (Xem cuốn *"Breath by breath"*, tác giả Larry Rosenberg, giám đốc trung tâm hành Thiền Cambridge ở Massachusetts Mỹ).

Trích dẫn tác giả này (*một người Mỹ gốc Do Thái*), tôi muốn nhấn mạnh là môn tâm lý học, vốn bị Tây phương vật chất xem nhẹ, hiện nay đang là môn học thời thượng của các nước phương Tây, nhất là ở Mỹ. Là một Phật tử Việt Nam, tôi hy vọng nước ta sẽ không tuột hậu, không là học trò mà sẽ là người thầy trong môn học này. Viết bài này nhân dịp lễ Phật đản, tôi rất mong hy vọng của tôi sớm thành hiện thực.

Tâm chúng ta không những là đối tượng quán sát thường xuyên, mà còn là đối tượng thực nghiệm và tu tập thường xuyên của chúng ta. Tôi gọi đó là thiết thực tu tập.

Có tu tâm, mới tích đức được. Đó cũng là truyền thống đạo đức của nhân dân Việt Nam chúng ta.

MC.



## Ở phật thích ca mâu ni

Ở phương Đông con lạy về phương Tây  
Lòng cảm phục muôn lời Phật dạy  
Con xin nguyện một đời học Đạo  
Diệt trừ bao cấu nhiễm trần ai  
Cuộc đời là bể khổ trả vay  
Người mê luân hồi trong lục đạo  
Cuộc sống là vô thường giả tạo  
Tâm thức con bừng sáng đổi thay  
Con tự hào sung sướng hôm nay  
Dẫu xa Phật ngàn năm mới thấy  
Cõi Tây phương là lối về sáng chói  
Ánh Đạo vàng rọi bước con đi  
Cho con xin hai chữ Từ Bi  
Lòng Đức hạnh như núi Tu Di  
Con cầu nguyện ơn Tam Bảo gia hộ  
Hạnh phúc cho đời con và cho cả nhân gian

TTD.



## Lời đối đáp giữa Hàn sơn và Thập đắc

Một hôm, Hàn Sơn hỏi Thập Đắc: Ở đời, có người đánh tôi, mắng tôi, làm nhục tôi, khi dễ tôi, dọa tôi, gạt tôi, chê tôi, khinh tôi, ăn hiếp tôi, cười ngạo tôi cho đến đối xử khắc nghiệt với tôi, thì phải xử trí như thế nào?

Thập Đắc đáp: Chỉ cần nhìn nhục họ, kính họ, sợ họ, tránh họ, nhường họ, khiêm tốn với họ, không chống cự họ, không cần để ý đến họ, rồi chờ ít năm ông hãy nhìn họ xem.

Hàn Sơn nói: Còn có bí quyết gì có thể tránh được họ không?

Thập Đắc đáp: Có bài kệ của Bồ-tát Di-lặc, để ta đọc cho ông nghe:

*Lão khờ mặc quần rách  
Ăn cơm hẩm no lòng  
Chăm vá để đỡ lạnh  
Mọi việc tùy duyên thôi  
Có người mắng lão khờ  
Lão khờ còn nói tốt  
Có người đánh lão khờ  
Lão khờ tự ngủ khi  
Phun nước miếng vào mặt  
Để nó tự khô luôn  
Mình cũng bớt ra sức  
Họ cũng không nã phiền.*

Cách làm tốt ráo đó  
Thật là quý biết bao  
Nếu biết sống thế này  
Lo gì đạo chẳng xong  
Người yếu tâm chẳng yếu  
Người nghèo đạo đâu nghèo  
Nhất quyết lo tu hành  
Thường giữ tâm chánh niệm  
Người đời yêu vinh hoa  
Ta lại không để mất  
Danh lợi tốt thành không  
Lòng ta không vương vấn  
Vàng chất như núi cao  
Khó đổi mạng vô thường.  
Tử Cống người hay nói  
Chu Công bậc toán thần  
Khổng Minh người mưu trí  
Phàn Khoái cứu chủ nạn  
Hàn Tín công lao to  
Xong đời chỉ một kiếm.  
Xưa nay bao nhiêu người  
Kẻ kia sống mấy ngàn  
Người này trình anh tuấn  
Kẻ kia là hảo hán  
Xem lại tóc bạc phơ  
Mỗi năm dung nhan đổi  
Ngày tháng tự trôi đưa  
Thời gian như tên bắn  
Không lâu bệnh hoành hành  
Cúi đầu ngậm than thở  
Tự hối thủa thanh xuân  
Không chịu lo tu hành  
Mắc bệnh, muốn quay đầu

Diêm Vương nào triển hạn.  
Ba tấc hơi dứt rồi  
Đành buông xuôi tất cả.  
Cũng không bàn phải quấy  
Cũng không luận gia đình  
Cũng không tranh nhân ngã  
Cũng không làm hảo hán  
Mắng chửi cũng kệ thầy  
Hỏi tới như người câm  
Đánh đập cũng không kể  
Xô tới ngã lật nhào.  
Cũng không sợ người cười  
Cũng không hề mắc cỡ  
Con cái khóc om sòm  
Cũng không hề thấy được  
Bấy lâu tranh danh lợi  
Bây giờ bạn gò hoang  
Ta xem người trên đời  
Đều là hạng càn rỡ.  
Khuyên ông nên quay đầu  
Sớm hôm lo tu tập  
Làm bậc đại trượng phu  
Một dao cắt đứt là  
Nhảy ra khỏi hầm lửa  
Được làm người mát mẻ  
Ngộ được lí trường sinh  
Tiêu dao cùng ngày tháng.

(Trích Tu Hành Tập Yếu)

TMC.



Thư pháp

Vũ D. Minh  
r.l. 2002

Thư pháp



HU VIỆN HUẾ QUANG. VN



● Thái Hư Đại Sư

Gs. Đinh Huệ (dịch)

## Học và tu

Học, lấy Minh tâm làm thiết yếu.

Tu, lấy niệm Phật làm ổn đáng.

Luận Khởi Tín ghi: “Nói Tâm chúng sanh ắt thu nhiếp hết tất cả Pháp thế gian và xuất thế gian”. Vì tất cả Pháp đều do tâm duyên khởi, y trì nơi tâm. Bởi tâm có đặc tính:

1. Có khả năng hoạt động liễu tri.

2. Có khả năng bảo tồn kinh nghiệm (nhận lấy sự huân tập và giữ gìn chủng tử).

Do hoạt động liễu tri nên hay duyên khắp tất cả các pháp hữu vi, vô vi, hữu lậu, vô lậu hiện tiền. Do bảo trì kinh nghiệm nên hay nhớ lại những việc đã qua và suy tưởng đến cái lý vị lai.

Tứ Thánh, Lục phạm đều từ tâm tạo, mười phương ba đời đều đủ nơi tâm, cho nên Minh tâm thì minh hết tất cả các pháp. Minh tâm thì minh hết tất cả các pháp, vì thế Phật tuy nói khắp các pháp, rộng thì vô lượng vô số, gom lại sơ lược thì ba tạng, mười hai bộ đều chẳng ra ngoài tâm này. Nói về tâm này cũng chính là giảng nói chỗ thiết yếu hơn hết trong tất cả học lý của Phật pháp. Nếu mình đạt được tâm này thì thấy tất cả sắc đều thấy tâm này, nghe tất cả tiếng đều nghe tâm này. Ba tạng, mười hai bộ, một ngàn bảy trăm công án cũng không phải việc gì khác, cho nên nói “Pháp giới duy tâm”.

Minh tâm tức là minh các pháp, cho nên tâm không có Thể mà lấy Thể của các pháp làm Thể. Thể của các pháp thanh tịnh bốn nhiên, Châu biến thường trụ, cho nên Thể của tâm cũng thanh tịnh bốn nhiên, châu biến thường trụ, gọi đó là Chân như pháp tánh. Tâm không có Tướng mà lấy Tướng của các pháp làm Tướng. Tướng của các pháp hàm dung quảng đại, nhiếp nhập bao la, nên Tướng của tâm cũng hàm dung quảng đại, nhiếp nhập bao la, gọi đó là Như Lai Đức Tạng. Tâm không có mà lấy Dụng của các pháp làm Dụng. Dụng của các pháp chủng tử và hiện hành sanh nhau duyên khởi vô tận, cho nên Dụng của tâm cũng chủng tử hiện hành sanh nhau duyên khởi vô tận, gọi đó là nhân quả Thánh phàm.

Thể, Tướng, Dụng của tâm tức là Thể, Tướng, Dụng của tất cả các pháp, cho nên Thể, Tướng, Dụng của tâm không chỗ nào chẳng có, không chỗ nào chẳng đủ, không chỗ nào chẳng quán triệt, không chỗ nào chẳng thông suốt, sở dĩ Thể đại, Dụng đại, Tướng đại mà ở tại người tức là người, chẳng phải tìm cầu ở đâu khác, gọi đó là tâm Phật cũng được, tâm chúng sanh cũng được, gọi đó là tâm người cũng được. Lìa cái tâm hiện tiền mà riêng cầu tất cả pháp, gọi đó là ngoại đạo. Lìa tất cả pháp hiện tiền mà riêng cầu nhất tâm cũng gọi đó là ngoại đạo. Tất cả pháp đều lấy Chân như làm Thể tánh, cho nên Thể tánh của tâm tức là Chân như mà Thánh phàm, nhiễm tịnh, thiện ác, nhân quả đều tịch diệt thường như. Tất cả pháp đều lấy sanh diệt làm tướng dụng, cho nên tướng dụng của tâm tức là sanh diệt mà Thánh phàm, nhiễm tịnh, thiện ác, nhân quả đều duyên sanh vô tánh. Đây gọi là Nhất tâm Chân như sanh diệt, cũng gọi là Chân như sanh diệt Nhất tâm. Tôi nói lấy Minh tâm làm thiết yếu, ý nghĩa đại khái như vậy.

Phật hiện thân thuyết Pháp đều vì tất cả các loài hữu tâm ở thế gian mà khai thị ngộ nhập tri kiến Phật, cho nên đều do giải khởi hạnh, do hạnh được chứng. Giải mà chẳng có hạnh thì thành hiểu suông, chứng mà không có hạnh thì không do đâu thật chứng, cho nên nói trong Phật pháp, Tín, Giải, Hạnh, Chứng thì hạnh được trọng hơn hết và không có không được. Nhưng Hạnh môn vô lượng, nói sơ lược thì có tám muôn bốn ngàn pháp môn đối trị phiền não, cùng với các nghi quỹ trì tụng chân ngôn trong Mật giáo, năm mươi ba vị Thiện tri thức trong Kinh Hoa Nghiêm, mỗi vị do một môn để thành giải thoát, hai mươi lăm vị vô học trong Kinh Lăng Nghiêm, mỗi vị do một môn để chứng viên thông, cho đến Pháp giới quán của Đệ Tâm (Đỗ Thuận), chỉ thẳng tâm người thấy tánh thành Phật của Tổ Đạt-ma và các pháp quán chung của Đại thừa, Tiểu thừa như: Bất tịnh quán, Từ bi quán, Duyên khởi quán, Sổ tức quán, Niệm Phật quán v.v..., không pháp nào chẳng phải là diệu môn tu hành, tại sao nay chỉ riêng nói tu hành lấy niệm Phật làm ổn đáng?

Ở đây trước hết cần phải biết tông chỉ của Phật pháp, kế đó phải biết Phật nghĩa là gì?

Phải biết các Đức Phật xuất thế chẳng làm gì khác hơn là chỉ vì tất cả chúng sanh ngu muội không biết mình vốn lai là Phật, cứ mãi mê mà bất giác, ở trên tự tâm biến ra các thứ thân căn, cảnh giới, khởi hoặc tạo nghiệp, theo nghiệp lưu chuyển sanh tử luân hồi không dứt, chịu sự nhọc nhằn cay đắng một cách oan uổng, các Ngài nương vào đại bi hoằng nguyện, bày các phương tiện làm cho tất cả chúng sanh từ trong tự tâm khai phát vô lượng chánh biến tri, thọ dụng bình đẳng, diệu lạc đồng như Phật, đó là tông chỉ của Phật Pháp. Kế



đó, phải biết Phật chẳng đồng Thiên thần, Địa kỳ, Nhân quỷ, chỉ là người trong chúng ta và tất cả chúng sanh đã thành tựu Vô thượng Biến chánh giác. Chúng ta từ trong Phật pháp tu hành là phát tâm học Phật thành Phật, chứ không phải phát tâm học Thiên thần, Địa kỳ, Nhân quỷ. Sở dĩ tiêu chuẩn của chúng ta chỉ tại học Phật, mục đích của chúng ta chỉ tại thành Phật, một giây phút nào trong tâm quên học Phật và thành Phật tức là quên đi cái tiêu chuẩn phải nương vào cái mục đích phải đạt đến. Niệm nghĩa là chẳng quên, tâm tâm trì niệm nơi Phật mà chẳng quên thì tự nhiên tất cả các cử chỉ nói năng động tác đều hướng về con đường tu hành mẫu nhiệm của Vô thượng Bồ-đề. Tạm thời có giây phút nào quên niệm Phật tức là hốt nhiên bất giác, vô minh tâm động ắt có khổ, tự mê phương hướng, không biết đông tây, dở chân cất bước không biết như thế nào là tốt. Nói một cách khác, một phút giây quên niệm Phật tức là quên tâm Bồ-đề đã phát thì không luận là tu thắng hạnh nào đều chỉ thành nhân quả hữu lậu của Người, Trời, Ma, Phạm và nhân quả của Thanh văn, Duyên giác, quyền thừa. Duy có niệm Phật là có thể tổng trì tất cả thắng hạnh hướng về Phật quả Bồ-đề và khiến cho tất cả sở hành đều hướng về Bồ-đề, tuyệt không sót lọt, tuyệt không có lối tẻ lui sụt, cho nên tu hành lấy niệm Phật làm ổn đáng hơn hết.

Điều vừa nói trên là căn bản niệm Phật. Đức Thích Tôn còn có phương tiện khéo léo, vì thương xót các loài hữu tình tạp tướng lăng xăng, bị các thứ khổ bức ngặt, tuy biết cái nghĩa niệm niệm chẳng quên Phật mà chưa có thể thật sự được niệm niệm chẳng quên Phật thân thiết tương ưng, một phen vô thường đến chưa khỏi theo Nghiệp lưu chuyển nên Ngài mới dạy pháp môn niệm Phật A-di-đà cầu sanh Cực Lạc Tịnh Độ, nhờ nương

vào nguyên lực A-di-đà, lâm chung được sanh về Cực Lạc, được cùng Chư Phật, Bồ-tát ở chung một chỗ, thắng duyên tăng thượng, làm cho tâm tâm niệm niệm chẳng quên Phật, thăng lên Vô Thượng Chánh Giác, đây là rất ổn đáng trong ổn đáng vậy.

Biết căn bản và phương tiện Niệm Phật rồi, mới biết đầu tiên từ phạm phu phát tâm trải qua Tam Hiền, Thập Thánh cho đến thành Phật, đều phải niệm Phật, đều do niệm Phật. Bởi vì niệm Phật và chẳng niệm Phật là phân ranh giới giữa Phật và ma là hai đường tịnh nhiễm. Chẳng những tất cả hữu tình do học Phật để cầu thành Phật đều chẳng rời niệm Phật mà cho đến Đức Phật quá khứ, hiện tại trong khắp mười phương độ khắp chúng sanh cũng chẳng lìa niệm Phật. Vì các Ngài đều niệm tất cả chúng sanh bốn lai là Phật, do đó các Ngài mới hiện các thứ thân, nói các thứ pháp để hoá đạo chúng sanh thành Phật. Giả sử các Ngài chẳng niệm tất cả chúng sanh bốn lai là Phật thì chúng sanh vốn chẳng thể thành Phật, lại cần gì phải luống nhọc mà hiện thân thuyết pháp; Cho nên tự lợi, lợi tha từ đầu đến cuối đều chỉ là một diệu hạnh Niệm Phật mà thôi.

Phật Pháp chẳng phải nói xong là rồi, nghe xong là thôi, mà điều cần nhất là phải từ văn tư tu, dốc lòng học hỏi, nỗ lực tu hành để tự đạt đến.

(Trích Thái Hư Toàn Thư)

ĐH.

## Nói với trang kinh

Hiện tiền như huyền mộng thôi  
Vàng trắng chênh chếch khi vơi khi đầy  
Ngọn nguồn ở chín tầng mây  
Xé rời rừng xuống làm cây vô thường  
Băng ngàn vượt rú qua truông  
Nảy bao chồi lộc đoạn trường bấy nhiêu  
Quán từ giọt lệ trong veo  
Quán ra biển cả quán vèo mưa bay  
Biết là xuân sớm tàn phai  
Dám đâu ép một nhành mai xa rừng  
Biết là hạnh phúc vô cùng  
Khổ đau vô tận lao lung kín trời  
Có chăng tiếng khóc chào đời  
Đã làm lưng vốn cuộc chơi vật vờ  
Chiều nay ... chợt nẩy tứ thơ  
Uớp hương sen ngát mấy tờ bút hoa  
Bên bờ hay nhánh sông xa  
Dấu cho bèo dạt vẫn là sắc xanh  
Nhấp nhô gợn sóng đổ dành  
Thương con cá nhỏ loanh quanh giống mình  
Chìm trong sâu thẳm trang Kinh  
Bỗng nghe trời dậy chút tình ngần ngợ.

ĐVK.



• Đại sư Ấn Thuận  
Thích Nguyên Hiền (dịch)

# Tìm hiểu nguồn gốc Duy thức học *(tiếp theo)*

## Tập 2: Tư Tưởng Duy Thức Trong Phật Giáo Bộ Phái

### Chương II: Nguồn Gốc Của Bản Thức Luận

#### 1. KHÁI LUẬN

Tế tâm tương tục là tư tưởng tiên khu của Bản thức luận trong Duy thức học. Muốn hiểu được thế nào là Tế tâm tương tục thì trước hết phải khảo sát từ thô tâm gián đoạn. Tất cả mọi hoạt động tâm lý có thể chia ra làm hai loại là Tâm và Tâm sở. Tâm sở chính là tác dụng của Tâm, nương vào Tâm mà khởi; còn Tâm là chủ thể của tinh thần. Tâm còn gọi là Ý hoặc Thức, tuy ý nghĩa mỗi từ ngữ này không giống nhau nhưng các phái đều cho rằng chúng có thể dùng chung được. Sự sanh khởi tác dụng tri giác của tâm thức cần phải có rất nhiều điều kiện, mà điều kiện chủ yếu là cơ quan cảm giác (6 căn) làm sở y và đối tượng nhận thức (6 cảnh) làm sở duyên. Do sự sai biệt của sở y và sở duyên mà thức được chia thành 6 món: Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý.

Theo kinh nghiệm thông thường thì 6 thức vốn sanh diệt vô thường, gián đoạn. Chẳng hạn khi chết giấc, khi ngủ mê mà không có mộng, lúc ấy không có sự hoạt động của tâm thức. Theo Kinh điển thì khi ở Vô tướng định, Diệt tận định và Vô tướng thiên thì không có tâm thức. Loài hữu tình mà vô tâm thì dường như được Đức Thế Tôn xác nhận. Nhưng nếu nhìn trên một góc độ khác thì không hoàn toàn như thế. Đã nói là loài hữu tình thì có nghĩa là loài có thức. Sự hoạt động của sinh mạng và tâm thức của loài hữu tình là không tách rời nhau. Giả sử có những chúng sanh hữu tình mà không có tâm thức thì thử hỏi cái thân thể là Tâm thức ấy với xác chết hay cây cỏ có khác gì nhau? Phật giáo chỉ thừa nhận động vật là loài hữu tình, vì chúng có mạng sống. Phật giáo không chấp nhận cây cỏ là loài hữu tình. Nếu không nhìn từ góc độ có tâm thức hay không có tâm thức, có mạng sống hay không có mạng sống thì dựa vào đâu để phân biệt cỏ cây hay động vật? Trong Kinh điển tuy có nói Diệt thọ tướng định là Vô tâm định, nhưng cũng nói đến chỗ “thức bất ly thân” của người Diệt thọ tướng định. Do đó, đã nói là loài hữu tình thì tất nhiên là có tâm thức. Người chết hay ngủ say chẳng qua là không có tâm thức thô thiển, còn ý thức vi tế thì vẫn tồn tại, có điều không dễ nhận biết mà thôi. Thuyết “Tế tâm tương tục” chính là triển khai từ tư tưởng này vậy!

Bất luận là Đại chúng bộ, Phân biệt luận giả của Thượng tọa bộ, hay Thí dụ luận giả của Kinh lượng bộ, ở thời kỳ đầu, tất cả đều xem Tế tâm chính là sự chia nhỏ của ý thức. Trải qua một thời gian khảo sát lâu dài thì mới có chủ trương ngoài 6 thức còn có một Tế tâm riêng biệt. Nguồn gốc của thuyết Tế tâm tương tục cũng có một quá trình lặn dạn của nó: Phạm đã gọi là thức

phải có căn cảnh làm sở duyên. Đức Thế Tôn đã dựa vào sự khác nhau của căn sở duyên và cảnh sở duyên mà kiến lập ra 6 thức. Không chỉ trong kinh điển Tiểu thừa mà một phần Kinh điển Đại thừa cũng nói như thế. Nếu như ngoài 6 thức mà có Tế tâm, thế chẳng phải là có đến 7 thức sao? Thế thì khác nào nghịch với văn nghĩa rõ ràng trong Thánh giáo? Sở y và sở duyên (căn cảnh) của Tế tâm cũng thật là khó nói vậy! Do đó thời kỳ đầu, các bộ phái cho rằng Tế tâm là sự chia chẻ của ý thức, về sau mới phát hiện ra căn cứ của thuyết Tế tâm mà Đức Thế Tôn nói cũng giống như “Ý giới” trong 18 giới, hay chi Thức trong 12 chi Duyên khởi. Trên mặt lý luận cũng dần hoàn bị. Từ đó mới kiến lập một cái tâm độc lập ngoài 6 Thức gián đoạn.

Tế tâm chính là Tâm Thức vi tế khi thọ sanh và khi mạng chung, là cái chấp trì, giữ gìn thân căn và là cái liên hệ đến sự trói buộc hay giải thoát. Nó được kiến lập bởi yêu cầu giải thích Nghiệp quả Duyên khởi. Nó chính là bản chất sinh mạng của con người. Phật giáo Bộ phái đối với sự tìm hiểu bản chất sinh mạng cũng không giới hạn Tế tâm. Bởi vì nó cũng chẳng hề chướng ngại đến trình tự toàn diện của chúng. Nếu khảo sát từ Kinh A-hàm, một bộ Kinh có tính đại biểu cho Phật giáo Nguyên Thủy, thì hiện tượng sinh mạng của chúng sanh chỉ là sự hoà hợp của Danh sắc hoặc Ngũ uẩn, hoặc Lục giới mà thôi! Đối với sự Luân hồi trong ba cõi, Danh sắc v.v... cũng là diễn biến của sự sanh diệt không ngừng, đồng thời chẳng có một cái gì trường tồn bất biến khả dĩ gọi là tác giả, thọ giả... Sự sanh diệt trong từng sát-na theo chủ trương Vô thường luận ấy, đối với sự kiến lập thuyết Nghiệp quả Duyên khởi quả là vô cùng rắc rối. Làm sao có thể tìm được một mối quan hệ cho một diễn biến trước sau bất nhất như thế? Tư tưởng



Phật giáo bị phân hoá cũng chính tại lý do này. Đại chúng bộ và Phân biệt thuyết hệ đối với sự thống nhất của tâm thức; Thuyết nhất thuyết hữu bộ và Độc tử hệ đối với chủ trương Bồ-đặc-già-la của thuyết Ngũ uẩn hoà hợp, đã xây dựng một tiến trình di chuyển trước sau. Y theo kiến giải “*Danh sắc trói buộc, Danh sắc giải thoát*” của Phật giáo Nguyên Thủy thì chủ trương Ngũ uẩn thống nhất cũng có phần thích đáng! Nhưng chủ trương Tâm thức đóng vai trò lãnh đạo, chủ động trong sự trói buộc hay Giải thoát cũng không thể phủ nhận được. Như thế, đối với chủ trương Tâm pháp bất đoạn từ trước đến nay, xây dựng thuyết Nghiệp quả, nếu không vượt ra ngoài phạm vi nó cần phải có thì tự nó cũng có chút trác kiến. Có thể nói, luận thuyết Ngũ uẩn thống nhất là Bình đẳng môn, Tâm thức thống nhất là Thù thắng môn. Luận về sự thống nhất này cũng có nhiều ý kiến bất đồng. Đối với mặt tác dụng của thuyết Ngũ uẩn hoà hợp, Thuyết nhất thuyết hữu bộ kiến lập cái ngã giả danh. Các thật pháp không có sự tương quan, sự hoà hợp của các giả-danh-ngã phải tương tục mới có thể nói đến sự di chuyển. Độc tử bộ thì không như thế. Đối với sự diễn biến liên tục của Ngũ uẩn, họ tìm ra một sự thống nhất nội tại, do đó kiến lập cái ngã-bất-khả-thuyết. Nói một cách dễ hiểu, khái niệm “thống nhất” của Hữu bộ giống như từng đợt sóng nước, lớp sau đẩy lớp trước; còn khái niệm của Độc tử bộ thì giống như sự khởi diệt của một đợt sóng, sự thống nhất của nước biển nằm trong một ngọn sóng như thế. Nói một cách khác, một đằng là sự tập hợp vô cơ, một bên là sự thống nhất hữu cơ. Tâm thức thống nhất về mặt kiến giải, Đại chúng bộ và Phân biệt thuyết bộ ban đầu cơ hồ không có một luận lý chính xác rõ ràng. Về sau, Kinh lượng bộ thuộc hệ thống Thuyết nhất thiết hữu vin vào quan

điểm giả danh tương tục của Hữu bộ mà sử dụng Nhất tâm luận. Còn Đại chúng bộ và Phân biệt thuyết bộ thì sử dụng luận điểm “Nhất tâm thị thường” và “Ý giới thị thường”, tức đối lập với quan điểm của Kinh lượng bộ. Cả hai tư tưởng này đều có vấn đề của nó; Sự thống nhất của giả danh tương tục là cái thống nhất mang tính máy móc. Còn sự thống nhất theo nghĩa thường nhất thì lại thuộc về Hình nhi thượng và Siêu thức. Hai chủ trương này đối nghịch nhau cũng giống như hai khuynh hướng Hư vọng duy tâm luận và Chơn thường duy tâm luận trong Phật giáo Đại thừa. Bất luận là Ngũ uẩn hay tâm, tâm sở, hễ nói đến sự thống nhất trong ba thời gian (quá khứ, hiện tại, vị lai) thì đều có liên quan đến thuyết Nghiệp quả duyên khởi, tức cũng là tư tưởng tiên khu của Bản thức luận. Có vẻ như giữa tư tưởng Bồ-đặc-già-la và Bản thức không quan hệ gì với nhau, kỳ thực Bản thức chính là hợp lưu của tư tưởng này, cũng giống như quan hệ mật thiết giữa thuyết A-lại-da và Như lai tạng trong Duy thức học vậy. Như lai tạng và cái ngã-bất-khả-thuyết cũng có chỗ giống nhau. Do đó, khi tìm hiểu nguồn gốc của thuyết Bản thức này, về mặt lý luận, cần phải xem xét lại ý nghĩa của Bồ-đặc-già-la, tất nhiên cũng phải khảo sát lại chủ trương của bộ phái Phật giáo đề xuất và y cứ.

### ĐỘC TỬ BỘ VỚI TƯ TƯỞNG BẢN THỨC

Một trong những pháp ấn mà Phật giáo thường đề cập đến là “Chư pháp vô ngã”. Tiểu thừa tuy có khuynh hướng “Hữu ngã”, nhưng chỉ có Độc tử bộ, một bộ phái thuộc hệ thống Thượng toạ bộ chiếm một vị trí khá quan trọng trong Phật giáo bộ phái là dám đề xuất Hữu ngã luận một cách rõ ràng. Độc tử bộ và các chi phái của nó như Chánh lượng bộ, Pháp lượng bộ, Hiền



trụ bộ, Mật lâm sơn bộ đều kiến lập một cái Bồ-đặc-già-la bất khả thuyết. Bồ-đặc-già-la dịch ý là “Số thủ thú”, tức chỉ cho chủ thể chiêu cảm sự sanh tử luân hồi trong ngũ thú không dứt, vốn là một tên gọi khác của Ngã. Ở đây lại gán thêm cụm từ “bất khả thuyết” để phân biệt, tất nhiên là khác xa cái thần ngã của ngoại đạo. Phẩm Phá Ngã trong luận Câu-xá quyển 30 từng nói đến lý do mà Độc tử bộ cho rằng không thể không có một Bồ-đặc-già-la: “Nếu nói không có Bồ-đặc-già-la, vậy thì ai là người lưu chuyển trong sanh tử? Nếu tất cả chúng sanh đều không có ngã thể, thì đối với những cảnh tượng tợ mà chúng sanh cảm thọ, khi tâm thức hoại diệt trong từng sát-na, làm sao có thể ghi nhớ được? Nếu thật là không có ngã, khi Nghiệp thức đã hoại diệt, làm sao có thể sanh quả báo lại trong vị lai?”

Trong Thành Duy Thức Luận quyển I cũng có đoạn nói như thế. Luận này kiến lập động cơ của Bồ-đặc-già-la. Khi giải thích chủ thể của luân hồi sanh tử và giải thoát, sự gìn giữ nghiệp lực và kinh nghiệm cũng đều xuất phát từ cách giải thích Nghiệp quả duyên khởi. Đức Thích Tôn cũng từng nói qua điều này: “Ta từ trước như thế nào, như thế nào...”. Độc tử bộ căn cứ vào giáo điển ấy mà kiến lập Hữu ngã luận.

Từ động cơ kiến lập cũng có thể biết được ít nhiều nhiệm vụ của Bồ-đặc-già-la, hiện tại cũng không khó nói cụ thể chút ít:

Thứ nhất, Bồ-đặc-già-la là chủ thể của luân hồi từ đời trước đến đời sau. Giống như Di bộ tông luân luận nói: *“Nghĩa của bản tông và Độc tử bộ giống nhau..., các pháp nếu là Bồ-đặc-già-la thì không thể chuyển từ đời trước đến đời sau. Y theo Bồ-đặc-già-la mà nói có di chuyển”*.

Theo kiến giải của Độc tử bộ, Tâm và Tâm sở là sát-na sanh diệt. Trong một thời gian tương đối, tuy thân căn (sắc pháp) không diệt, nhưng chúng chỉ an trụ một cách tạm thời, đến khi kết thúc sanh mạng thì mới thật sự hoại diệt, tùy theo sanh mạng dài hay ngắn. Nói chung, cả sơn hà đại địa chẳng qua cũng chỉ tạm thời trụ trong một kiếp. Như thế, thân tâm của loài hữu tình không có một pháp nào có thể từ đời trước di chuyển đến đời sau. Đối với tư tưởng này, các hiện tượng luân hồi trong ba cõi, tạo nghiệp, thọ quả v.v... đương nhiên không thể nương tựa vào một pháp nào để kiến lập. Do đó phái này cho rằng phải có một Bồ-đặc-già-la mới có thể xuyên suốt được cả ba đời. Giống như ta tạo nghiệp, các nghiệp ấy liền cùng với ta tạo thành một mối liên hệ cho ta lưu chuyển đến đời sau, như vậy cũng có thể nói nghiệp là chiêu cảm lấy quả báo ở đời sau vậy.

Thứ hai, Bồ-đặc-già-la là cái có khả năng ghi nhớ. Theo kiến giải của Độc tử bộ, tất cả những điều thấy nghe tuy thuộc về quá khứ nhưng đều có thể nhớ lại, đồng thời biết được nó chính là những điều mình từng thấy nghe. Cái gì là chủ thể ghi nhớ? Tâm thức năng tri sanh diệt trong từng sát-na, tâm thức ở sát-na sau không phải là cái tâm của sát-na trước, thế thì làm sao giải thích được hiện tượng ký ức đối với những điều mình từng thấy nghe? Do đó mới đề xuất những vấn nạn tương tự đối với người chủ trương Vô ngã: “cái tâm thấy sau khác với cái tâm trước, làm sao nó có khả năng ghi nhớ. Chẳng phải cái tâm sẵn có (*Thiên thọ tâm*) từng thấy cảnh, rồi cái tâm đến sau (*Hậu tự thọ tâm*) có khả năng ghi nhớ (*xem Luận Câu-xá*). Như thế, họ đem Bồ-đặc-già-la ra để đảm nhận chức năng của ký ức. Luận Đại Tỳ-bà-sa quyển XI từng đề xuất chủ trương Ngã có khả năng ghi nhớ. Độc tử bộ nói: “*Ta cho rằng*

*có một cái ngã có khả năng ghi nhớ những việc mình đã làm. Trước tự lãnh nạp, nay tự ghi nhớ lấy”.*

Thứ ba, Bồ-đặc-già-la là chỗ nương tựa để sáu thức sanh khởi: Sáu thức là cái có khả năng nhận thức đối tượng, chúng vô thường và gián đoạn. Tuy nhiên khi 6 thức không khởi tác dụng, căn thân không hoại, mà thân căn đó lại thuộc loài hữu tình, thế thì ai ở đó để làm bản chất của sinh mạng? Quan sát đến đó, không còn nghi ngờ gì nữa, từ hiện tượng tri thức suy luận đến nội tại, từ đó phát sanh ra bản thể của sinh mạng. Dụng ý của nhà kiến lập thuyết Tế tâm cũng đại để như thế mà thôi. Khi sáu thức gián đoạn thì có Bồ-đặc-già-la tồn tại. Bồ-đặc-già-la chính là chỗ nương gá để sinh khởi ra sáu thức. Nói một cách dễ hiểu: Sáu thức hoặc khởi hoặc diệt, tương tục hay gián đoạn đều nương nơi đương thể của sinh mạng – tức Bồ-đặc-già-la mới có thể hoạt dụng được. Tư tưởng này cũng gần giống như tư tưởng Hữu ngã của ngoại đạo Ấn Độ. Trong Luận Đại Trí Độ quyển 34, Bồ-tát Long Thọ cũng từng nói đến thuyết “Y ngã sanh thức” của ngoại đạo. Đại Thừa Thành Nghiệp Luận cũng nói: “Ngã thể thật hữu, nó làm chỗ nương gá cho Lục thức thân”.

Ở đây tuy không nói rõ chủ trương của Độc tử bộ, nhưng trong những phần bài xích của luận này từng nói: “Lại chấp rằng có ngã, trái nghịch với A-cấp-ma (Thánh Giáo) nói tất cả các pháp vô ngã”, rồi nêu những phần trái nghịch với Thánh giáo ra để vấn nạn. Qua đó có thể thấy rằng các học giả trong nội bộ Phật giáo, nếu chẳng phải thuộc Độc tử bộ thì là ai?

Thứ tư, Bồ-đặc-già-la có thể khiến cho các căn mất, tai... tăng trưởng. Trong Quán Bảo Trụ Phẩm thuộc Trung Luận quyển II, Ngài Thanh Mục giải thích: “Có



luận sư nói rằng trước chưa có các pháp như Nhãn... nên có bản trụ, nhân bản trụ này mà các căn như Nhãn... được tăng trưởng. Nếu không có bản trụ thì các căn thân và Nhãn... do đâu sanh khởi để được tăng trưởng?"

Bản trụ tức là tên khác của ngã. Do có sự hoạt động của bản trụ mà các căn mới có thể tăng trưởng. Chủ trương này, Luận sư Thanh Biện từng nói trong Bát-nhã Đăng Luận quyển VI rằng: "*Chỉ có Bà-tư-phát-đa-la (tức tên tiếng Phạn của Độc tử bộ) là lập nghĩa như thế*". Do đó có thể biết đây cũng là một dạng "Ngã bất khả thuyết" của Độc tử bộ mà ra.

Từ mặt tác dụng của Bồ-đặc-già-la mà khảo sát, chẳng qua chỉ là không nói đến thuyết Như lai tạng của Duy thức học. Nếu nói theo tư tưởng của phái Du-già thì cũng hoàn toàn phù hợp và đầy đủ hơn. Thuyết Bản thức của phái Du-già cũng nhằm thuyết minh chủ thể của luân hồi – quả báo chiêu cảm từ nghiệp thức "đến trước đi sau làm chủ ông" (*khứ hậu lai tiên tác chủ ông*). Do sự huân tập và chấp trì của bản thức mà có thể giữ gìn được những kinh nghiệm của quá khứ, ghi nhớ không cho sót mất; Bản thức là chỗ nương tựa cho sáu thức sanh khởi. Do Bản thức nhập thai mà Danh sắc, Lục xứ có thể tăng trưởng lớn mạnh. Động cơ thiết lập bản thức và cái ngã-bất-khả-thuyết há chẳng cùng một ý thức đó sao? Do đó cũng chả trách có người nói A-lại-da chính là biến tướng của Thần ngã vậy!

Rốt cuộc thì cái ngã mà Độc tử bộ nói là cái gì? Nếu người quan sát một cách hời hợt thì sẽ nói cái ngã đó là cái cách tránh né cái chấp Thần ngã của ngoại đạo cho cả hai đều chẳng phải đấy thôi! Họ thường nói "*chẳng phải giả, chẳng phải thật, chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, chẳng thường, chẳng đoạn, chẳng*

*phải uẩn mà cũng chẳng phải là uẩn*"; chỉ có thể nói đó là cái ngã-bất-khả-thuyết. Lý luận như thế, về mặt ngôn ngữ đã có vấn đề. Luận Thành Duy Thúc từng nhắc nhở *"không thể nói là ngã hay phi ngã"*, ấy cũng vì chỉ ra cái khuyết điểm này. Đã nói tất cả đều bất khả thuyết, vậy cái bất khả thuyết đó là cái gì? Cái gì là cái ngã bất khả thuyết?

Độc tử bộ chia tất cả các pháp thành 5 pháp tạng. Cái ngã này nằm trong Bất khả thuyết tạng thứ năm. Giống như Thành Duy Thúc Luận Thuật Ký nói: "Họ (Độc tử bộ) lập ra 5 pháp tạng: Tam thế (ba đời quá, hiện, vị lai), Vô vi, và Bất khả thuyết. Họ cho rằng cái ngã này chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, không thể nói là hữu vi hay vô vi".

Độc tử bộ chia tất cả Pháp thành Quá khứ pháp tạng, Vị lai pháp tạng, Hiện tại pháp tạng, Vô vi pháp tạng và Bất khả thuyết tạng. Ba đời hữu vi và vô vi so với tư tưởng của Nhất thiết hữu bộ đại để tương đồng, chỉ có thêm Bất khả thuyết tạng mà thôi. Bất khả thuyết tạng chính là bất khả thuyết ngã. Hữu vi là vô thường, vô vi là thường trụ, mà ngã thì không thể nói là hữu vi, vô vi, thường hay vô thường. Căn do như vậy: Giả sử ngã là vô thường thì trong sự luân hồi từ đời trước đến đời sau, cái ngã ấy không thể kiến lập lại như cũ. Ngoại đạo chấp cái uẩn là ngã ắt rơi vào cái lỗi đoạn diệt cũng tại chỗ này. Giả sử cái ngã là thường trụ thì cái ngã ấy phải là cái thân ngũ uẩn vô thường này mà tồn tại, đồng thời cũng không có sự thọ khổ, thọ lạc khác nhau. Kiến chấp cái ngã là uẩn của ngoại đạo cũng mắc phải cái lỗi tương tự. Độc tử bộ thấy được điểm này nên nói "phi hữu vi, phi vô vi". Tuy không phải là ngũ uẩn hữu vi, nhưng cũng không thể là ngũ uẩn mà tồn tại. Cũng

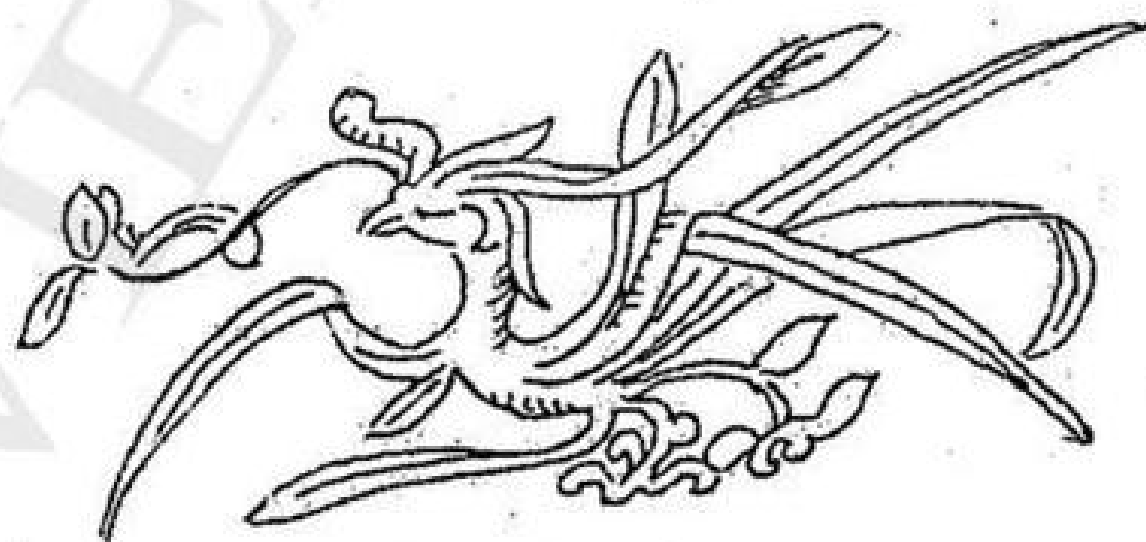


giống như củi và lửa, không thể nói củi là lửa, cũng không thể nói là củi mà có lửa. Luận lý song phi này khiến người khác tự nhiên nghĩ đến một thực thể không là Ngũ uẩn nhưng thuộc về Hình nhi thượng. Phẩm Phá ngã trong luận Câu-xá quyển IX có đề cập tỉ mỉ vấn đề này: “Độc tử bộ chấp có, Bồ-đặc-già-la, thể của nó đối với ngũ uẩn là bất nhất, bất dị... Là ngã mà lập Bồ-đặc-già-la, giống như người trưng dẫn các thuyết thật hữu, giả hữu... Điều này cũng giống như người thế gian nung nơi củi mà nói lửa..., nghĩa là chẳng phải là củi mà có thể có lửa, củi và lửa chẳng phải một chẳng phải khác... Như vậy, không là uẩn mà lập Bồ-đặc-già-la, nhưng Bồ-đặc-già-la và uẩn chẳng phải một chẳng phải khác”.

Kinh Đại Bát-nhã cũng từng nói đến thuyết Ngũ pháp tạng. Bồ-tát Long Thọ cũng thường dùng câu “Một là pháp hữu vi, hai là pháp vô vi, ba là pháp bất khả thuyết” để tổng nhiếp tất cả các pháp. Các Kinh Luận nói về Chân không của Đại thừa đều có quan hệ mật thiết với tư tưởng của Độc tử bộ. Trong trường phái Bát-nhã tánh Không, Pháp bất khả thuyết chính là Chân thắng nghĩa đế của các pháp, tánh của nó rốt ráo là không. Có người nói: *“Cái ngã bất khả thuyết của Độc tử bộ là dựa vào Ngũ pháp tạng trong Kinh Đại Bát-nhã kiến lập. Nhưng họ hiểu lầm thắng nghĩa không tánh là ngã”*. Cũng có người nói Ngũ pháp tạng trong Kinh Bát-nhã có nguồn gốc sâu xa từ Độc tử bộ. Nhưng trên mặt thuyết minh thì có vẻ sâu sắc hơn, chính xác hơn. Bất luận ai ảnh hưởng ai, nói chung cái ngã bất khả thuyết và Thắng nghĩa Không tánh của Bát-nhã quan hệ với nhau. Không những chúng chỉ có quan hệ với Bát-nhã, Kinh Đại Niết-bàn nói Như lai tạng gọi là Phật tánh, Phật Tánh chính là chân ngã. Chân ngã

hẳn nhiên không phải là cái Thần ngã của ngoại đạo (do đó nói vô ngã) mà chính là cái Đại ngã “không phải 6 pháp (*giả ngã và năm uẩn*), không là 6 pháp”. Cái Chân ngã Phật tánh này có quan hệ mật thiết với cái ngã bất khả thuyết không phải ngũ uẩn, không là ngũ uẩn của Độc tử bộ. Điều đó không ai dám phủ nhận! Nếu kết hợp Kinh Đại Bát-nhã và Kinh Đại Niết-bàn lại để xem xét thì Kinh Bát-nhã tuy lấy Bất khả thuyết tạng làm Thắng nghĩa không tánh, nhưng Thắng nghĩa không tánh chẳng phải được các nhà chủ trương Chơn thường giải thoát là Như lai tạng tánh đấy sao? Nếu như từ chỗ thật tánh được hiển bày bằng Pháp không để lý giải thì Trung đạo Đệ nhất nghĩa không và Phật tánh rốt cuộc cũng chỉ là một mà hai, hai mà một đấy thôi! Tiến thêm một bước nữa, cái ngã bất khả thuyết và Chư pháp thật tánh của Đại thừa cũng có quan hệ với nhau. Thỉnh thoảng chúng ta cũng liên tưởng đến câu “Ngã thuyết Như lai tạng dĩ vi A-lại-da” (*Xem Kinh Mật Nghiêm quyển hạ*)... Xem ra quan hệ giữa cái ngã bất khả thuyết và A-lại-da cũng tự nhiên khiến chúng ta chú ý mà không nên bỏ qua vậy!...

TNH.



## Tóc tơ

*Đêm nằm tay úp bàn tay  
Im nghe tiếng thở vào ra, ra vào  
Tâm chẳng lặng, ý còn xao  
Chiêm bao khóc giữa hoa đào năm xưa.*

*Vòng tay ôm mái tóc thưa  
Sợi chùng cho mẹ, sợi vừa cho con  
Sợi nào chữa dứt lòng son  
Sợi nào thả giữa lối mòn cỏ cây.*

*Đêm nằm tay ngửa bàn tay  
Nghe mưa ngày cũ rụng đầy mái hiên  
Hoa đào trong gió bay nghiêng  
Cười tơ tơ tóc côi miền nhân gian*

DH.



## Pháp môn niệm Phật *(tiếp theo)*

### NHỨT TÂM BẤT LOẠN THÀNH TAM MUỘI

Thành lập khoá tu niệm Phật để hằng ngày chúng ta chí tâm niệm Phật. Đây là một phương pháp tu tập giúp cho chúng ta gieo trồng hạt giống Phật đạo. Chúng ta niệm được một câu thánh hiệu Phật Đà thì chính chúng ta đã gieo trồng một hạt giống Phật đạo, niệm được mười câu thánh hiệu Phật Đà thì đã gieo trồng mười hạt giống Phật đạo. Mỗi ngày chúng ta cứ mãi miết niệm đến trăm ngàn vạn thánh hiệu của đức Phật thì chúng ta cũng đã gieo trồng vô số trăm ngàn vạn hạt giống Phật quả như thế. Đã gieo trồng hạt giống rồi thì trong tương lai hạt giống ấy nhất định sẽ đơm hoa giác ngộ kết quả giải thoát. Bạn không cần phải lo lắng cho bạn, bởi niệm Phật là từ niệm tán tâm mà bước vào niệm định tâm. Có mấy câu thơ rất là hay như sau:

*Thanh châu rơi xuống dòng nước cầu*

*Nước cầu không thể dơ thanh châu.*

*Niệm Phật đi vào trong tâm loạn*

*Tâm loạn không mất thể tánh sâu.*

Thật đúng như vậy, hạt châu trong suốt khi bị rơi xuống dòng nước cầu bẩn, dù cho dòng nước ấy có đục dơ đến đâu đi nữa, thì viên minh châu vẫn trong suốt thanh tịnh, bởi thể tánh của viên minh châu vốn



trong suốt. Chúng ta niệm Thánh hiệu của đức Phật cũng giống như mang hạt minh châu bỏ vào trong nước thì nước ấy lại càng trong thêm. Niệm Phật là đi vào trong loạn tâm, bởi tâm thức của chúng ta xưa nay vốn điên đảo rối bời, bị vọng tưởng hỗn loạn, suy cái này rồi nghĩ sang cái kia, niệm này qua rồi niệm khác đến. Hay nói cách khác, tâm thức của chúng ta bị vọng tưởng chi phối, không một chút ngưng nghỉ. Khác nào những làn sóng vọng tưởng xô ra tấp vào giữa biển khơi tâm thức, không một thời khắc ngưng nghỉ. Khi niệm Phật tức là chúng ta bước vào trong biển tâm thức sóng cuộn ấy, đằng sau từng loạt sóng ấy là thể tánh Phật đà trong suốt vẫn luôn tồn tại, không bị sóng vọng tưởng nhận chìm. Ngược lại, tác dụng của câu niệm Phật là làm cho những loạt sóng điên đảo của tâm thức trở thành bình yên thanh lặng của tâm Phật. Vì sao? Khi hành giả niệm một câu Thánh hiệu Phật đà thì trong tâm hành giả sẽ tồn tại một hạt giống thanh tịnh của Phật tâm. Niệm liên tục được mười câu, trăm câu, ngàn vạn câu thì trong tâm của bạn sẽ có ông Phật niệm lại mình. Chúng ta niệm Phật thì Phật sẽ niệm lại chúng ta, giống như chiếc máy Radio vậy, khi hành giả niệm Nam-mô A-di-đà, chiếc máy thu thanh ấy sẽ thu lại tiếng niệm của bạn. Nói cách khác, những lời niệm Phật của bạn sẽ được tâm thức của bạn thu lại, đó là niềm “cảm ứng đạo giao”, là lẽ đương nhiên thôi. Do đó, như ý nghĩa của mấy câu thơ trên thì công đức niệm Phật của chúng ta thật không thể nghĩ bàn. Khi đang niệm Phật tức là lúc ấy hành giả không có khởi tâm đoạn trừ các thứ vọng tưởng khác, không khởi tâm đoạn trừ các thứ vọng tưởng khác thì chính đó là tự tánh công đức của hành giả. Vì sao? Vì câu niệm Phật ấy đã dẹp tan tất cả vọng tưởng rồi.

## MUÔN SỰ ĐỀU KHÔNG VÀO LIÊN BANG

Người xưa có câu: “Nhàn cư vi bất thiện”. Đúng như vậy, từ sáng đến tối chúng ta nên tìm cho mình một công việc, công việc ấy là thực hành tu tập, không nên để cho tâm rảnh rỗi mà khởi lên nhiều thứ tạp niệm. Nếu chúng ta không chịu cột tâm vào một phương pháp tu tập nào đó thì không bao giờ có được sự thông dong tự tại, và phương pháp tu tập ở đây chính là câu niệm Phật. Hành giả niệm Thánh hiệu của đức Phật thì cũng chính là hành giả đang thực tập thiền quán. Chúng ta đừng nên cho rằng ngồi nhắm mắt lim dim như các vị thiền sư ấy mới là ngồi thiền. Nếu như trượng cả hai mắt lên thì cũng gọi đó là ngồi thiền vậy. Thiền là gì? Thiền tức là nhiếp tâm lại một chỗ, nếu khi đi đứng nằm ngồi mà hành giả nhiếp được tâm ý thì đó chính là thiền vậy.

*Đi đứng nằm ngồi thấy đều thiền  
Nói nín động tịnh thể an nhiên.*

Người xưa có nói:

*Có Thiền có Tịnh độ  
Như hổ mọc thêm sừng  
Đời này làm thầy người  
Đời sau làm Phật tổ  
Có Thiền có Tịnh độ  
Mười người làm đường chín  
Không Thiền không Tịnh độ  
Muôn tu muôn người bỏ*

Pháp môn Tịnh độ là một pháp môn rất dễ tu tập. Trong quá khứ các vị Bồ-tát thường khen ngợi đường hướng tu tập của pháp môn này như Bồ-tát Văn-thù, hay như trong phẩm Hạnh Nguyên của Bồ-tát Phổ Hiền thuộc kinh Hoa Nghiêm cũng hàm nhiếp

mười phương chúng sanh vãng sanh về thế giới Tịnh Độ, Bồ-tát Phổ Hiền cũng niệm Phật để cầu sinh Tịnh Độ. Bồ-tát Quán Thế Âm cũng niệm Phật, Bồ-tát Đại Thế Chí cũng khen ngợi pháp môn niệm Phật. Ai đã từng xem Kinh Lăng Nghiêm thì sẽ biết đến chương Bồ-tát Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông. Chương này nói về pháp môn niệm Phật rất căn kẽ. Đây là các vị Bồ-tát trong quá khứ, các ngài đều khen ngợi pháp môn Tịnh Độ, chuyên tu pháp môn Tịnh Độ.

Các vị Tổ sư trong quá khứ cũng vậy, ban đầu tu tập theo pháp môn Thiền học, nhưng về sau đều trở về với pháp môn niệm Phật này. Các ngài chỉ niệm Nam- mô A-di-đà Phật thì ngay lập tức hoá thân của đức Phật A-di-đà hiển lộ. Điều này, chính Thiền sư Vĩnh Minh đã chứng đạt. Gần đây, Pháp sư Ấn Quang đem trọn cuộc đời mình xiển dương pháp môn Tịnh Độ. Tiếp đó, Thái Hư Đại sư cũng đề xướng pháp môn này. Cho nên pháp môn niệm Phật là pháp môn dễ dàng cho việc tu tập nhất, đơn giản nhất mà lại viên dung nhất đối với các pháp môn tu tập khác. Pháp môn tu tập ấy được mười phương chư Phật đồng khen ngợi. Chúng ta xem trong kinh A-di-đà, chư Phật trong sáu phương đều hiện ra tướng lưới rộng dài, bao phủ cả ba ngàn đại thiên thế giới để khen ngợi pháp môn này. Nếu như không phải là pháp môn tu tập đúng đắn thì làm sao chư Phật trong sáu phương đều thốt lời khen ngợi? Điều này chứng minh được rằng: Tu tập pháp môn niệm Phật, hành giả sẽ đạt đến giải thoát một cách dễ dàng hơn. Đặc biệt, đối với đời mạt pháp mà chúng ta đang chung sống, mọi người nên chọn cho mình pháp môn tu tập này là tốt nhất.



## ĐỐN NGỘ VÔ SANH PHẬT HIỆN TIỀN

Phương pháp trì danh niệm Phật áp dụng cho trong đời mạt pháp hiện tại của chúng ta, là một phương pháp rất thích hợp. Vì vậy, khi phổ biến cho mọi người tu tập thì họ đều dễ dàng phát được niềm tin vào pháp môn này. Do đó, chúng ta đừng nên xem nhẹ nó.

Thiền sư Vĩnh Minh niệm một câu Nam-mô A-di-đà Phật thì ngay trong miệng của ngài có một vị Phật hoá hiện ra, những bậc chứng được Ngũ nhãn, Lục thông sẽ nhìn thấy một cách rất rõ ràng. Vả lại, khi hành giả niệm Phật đôi lúc sẽ phát ra hào quang, khi có hào quang phóng ra thì các ma quái đều xa lánh. Vì vậy, công đức niệm Phật cao vời vợi, chúng ta không thể nghĩ bàn đến được.

## THÁNH QUẢ DIỆU GIÁC TỰ CHỨNG LÊN

Ở đây xin nói với quý vị rằng, chúng ta không nên xem pháp môn niệm Phật là một pháp môn chân chính, mà cũng không nên cho nó là không chân chính. Giữa hai phạm trù chân giả này, nếu hành giả dốc hết tâm lực để hạ thủ công phu thì nó sẽ biến thành chân, còn không chịu tu tập thì nó lại trở thành giả. Thật sự thì không chỉ pháp môn này mới như thế mà tất cả các pháp môn tu tập đều như vậy cả.

Cho nên có câu:

*Tâm tà tu chánh pháp  
Chánh pháp biến thành tà  
Tâm chơn hành tà pháp  
Tà ấy biến thành chơn.*

Điều này không thể chối cãi được. Vì thế mỗi khi chúng ta tu tập lễ Phật, niệm Phật cũng cần phải



quán tưởng rằng: Thân thể chúng ta cũng biến khắp vô lượng thế giới ở mười phương, đang an trụ trong các cõi nước của chư Phật, được tận mắt diện kiến và đánh lễ chư Phật. Khi hành giả quán tưởng như thế thì mới thể nhập được pháp giới thanh tịnh. Lúc đó mới thấy được thân thể của chúng ta cũng chính là pháp giới rộng lớn này vậy.

Trong kinh có câu:

*Nhược nhơn dục liễu tri  
Tam thế nhất thiết Phật  
Ứng quán pháp giới tánh  
Nhất thiết duy tâm tạo  
(Nếu người muốn hiểu rõ  
Ba đời tất cả Phật  
Nên quán pháp giới tánh  
Hết thấy do tâm tạo)*

Pháp môn niệm Phật là một pháp môn tu tập thích hợp cho mọi căn cơ, do đó ai cũng có khả năng tu tập pháp môn này một cách dễ dàng. Hành giả chỉ cần niệm Nam-mô A-di-đà Phật thì trong tương lai, khi sắp mạng chung sẽ được sanh về thế giới Cực lạc, và có thể được hoá sanh trên hoa sen báu, an trụ trên đó, mỗi ngày được nghe những pháp âm niệm Phật vi diệu, cứ thế dần dần sẽ chứng được quả Phật.

Tuy xưa nay nói trong tương lai khi sắp mạng chung nên niệm Phật sẽ được sanh về thế giới Cực lạc. Nói như thế thì bây giờ chúng ta niệm Phật để làm gì? Vâng! Hôm nay chúng ta chưa chết, nhưng câu niệm Phật này nhằm dự bị cho lúc sắp chết mới có công dụng, cho nên muốn có công dụng khi sắp chết thì bây giờ chúng ta phải vun bồi. Giống như chúng ta trồng một cây cổ thụ, hiện giờ cây đã lớn, cao hơn mười mấy trượng,

nhưng bạn nên biết rằng cây cao lớn như hôm nay không phải chỉ trồng trong một ngày mà có được như thế, mà sự cao lớn của nó trong hôm nay là nhờ vào quá trình sinh trưởng và vun bồi trong từng ngày trước đây. Hành giả niệm Phật cũng như thế, hôm nay chúng ta nỗ lực niệm Phật, đến giờ phút sắp lâm chung thân tâm chúng ta không có chút bệnh tật, không có tâm tham luyến, không có tâm sân hận, không có tâm mê mờ. Tâm hành giả lúc ấy rất định tĩnh, không bị loạn động, bởi trong tâm chỉ tồn tại một câu niệm Phật, ngoài ra không còn khởi bất cứ một thứ tâm lý nào nữa. Được vậy thì lúc ấy đức Phật A-di-đà sẽ ngự trên đài sen thơm ngát, từ trên không trung đi đến để tiếp dẫn bạn. Giả như hôm nay chúng ta không chịu niệm Phật mà đợi đến lúc sắp mạng chung thì e rằng khi ấy thân tứ đại của chúng ta đây sẽ rã rời bải hoải, lại phát thêm các thứ bệnh tật của cả thân lẫn tâm. Thử hỏi lúc ấy làm sao nhớ được câu niệm Phật để niệm? Chỉ trừ khi có các bậc thiện tri thức đến để thức làm cho chúng ta tỉnh lại, bảo chúng ta niệm Phật, may thay mới có thể niệm được. Còn như không có bậc thiện tri thức đến để đánh thức thì chắc chắn rằng chúng ta không nhớ đến để niệm đâu! Vì thế, lúc còn sống phải có tâm tu tập niệm Phật, ngày nào cũng phải niệm, niệm đến lúc đạt được niệm Phật Tam-muội, khi ấy câu niệm Phật sẽ trở thành một lực thú hướng rất mạnh, dễ dàng đưa chúng ta chứng đến Phật quả. Được như thế thì khi sắp mạng chung tự nhiên câu niệm Phật sẽ trở thành nhất niệm hiện tiền trong tâm, hành giả không bao giờ quên được. Nếu như hành giả không quên câu niệm Nam-mô A-di-đà Phật thì đức Phật A-di-đà ở bên kia thế giới cũng không bao giờ quên chúng ta được, Ngài sẽ cưỡi thuyền đại nguyện đi đến, dùng hoa sen vàng để tiếp dẫn chúng ta vãng

sanh về thế giới Cực Lạc. Khi hành giả niệm Phật đạt đến mức vô niệm thì vạn vật trong mắt của bạn đều thanh tịnh, phiền não bạn đã chặt đứt, vô minh bạn đã đoạn trừ, bạn đã thoát khỏi biển ái sanh tử trong Tam giới, và cõi Ta-bà này cũng được tịnh hoá thành thế giới Tây phương Cực lạc của Phật A-di-đà vậy.

Vì sao bạn phải niệm Phật, tôi phải niệm Phật, chúng ta phải niệm Phật? Có những người ngu si nói rằng: Tôi niệm Phật là để cầu Phật phù hộ cho tôi ngày mai có được cơm ngon canh lạ. Có người niệm Phật để cầu cho mình xa lìa tất cả mọi phiền phức, được may mắn như lòng mong muốn, lại được bình an vui sướng. Rồi cũng có người niệm Phật để cầu hết khổ. Những mẫu người lý tưởng như trên, họ cùng đi đến với câu niệm Phật có sự khác nhau, nhưng cũng không phải là mục đích chính của pháp môn này. Vậy thì niệm Phật cốt để làm gì? Vâng! Mục đích chủ yếu là vì muốn thoát khỏi sanh tử luân hồi. Vậy thì sanh tử là gì? Con người chúng ta sanh ra rồi chết đi, chết đi lại sanh ra, cứ mãi bị vô thường chi phối nên nó không có tự thể, vì thế nên chúng ta phải làm chủ nó. Làm chủ nó bằng cách nào? Tức là chúng ta muốn sống thì sống, muốn chết thì chết, khi muốn sống thì ngày nào cũng niệm Nam-mô A-di-đà Phật, con không muốn xả bỏ thân mạng của mình, mãi mãi được sống. Khi mình muốn chết thì Nam-mô A-di-đà Phật, lúc ấy đức Phật sẽ đến tiếp dẫn chúng ta vãng sanh về thế giới Tây phương Cực lạc. Khi ấy:

*Thân không bệnh khổ  
Tâm không tham luyến  
Ý không điên đảo  
Như nhập thiên định  
Sanh về Cực lạc.*



Đây là vấn đề nòng cốt của việc tu tập pháp môn này, cũng chính là tịnh hóa cõi Ta-bà trở thành Tịnh độ, xa lìa tất cả các thứ khổ não, sống một cuộc sống an lạc hạnh phúc mà thôi. Cho nên nói: “Nơi nơi đều là cõi Cực lạc của Đức Phật A-di-đà cả”, tức là nơi nơi đều không có sự hiện hữu của thế giới khổ đau uế trước mà chỉ có đức A-di-đà Phật và cõi Cực lạc đang ngự trị trong ta.

Hành giả niệm Phật khi đạt đến vô niệm tức là không có chủ thể niệm và đối tượng niệm. Nói cách khác là không có chính bản thân mình niệm và không có đức Phật A-di-đà để niệm, tâm không dấy lên bất cứ thứ vọng tưởng nào. Nếu như trong vô niệm, hành giả khởi lên tâm sợ sệt, sợ sai lạc, sợ niệm không được hoàn mãn, hoặc nghĩ rằng: Đây chính là cảnh giới giải thoát rồi, tu tập đã hoàn mãn rồi, cảm thấy vừa lòng với cảnh giới đó thì ngay lúc ấy hành giả sẽ rơi lại Hữu niệm, tức là niệm điên đảo, là chưa được giải thoát. Lục tổ Huệ Năng từng dạy:

*Hữu niệm niệm thành tà*

*Vô niệm niệm tức chánh*

(Dùng hữu niệm để niệm thì trở thành tà, dùng vô niệm để niệm thì đó là chánh)

Nếu hành giả đã đắc được vô niệm thì như thế nào? Quán sát vạn vật trên phương diện tỉnh mới thấy được bản chất của nó một cách rõ ràng, tức là tất cả sự vật vật trên thế gian này hành giả đều thấy một cách thông suốt, rõ ràng. Thậm chí con quạ nó đen như thế nào? Con hạc trắng ra sao? Cây cối thẳng, bụi gai cong như thế nào, hành giả thấy một cách rất rõ ràng. Nhờ vậy hành giả mới đoạn trừ sạch mọi phiền não ái nhiễm của vô minh, vượt thoát khỏi khổ đau trong Tam giới. Tam giới có nghĩa là Dục giới, Sắc giới và Vô sắc



giới, ba cõi này được xem như là ba cái biển lớn của ái dục mà con người cứ lặn hụp ở trong ấy, không bao giờ thoát ra được. Nếu như chúng ta muốn thoát ra thì phải dẫm đạp lên trên nó mà đi. Nếu bạn nói bạn không muốn bước ra khỏi đó thì bạn hãy đợi đấy mà xem! Nơi mà dùng chân chính là nơi sanh ra rồi chết đi, chết rồi lại sanh, cứ quanh đi quẩn lại, sống cũng không ra sống, chết cũng chẳng ra chết, sống chết dật dờ. Vì vậy, cứ lên xuống, qua lại nhận chìm mình dưới đáy sâu trong ba cõi, không bao giờ trôi đầu lên nổi. Càng lặn hụp trong biển sâu thì càng bị chết đuối, thật đúng là đi vào chỗ chết để rồi đón chịu ngút ngàn khổ đau. Chết chìm là như thế nào? Chính là đoạ lạc đến cực điểm, làm cho tánh linh của chính mình phải nát tan, đến nỗi phải làm kiếp trùng đế và các con vật nhỏ nhoi khác. Các loài vật nhỏ ấy không có trí tuệ, không có phước đức, cuộc sống lại càng bấp bênh trong cái chết, nhưng rồi cũng dễ sanh trở lại. Khác nào con phù du sống cũng không ra sống, chết cũng chẳng ra chết.

Có điều hành giả phải nhận chân rõ: Bất luận là sự việc gì trên thế gian này đều không ra ngoài tính chất vô thường chuyển biến. Cũng vậy, xưa nay chúng ta không có tư cách để vãng sanh về thế giới Cực lạc, nhưng nhờ vào một câu niệm hồng danh của đức Di-đà mà bạn có thể cải đổi được phẩm chất của mình, có khả năng đủ tư cách được sanh về thế giới ấy. Tuy là thế nhưng còn phải xem chúng ta có chịu niệm hay không? Nếu chúng ta chịu niệm Phật thì dù cho việc sanh về thế giới Cực lạc khó khăn cách mấy đi nữa cũng trở nên dễ dàng. Còn như không niệm thì sao? Thì việc làm tuy không khó nhưng trở nên khó khăn, không chịu niệm Phật thì lấy gì để sanh về thế giới Cực lạc được!

Cho nên mọi sự mọi vật trên thế gian này nằm trong vô thường biến chuyển, không có một pháp nào cố định. Vì vậy mà trong kinh Kim Cang đức Phật nói: “Do không có một pháp cố định cho nên gọi là A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam Bồ-đề, hay chính là Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Chúng ta cần phải phát tâm dũng mãnh lớn, không sợ khổ nhọc, không ngại khó khăn, không sợ lạnh lẽo, đói khát. Phải mạnh mẽ hướng tới để đến cõi nước Cực lạc, được thấy đức Phật A-di-đà đang ngự trên đài sen thơm ngát, lúc ấy chúng ta mới dừng chân. Chúng ta niệm Nam-mô A-di-đà Phật thì đó mới là chân chánh, chúng ta niệm Nam-mô A-di-đà Phật thì chắc chắn thoát khỏi sanh tử. Đó là mục đích quan trọng nhất cho cuộc đời con người chúng ta.

TQĐ.



## Thơ bốn câu

1.

*Ngắt*

*một đoá đêm*

*Cắm vào bình minh*

*rực sáng*

*Cắm một chút tôi*

*Thả vào lặng im –*

*Chánh Pháp*

2.

*Những cánh mai vàng bay trong gió*

*Như bàn tay vẫy tiễn Xuân đi*

*Thời gian như lửa vùi trong trấu*

*Sẽ chột bùng lên chẳng ai ngờ*

3.

*Thương chiều là ngọn gió reo*

*Tím lòng là một cánh bèo xanh trôi*

*Hỏi lòng chỉ thấy mây trôi*

*Nắng mưa giông bão vai tôi nhẹ hều.*

HCK.



## Chánh tín trong Phật giáo

### 1. Chánh Tín là gì?

Bản chất Phật giáo không phân biệt chánh tín hay mê tín. Phật giáo là Phật giáo. Nội dung cơ bản của giáo lý Phật giáo nơi nào cũng giống nhau. Phật giáo xuất phát từ nguồn Đại - Bi - Trí của Phật Thích-ca, vốn đã đầy đủ trí tuệ, nhân từ, trong sáng, thanh lương, đem lại sự an lạc cho tất cả mọi người.

Chánh tín là niềm tin đích xác, là thệ nguyện chánh đáng, là lý giải rõ ràng đúng nguyên tắc, là việc làm đúng hoàng hợp pháp và phải đủ ba điều kiện chủ yếu:

1. Tính vĩnh hằng
2. Tính phổ biến
3. Tính tất nhiên

Nói cách khác, quá khứ đã như thế, hiện tại vẫn như thế và vị lai chắc chắn sẽ như thế. Nếu một Tôn giáo nào chỉ tin vào một vị Thần linh lại không phát khởi được ba điều căn bản ấy thì không phải là chánh tín mà là mê tín. Giáo lý của Tôn giáo nào không thích hợp với thời đại, không ứng dụng được vào môi trường sống, không tạo ra một đời sống tươi mát cho nhân loại thì giáo lý ấy là mê tín. Nhưng cũng không vì thế mà nói Chánh tín Phật giáo chỉ lưu hành trong lĩnh vực Phật giáo Đại thừa, nhất là ở Trung Quốc. Xưa kia các bậc cao tăng ở chốn sơn lâm đã đem Chánh giáo truyền cho một số vua quan, học sĩ và một số ít thường dân chứ



chưa phổ cập rộng rãi đến tất cả quần chúng. Xưa nay nhân dân thường quan niệm tín ngưỡng hỗn tạp của Tam giáo: Đạo giáo, Phật giáo, Nho giáo. Ví dụ như đối với việc sùng bái quỷ thần, vái van thầy ma để được ban phước lành... Tất cả đều không phải là sản vật của Phật giáo.

## **2. Phật là đấng Giáo chủ sáng lập ra vũ trụ phải không?**

Không!

Trong Phật giáo không có quan niệm đó (chánh tín). Phật-đà là bậc Giác ngộ của thế gian. Tuy Phật có khả năng hiểu rõ tất cả nguyên lý thế gian, nhưng Ngài không thể cải biến trạng thái vốn có của nó. Tuy Phật có thể hoá độ tất cả chúng sanh nhưng Ngài không thể hoá độ chúng sanh không có nhân duyên với Ngài, chúng sanh có được Phật giáo hoá hay không còn tùy thuộc vào sự nỗ lực của tự thân mình quyết định. Phật là vị thầy thuốc giỏi nhất của thế gian, Ngài có khả năng chẩn đoán bệnh tật của chúng sanh và tùy bệnh phát thuốc. Nếu chúng sanh theo toa uống thuốc thì nhất định bệnh sẽ khỏi. Còn như chúng sanh nào không chịu uống thuốc thì Phật cũng thương nhưng không thể giúp được. Đức Phật là một vị Đạo sư giỏi có thể hướng dẫn cho chúng sanh con đường thoát khỏi biển khổ Tam giới. Nếu nghe theo lời chỉ dẫn của Ngài chắc chắn vượt qua Tam giới; còn như không nghe thì Phật cũng thương nhưng không thể giúp được. Do đó, Đức Phật không phải là người tạo dựng nên vũ trụ, cũng không phải là đấng thần linh mong mọi người sùng bái tôn kính, mà Phật chỉ là người hướng dẫn cho chúng sanh con đường thoát khổ được an vui mãi mãi. Nếu ai tin tưởng vào lời giáo huấn của Phật tức là đã gặp Phật, kính Phật, còn nếu không tin thì cho dù Phật ở tại thế cũng không thể nào gặp được.

Tuy Phật đã lìa khổ được an vui rồi nhưng Ngài không thể thay thế chúng sanh làm việc ấy được. Phật là một nhà giáo dục lớn, là bậc thầy của Trời người chứ không phải là một nhà ảo thuật, một nhà ma thuật, nên Ngài không thể chịu tội thay cho ai. Ngài dạy chúng ta: Tất cả đều do nơi mình, mình phải chịu trách nhiệm về hành động của chính mình, “trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu”.

### **3. Vũ trụ và con người từ đâu sanh ra?**

Phật giáo đã không tin có một vị thần linh tạo ra vũ trụ nhưng sự tồn tại của vũ trụ và sinh vật ắt phải có lý do và không thể nào phủ nhận.

Phật giáo tin rằng: nguyên tố của vũ trụ là vĩnh hằng, nhân tố của sinh vật cũng vậy. Cái trước là vật chất bất diệt, cái sau là tinh thần bất diệt. Gọi là vĩnh hằng vì không có cái bắt đầu cũng không có cái kết thúc, tình huống thiết thực của sinh vật và vũ trụ là như thế. Sự biến hoá hình thái của vũ trụ và quá trình lưu chuyển của sinh vật là kết quả của nghiệp lực do chúng sanh đã tạo ra.

Nghiệp lực chỉ cho cảnh giới của loài hữu tình (động vật), do hành vi hoặc tốt hoặc không tốt đã không ngừng huân tập nơi chủ thể của mỗi sinh mạng nên tạo ra nhiều chủng loại màu sắc khác nhau. Bỏ nơi này đến sống ở nơi khác, tất cả đều nhờ sự trợ giúp của ngoại duyên mới thích nghi được với môi trường sống và dần dần tiến triển theo môi trường ấy. Cũng giống như gieo hạt giống vào đất phải nhờ sự trợ giúp của nước, không khí, ánh sáng thì hạt mới nảy mầm và phát triển được. Trong Phật giáo gọi đó là hiện hành của nghiệp lực. Một thói quen tạo tác được lập đi lập lại là nhân hiện hành của nghiệp lực, hiện hành nghiệp lực là quả của

một việc làm thường xuyên. Câu “thiện ác đáo đầu chung hữu báo, chỉ tranh lai tảo dữ lai trì” đã nói rõ nghĩa này.

Nghệp có nghĩa là một việc làm đơn lẻ, cũng có nghĩa là một việc làm tập thể. Tuy làm một mình hay cùng làm với nhiều người nhưng kết quả cuối cùng thì không ai giống ai. Nhân đây phân làm hai loại: Cộng nghiệp và biệt nghiệp

Vì cộng nghiệp nên chiêu cảm quả báo giống nhau. Địa cầu là do hành động của vô số chúng sanh ở quá khứ, hiện tại, vị lai chiêu cảm lấy quả báo. Nhưng cùng chung một việc làm mà mỗi người làm một cách nên đã tạo ra những cảnh giới không giống nhau. Trong hư không, trong vô lượng vô số thế giới cũng đều do cái nhân cộng nghiệp không đồng của vô số chúng sanh cảm vờn nên. Giả dụ trên sao Hỏa, nếu có người thì thân thể hình dáng họ chắc chắn khác chúng ta. Đến như những tinh cầu không có người ở, không có sinh vật tồn tại, nhưng lại là vũ đài để chúng sanh nơi hành tinh khác tồn tại sinh hoạt. Vạn sự vạn vật trong vũ trụ đều có nguyên do của nó. Ví dụ trên mặt trời không có sinh vật tồn tại, nhưng nếu không có mặt trời thì sinh vật trên địa cầu này sẽ không có cách chi tồn tại được.

Tuy vậy vẫn còn biết bao nhiêu hiện tượng, sự vật đều tồn tại mà không thể dùng khoa học để chứng minh nguyên do, nhưng Phật giáo đều giải thích là do nghiệp lực chiêu cảm.

Phật giáo tin rằng sinh vật đầu tiên xuất hiện trên địa cầu - từ sinh vật đơn bào nhỏ nhít cho đến loài người - đều do biến hoá sanh:

Sau khi quả đất hình thành, con người ở tầng Trời thứ sáu, tức Quang Âm Thiên thuộc cõi Sắc bay



xuống quả đất này. Đến nơi vì họ ham thích ăn những món ăn tự nhiên trên mặt đất nên thân thể dần dần thô nặng, không bay trở về được, phải ở lại đây và trở thành những người đầu tiên trên quả đất này. (Kinh Thế kỷ, Kinh Đại Lâu Thán, Kinh Khởi Thế)

Trên thực tế thì đây cũng là nơi nhận nghiệp báo của họ – khi hưởng hết phước Trời thì xuống quả đất này trả quả, từ đó về sau mới có chúng sanh. Cũng vậy, do nghiệp lực cộng đồng chiêu cảm lấy quả báo há có thể không tiếp nhận quả báo sinh hoạt nơi đây? Một ngày kia, khi nghiệp báo mãn thì họ lại sanh về thế giới phương khác. Hơn nữa, vì bất cộng nghiệp nên tuy cùng ở trên một quả địa cầu mà phẩm loại cao thấp không giống nhau, từ loại côn trùng nhỏ nhít đến loài người cũng có thiên sai vạn biệt: Người sang kẻ hèn; người giàu kẻ nghèo; người căn trí thông minh, kẻ ngu si đần độn... Tất cả mọi loài đều như thế.

Sự thật thì cộng nghiệp cũng là phần loại của bất cộng nghiệp. Như so sánh cộng nghiệp của chúng sanh ở quả địa cầu này với cộng nghiệp của chúng sanh ở thế giới phương khác thì rõ ràng là bất cộng nghiệp. Cũng vậy, bất cộng nghiệp cũng là phần loại của cộng nghiệp. Ví dụ như người da đen châu Phi với người da vàng châu Á đều do bất cộng nghiệp chiêu cảm nhưng hai loại người này (da vàng và da đen) đều là con người sống trên một quả đất cho nên vẫn do cộng nghiệp cảm vời. Từ đó suy ra, cũng là nhân dân trong cùng một quốc gia cũng có muôn nghìn sai khác, cho đến anh chị em trong cùng một gia đình mỗi người đều có cuộc sống riêng biệt không ai giống ai. Đó là cách nhìn về nguyên do tồn tại của sinh vật và vũ trụ trong Phật giáo.

TNDQ.



## Võng trắng

(Điệu ru em)

Nằm võng tặng nằm nôi  
Nhớ lời ru của mẹ  
Ai đang hát à ơi  
Khắp năm châu bốn bể  
Đây bài hát của tôi  
À ơi sao trắng thế...

Ngày chẳng lại thì nằm giữa nắng  
Gió chẳng đi thì võng ru dài  
Lại qua qua lại đây vơi  
À ơi thơ ngủ đầy trời thơ ca  
Hoa tàn bẻ một cành hoa  
Cặm trên bãi cát nắng trưa lại vàng

Sóng vội vã xoá tan cành nắng  
Biển nằm ru cuộc vãng vào lòng  
Đá khoanh cuộc lữ tròn trong  
Rêu ngoài dài mộng thả rong lá bèo  
Hò ơi chừ lại ơi hò  
Nửa thơ nửa nhạc chèo đò qua mây

Mây xuống núi tìm thầy học Đạo  
Gió lên non trả áo trừ cơm  
Trả ngày trừ tháng đi hoang  
Ngân câu thơ thần trên đàn thần thơ  
  
Câu thơ thần dài tờ giấy lật (lịch)  
Trang hồng hoang lật đặt về ngôi  
Trưa nằm ngủ nắng à ơi  
Mười phương mộng trắng ọ ời vông ru  
  
Vông nhớ vông, vông ru, ru vông  
Thơ ọ ời hát trắng tình không  
Mai sau đổ nước xuống dòng  
Bây chừ nghiêng nắng qua lòng nắng bay  
  
Nắng đã trắng thơ ngày vừa trắng  
Chờ đuôi đầu tiếng vông về ngang  
Ơi hồn chim cá thên thang  
Năm châu bốn biển địa đàn còn ru

TĐ.

## Từ “hạt sương”<sup>(1)</sup> của thiền sư Vạn Hạnh đến “hạt sương”<sup>(2)</sup> của Trữ Vũ

Trước khi thế giới bước qua ngưỡng cửa của thế kỷ XX, nhà văn nghệ sĩ Nhật trứ danh Okakura đã tuyên bố, đứng ở một đầu Đông Nam Á: “Á Châu chỉ là một tâm linh”. Ở một đầu bên này, năm 1893, đứng trước hội nghị các tôn giáo ở Chicago, đạo sĩ Ấn Vivekananda đọc lên sứ mệnh của Thánh kinh Ấn độ:

*“Ai đến với Ta, bất cứ ở hình thức nào, Ta đón tiếp. Tất cả loài người cố gắng trên các đường lối, kết cục đều dẫn đến Ta”.*

“Ta” đây là thực tại tuyệt đối vừa nội tại siêu nhiên trong truyền thống Á Châu.

Và cả hai đại biểu nghệ sĩ Nhật và đạo sĩ Ấn đã cùng nhau đầu năm 1902 đến chiêm ngưỡng Bodhgaya, nơi đức Phật Thích Ca thành Chánh giác.

Tâm linh truyền thống ấy vượt quá hình danh sắc tướng, ngôn ngữ văn tự, chỉ có thể tự mình thuần túy kinh nghiệm. Thế giới biến đổi không thường này không phải là chân ngã, không phải là cái ta thật. Với tinh thần phá chấp, đức Phật đã giải thoát khỏi hệ lụy gây nên đau khổ, và Ngài đã đạt tới cảnh giới tinh thần siêu việt, hoàn toàn tự do. Sự phá chấp triệt để là phương tiện đưa đến cứu cánh. Cứu cánh là một thực thể tâm linh có trước thời gian, không gian, vượt qua cả khái



niệm nhân quả. Nghĩa là ở trên ý thức cảm nghĩ (sensory-intellectual consciousness), ngoài hình danh - sắc tướng (nama-rupa).

Nhờ tinh thần phá chấp ấy, chỉ căn cứ vào thuần túy kinh nghiệm tâm linh mà Phật giáo đã du nhập khắp nơi một cách dễ dàng, đi đến đâu cũng thể hiện sự cảm thông với các khuynh hướng tín ngưỡng khác, đem tinh hoa của mình là năng lực tâm linh để giúp cho các khuynh hướng khác tiến triển trên con đường riêng của nó, không bắt tín ngưỡng khác phải theo mình, mà còn chính tự mình giúp cho sự cảm thông giữa các đường lối khác nhau, xung đột trái nghịch với nhau như là ở Trung Hoa giữa đạo Nho và đạo Lão. Đây là Thiên học - kết quả của Phật giáo sau khi Đông du, sản phẩm của sự gặp gỡ giữa đạo xuất thế phủ nhận thế gian với đạo nhập thế khẳng nhận, kết thúc cuộc chống đối giữa Lão học và Nho học:

*“Hành tàng bất nhị kỳ quan”* (Nguyễn Công Trứ). Hai khuynh hướng truyền thống Á Đông ấy phải chờ Phật giáo đến để kết tinh ra thái độ tổng hợp thứ ba là Thiên, lấy thực nghiệm tâm linh là cơ bản “dung tam tế” như Thiên sư Vạn Hạnh ở Việt Nam đã thực hiện. Vì “dung tam tế” là thông suốt quá khứ, hiện tại và tương lai, đạt đến cái điểm thời gian siêu nhiên, dung thông sự lý, hợp nhất thể dụng, tức là “Hợp nội ngoại chi đạo, thời thế chi nghi”, nghĩa là hợp nhất cái đạo hướng ra ngoài và cái đạo hướng vào trong (extravert et introvert), lúc nào cử động cũng thích hợp. Đây là quan điểm triết học truyền thống như Lê Quý Đôn ở thế kỷ XVIII đã nhắc lại khẩu hiệu “Đồng quy nhi thù đồ”, tức là “L’Unité dans la multiplicité” ở “Philosophia perennis” của Tây phương. Chỉ có tâm linh siêu thời không mới có thể vừa một vừa nhiều, vượt ra ngoài tất cả phạm trù



ngịch lý, mâu thuẫn của ý thức cảm nghĩ tương đối, cho nên Thiền sư Vạn Hạnh đã vượt được lên trên biên giới của sống chết mà cảm hứng ra lời kệ lúc sắp tịch:

*“Thân như điện ảnh hữu hoàn vô,  
Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô.  
Nhậm vận thịnh suy vô bố úy,  
Thịnh suy như lộ thảo đầu phô”.  
(Thân như chớp bóng có rồi không,  
Cây cỏ thu khô xuân nẩy bông.  
Tin cuộc thịnh suy không sợ hãi,  
Thịnh suy ngọn cỏ hạt sương đông).*

Ở lời kệ trước khi tịch trên đây, Thiền sư Vạn Hạnh miêu tả cảnh giới tâm linh siêu nhiên vũ trụ hoá, không còn sống chết trong giới hạn tương đối tục trần đối đãi lưỡng nguyên của hình, danh, sắc, tướng. Cho nên bảo: “Ngã bất dĩ sở trụ nhi trụ, bất ỷ vô trụ nhi trụ” (*Ta không lấy cái chỗ có trụ để mà trụ, không nương vào chỗ không trụ để mà trụ*). Cái cảnh giới tinh thần vượt lên trên có và không, chính là cái điểm duy nhất thông suốt cả thời không, quá khứ, hiện tại và vị lai, cho nên:

*“Vạn Hạnh dung tam tế”* như Lý Nhân Tông đã nhận thấy vậy.

Tinh thần “dung tam tế” của Thiền sư Vạn Hạnh đã trở nên linh hồn Quốc học Việt Nam, trải qua thời Lý thời Trần mà Lê Quý Đôn đầu thế kỷ XVIII đã lại gọi lên trong thời Nam Bắc chia đôi. Bởi vì muốn “đồng quy thù đồ” phải có một nguyên lý duy nhất làm cơ bản để tổng hợp. Nguyên lý ấy phải vượt lên trên tất cả hệ thống giáo điều, đồng thời bao hàm tất cả các phương diện đặc thù khác. Nguyên lý ấy chỉ phải là cái tâm linh “dung tam tế” của Thiền sư Vạn Hạnh đã thực

hiện, vừa nội tại vừa siêu nhiên, là tinh thần của đạo học truyền thống vậy. Thế rồi cả một lớp danh Nho, thạc đức từ Bắc chí Nam cho đến bình dân đã kế thừa phát triển cái triết lý ấy lấy làm triết lý sinh tồn của dân tộc.

Và, đó cũng là triết lý trong thi phẩm “Hạt sương” của nhà thơ Trữ Vũ kế thừa:

*“Nàng đi vào thiên thu bằng tiếng hát thanh thường trụ.*

*Chuyển hoá sắc thành thanh, thanh thành hương, hương thành vị...*

*Dung nhiếp lục trần thành một,*

*Đưa lưỡng nghi về thái cực*

*Bằng thơ”*

Một tâm linh nhất quán được tất cả ba phương diện biểu hiện của thực tại: Chân, Thiện, Mỹ; Siêu nhiên, Thiên nhiên và Nhân sinh, tức là Thiên, Địa, Nhân điển hình của Nho giáo. Và Trữ Vũ đã tìm thấy hồn thơ trong cái Tâm Thiên là nguồn hứng sáng tạo:

*“Khi phiên não hoá thành thơ*

*Phiên não ấy mang tên rất mới*

*Phiên não ấy mang tên Niết-bàn, Tịnh độ*

*Mang tên là Hạnh phúc*

*Tinh mơ”.*

Tự cổ lai ở Đông phương người ta không nhìn sự vật ở quan điểm trí thức danh lý (concept logique) hay khái niệm cố định, mà người ta vốn nhìn ở quan điểm tượng hình sinh thành biến động. Đây là vũ trụ quan Dịch lập cước trên nguyên lý Tam tài “Thái cực sinh lưỡng nghi” hay là đạo “Âm Dương”, là những quá độ của thực tại khai triển biện chứng trực giác âm - dương hòa mà nhà đạo học phải thể hiện với toàn diện con người trí thức, tình cảm và lý trí, cũng như nhà nghệ

thuật đứng trước đối tượng, phải áp ử đối tượng cho đến khi nào quên hẳn đối tượng bên ngoài đi, quên cả chủ thể của mình đi, chỉ còn lại có cảm hứng tự hoạt động:

*“Cõi hiện sinh có một điều kỳ diệu  
Em có thể gọi tên là gì cũng được  
Phật  
Thánh  
Tiên tri  
Hay hạt bụi vàng  
Điều kỳ diệu có hàng ngàn tên gọi  
Riêng phần anh, anh xin gọi là  
Em”.*

Hội thoại của con người dựa trên ngôn ngữ. Sau một thời gian đàm đạo nào đó, hoặc ta mỗi một, hoặc chủ đề thảo luận đã cạn cùng. Nhưng khi ngắm một đóa hoa mà có thể trò chuyện với nó, sự giao tiếp này có thể bất tận và cực kỳ tinh tế. Nhất là với các loài hoa không tên, chúng ta chợt khám phá giá trị vô cùng của một bông hoa tưởng như vô nghĩa:

*“Em theo chân ánh sáng của buổi sớm đi thăm  
những bông hoa*

*Trong vườn hoa của chính mình*

*Vườn hoa mà trong đó ngoài những bông hoa  
còn có vô vàn điều kỳ diệu khác...”*

Trong đó:

*“Hạnh phúc và khổ đau*

*Thành một*

*Quá khứ và tương lai*

*Thành một*

*Ánh sáng và bóng râm*

*Thành một*

*Và bởi vì đôi chân em bước...*

*Nên tất cả lại hoá thành hai*



*Một nửa ban sơ  
Cho một chiếc hài”.*

Và nữa, người ta có thể hiểu vô ngã là một thuật ngữ về luân lý và đạo đức. Mặt nào đó, không có ta là một thái độ tốt đẹp, nhưng Thiền không nói về loại thái độ này, mà muốn nói về sự chứng ngộ thực tại căn nguyên vốn không bản ngã không thực thể, không yếu tố và không các phân tử. Đúng hơn, vũ trụ có vô số điều này vì tự nó là ngã:

*“Tình yêu trọn vẹn nhất là tình yêu chính mình  
Và cách thực hiện hiện thực nhất tình yêu chính mình  
Là tự soi gương, để bắt gặp chính mình  
Vô ngã  
Trong thiên định, tình yêu là  
Tất cả”.*

Thơ Thiền là nơi hội tụ của nghệ thuật và trí tuệ giác ngộ. Nói về thơ Thiền là nói những điều vô bờ bến. Kinh nói: “Ba cõi duy chỉ một tâm”. Ngoài Tâm không có hiện thực nào khác. Tâm, Phật và chúng hữu tình – cả ba điều không khác. Chữ “ba cõi” ở đây là thế giới vật chất (Sắc giới), thế giới ái dục (Dục giới), và thế giới tâm linh phi vật chất, không hình thể (Vô sắc giới). Trường hợp nào cũng vậy, từ quan điểm của Thiền, không có gì ngoài Tâm. Chúng ta là Tâm, thơ là Tâm. Duy chỉ một Tâm:

*“Duy chỉ một tấm gương  
Để tôi soi vào đó  
Duy mỗi một tấm gương  
Để tôi nhìn tôi rõ  
Tấm gương ấy là tôi  
Đời đời duy mỗi nó”.*



Trong bài này, người viết không có ý “xếp chung”  
Thiền sư Vạn Hạnh với nhà thơ Trữ Vũ, mà chỉ nói về  
những vần thơ...

ĐL.

Chú Thích:

- (1) *Thịnh suy như hạt sương phơi dầu cànhr - Thiền sư Vạn Hạnh*
- (2) *Hạt sương: tên tập thơ của nhà thơ, nhà nghiêng cứu Phật học  
Trữ Vũ.*



## 回鄉偶書

少小離家老大回  
鄉音無改鬢毛催  
兒童相見不相識  
笑問客從何處來

賀知章

*Hồi hương ngẫu thư*

*Thiếu tiểu ly gia lão đại hồi*

*Hương âm vô cải mấn mao tồi*

*Nhi đồng tương kiến bất tương thức*

*Tiểu vấn khách tòng hà xứ lai.*

HTC.

● **Hạ Tri Chương**  
Nhất Thanh (dịch)

Hạ Tri Chương (659-744) tự Quý Chân, người đất Vĩnh Hưng, Việt Châu (Quảng Đông). Tính tình phóng khoáng, bạn thân với Lý Bạch. Làm quan đời Đường Huyền Tông. Sau từ quan về làm đạo sĩ.

### *Ngẫu nhiên viết khi về làng*

*Thuở nhỏ ra đi, lớn mới về  
Ngó già, nhưng vẫn giọng chân quê  
Mấy em nhỏ thấy mà không biết  
Mới hỏi: “Khách từ mô đến chơi?”*  
NT.

### *Về chùa cảm tác*

*Lâu năm làm cuộc trở về  
Tóc râu đã đổi tình quê vẫn còn  
Trước chùa, chú tiểu con con  
Hỏi: “Thầy mới ở Sài Gòn lên chơi?”*  
NT



## Quê ơi!

Con chim nhớ núi nhớ rừng  
Con sông nhớ suối nhớ nguồn cội xa  
Bến xưa, người cũ ai qua  
Mái đình năm trước, cây đa đâu rồi!

Cánh diều mơ ước của tôi  
Bay về đâu phía chân trời tuổi thơ  
Nắng mưa chợt đến bất ngờ  
Ngày vui lịm tắt bao giờ không hay!

Tôi về hỏi lá thăm cây  
Vườn xưa cơn gió thổi gầy bóng cau  
Mẹ ngồi kể chuyện thương đau  
Tiễn đưa nốt cuộc bể dâu đời mình!

Cầu quê bắt nhịp ra tình  
Bao năm soi lại bóng hình trăng khuya  
Chị cười chị khóc duyên xưa  
Hương Sen thầm gửi theo người sang sông

Xưa ai ngả nón trao lòng  
Đường quê rơm rạ còn thơm lối về  
Quốc kêu khản giọng náo nê  
Người đi dâu hỡi hồn quê bao đời...?

DT.



● Pháp sư Viên Anh

Thích Nguyên Anh (dịch)

# Khuyến tu pháp môn niệm Phật

## CHƯƠNG IX: NIỆM PHẬT ĐẦY ĐỦ TAM HỌC

Niệm Phật có bốn loại:

**1. Thật tướng niệm Phật:** Theo lý thật tướng, niệm pháp thân Phật. Pháp thân thanh tịnh như hư không, biến khắp pháp giới, thật không có tướng có thể được, không có tướng tâm năng niệm, tướng Phật sở niệm, năng sở đều quên, Tâm, Phật không hai, Tâm tức là Phật; Phật tức là Tâm. Nếu niệm thật tướng thì không niệm mà niệm, niệm tức không niệm, nhất tâm bất loạn, tràm nhiên thường trụ, đây là lý niệm.

Vân Thê nói rằng: “Niệm không chân niệm, sinh nhập vô sinh; niệm Phật tức là niệm Tâm, sinh Cực lạc không rời ngũ trước, tâm Phật chúng sinh vốn một, trung đạo chớ kẹt hai bờ”. Cổ đức dạy rằng: “Năm mươi năm một câu niệm Phật, rõ là quật địa phạt trời xanh, mà nay có mấy tin chân thật, đem muợn chuông ngân vắng đến thuyền”. Đây đều là những vị rõ lý công phu vậy.

**2. Quán tưởng niệm Phật:** Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói: “Phu nhân Vi Đề Hy có đứa con ngõ nghịch tên A Xà Thế, nghe theo lời xúi dục của Đề Bà Đạt Đa, đoạt vương vị, nhốt cha là Tần Bà Sa La vào ngục tối, cấm quần thần không được mang

thức ăn hay văng lai thăm hỏi. Bà Vi Đề Hy hằng ngày tắm rửa sạch sẽ, thoa đề hồ, mặt lên thân đem vào ngục để nuôi sống đại vương. Sau 21 ngày, A Xà Thế hỏi cai ngục: “Lão già còn sống không?”. “Còn”, cai ngục đáp. “Ai cho ăn mà không chết?”. “Phu nhân hằng ngày thường xoa thức ăn lên mình mang đến cho vua dùng, thêm nữa có hai vị Sa môn Mục Kiền Liên và Phú Lâu Na hằng ngày đều dùng thần thông bay vào thuyết pháp cho vua nghe, tôi không ngăn cản được”. Vua A Xà Thế phẫn nộ, rút gươm định chém mẹ. Đại thần Nguyệt Quang và Kỳ Bà khuyên vua không nghe liền phát tay áo bỏ đi. A Xà Thế sợ hãi không dám giết mẹ bèn nhốt vào thâm cung, không cho ra vào. Vi Đề Hy bị thương, chấp tay hướng về núi Kỳ Xà Quật, đánh lễ đức Thế Tôn, Phật bèn hiện thân cho bà được thấy. Phu nhân áo não, khẩn thiết phát nguyện, nguyện đời sau sinh vào nước Phật thanh tịnh, xa lìa thế giới ác trước này. Đức Phật dùng thần lực hiện rõ cõi Phật thanh tịnh khắp mười phương, bảo bà chọn muốn sinh về nước nào. Sau một hồi chọn lựa, Vi Đề Hy quyết định chọn nước Cực lạc, thanh tịnh trang nghiêm, nguyện sinh lên nước ấy. Phật bèn vì bà nói 16 diệu quán, y pháp giới tâm, quán pháp giới cảnh để làm điều thiết yếu cầu sinh Tây phương. 1/ Đầu tiên quán Nhật lạc (mặt trời lặn), lấy mặt trời lặn làm mốc để nghĩ đến Tây phương. 2/ Thứ đến là quán Thủy. 3/ Quán Địa. 4/ Quán Cây. 5/ Quán Ao. 6/ Tổng quán. 7/ Hoa tòa. 8/ Tượng quán. 9/ Phật thân. 10/ Quan Âm. 11/ Thế Chí. 12/ Phổ Hiền, 13/ Tập quán, 14, 15, 16/ Quán ba bậc thượng trung hạ phẩm, cứu phẩm vãng sinh, khiến xả *liệt* để thủ *thắng* vậy. Khi quán thành tựu 16 pháp quán tức được vãng sinh nước Cực lạc.

**3. Quán tượng niệm Phật:** Túc ngồi yên quán hình tượng Phật. Trước quán tượng lông trắng giữa hai chân mày của Phật A Di Đà, quán tượng lông trắng xong, thứ tự dần quán từng bộ phận nơi khuôn mặt cho đến toàn thân, quán tượng công thành tức có thể thấy được thân Phật, tướng hảo trang nghiêm.

**4. Trì danh niệm Phật:** Túc Phật nói kinh A Di Đà, điều Phật nói đến là pháp chấp trì danh hiệu, không cần tham cứu hay quán tượng, cũng khỏi nhọc quán tượng, chỉ cần nhất tâm tâm niệm hồng danh vạn đức A Di Đà Phật, hoặc thêm hai chữ “Nam mô” càng biểu thị ý quy kính. Pháp niệm Phật quý ở chỗ nhất tâm, miệng niệm tâm niệm, tâm khẩu nhất như. Nếu chỉ miệng niệm tâm không niệm ắt không hiệu quả, tâm niệm miệng không niệm thì không ngại gì. Phải niệm niệm tương tục, chớ để gián đoạn, tinh tấn không ngừng thì nhụy sen trong ao thất bảo ở cõi Tây phương ngày một thêm lớn; nhụy sen này tuy là vật vô tình nhưng rất cảm ứng. Lúc chúng sinh ở cõi Ta bà phát tâm niệm Phật, nhụy sen ở Tây phương đánh tên ngay lập tức, phân ra siêng năng, giải đãi rõ ràng. Còn có cái khéo là phân rõ hơn kém, công phu sâu cạn, phẩm hạnh cao thấp, vô lượng người vãng sinh nhưng chưa từng bị nhầm lẫn. Lúc mạng chung vãng sinh tức sinh nơi hoa này, hoa này chính là nơi tuệ mạng an trú.

Pháp môn niệm Phật dễ thì rất dễ, căn cơ ám độn, già trẻ lớn bé gì cũng chỉ cần dạy một lần là hiểu, không có áo diệu gì lắm. Nhưng khó thì cũng rất khó, lão tăng 80 tuổi vẫn còn thất niệm, chưa được nhất tâm. Mọi người hãy nên chọn một pháp môn dễ tu, khó quá sự thành công sẽ rất ít. Cho rằng tu hành cần phải có pháp môn huyền diệu mật áo, như vậy mới thu được



lợi ích, do đó, thời gian gần đây, rất nhiều tăng tục tu tịnh, bỏ niệm Phật qua tu Mật tông, không biết rằng Tịnh, Mật đều như nhau, Tịnh độ thì thanh tịnh tam nghiệp, Mật tông thì tam mật tương ưng (tam mật: thân mật, khẩu mật, ý mật). Chỉ khác đường nhưng đều về một đích, cần gì phải bỏ đây lấy kia. Tôi trước kia tu Thiền, sau kiêm tu Tịnh độ, hiểu rõ Thiền Tịnh đồng công; trước học Thiên Thai, sau học Hiền Thủ, mới biết Thai Hiền cùng một chỗ về; ban đầu học Tánh tông, sau học Tướng tông, thì ra Tánh Tướng chỉ là một. Nay đối với Mật giáo cũng rất tín ngưỡng, biết rằng Mật, Giáo gì cũng chính Đức Phật nói ra. Đức Phật quán căn cơ của chúng sinh, thấy căn cơ nào đối với Giáo có lợi ích thì thuyết Hiền giáo; người nào hợp với Mật thì nói Mật giáo. Hiền, Mật tuy có khác nhau nhưng cũng đều là thuốc pháp đối cơ ứng bệnh, cho nên đối với hiền mật hãy tin như nhau.

Trước đây lúc tôi đến Nam Kinh, Hồ Nam và Đài Bắc giảng kinh, nghe có pháp sư truyền pháp Mật tông, luôn khuyên người tu theo Mật tông không cần phải ăn chay. Còn trì giới thì đang là Tiểu thừa, Đại thừa là lìa tất cả tướng, còn có trì phạm sao? Ngày xưa lúc Phật còn tại thế, cũng cho phép Sa môn ăn ngũ tịnh nhục. Lại nói rằng, ăn thịt chúng sinh tức là độ chúng sinh ấy, không biết những lời này lấy ra ở kinh luận nào? Tôi chỉ biết Bồ tát đủ đồng thể đại bi, thấy tất cả bàng sinh đều có tri giác, chúng nó cũng như ta, đầy đủ Phật tánh, không nỡ sát nó, lấy thịt để cung phụng cho ta. Nếu nói ăn thịt nó tức là độ nó, như vậy thì phải nên bình đẳng với tất cả, sao lại chỉ riêng độ cho heo, dê, gà, vịt, cá, cua? Ngày ngày ăn thịt chúng để độ chúng, sao các loại sâu bọ, trùng dế, giun lãi không ăn để độ chúng? Lại sao không ăn thịt bà con quyến thuộc để độ



họ? Rõ ràng là ham ăn thịt, không giữ giới rồi nói ngược lại: “ăn thịt nó tức là độ nó”. Đã sai lại còn dạy người khác, nhất định phải chịu ác báo. Thậm chí có rất nhiều người nhiều năm ăn chay niệm Phật mà cuối cùng cũng bị những lời này mê hoặc. Tu chưa đến nơi mà tịnh giới đã phá thì thật là đáng tiếc, há không đau đớn sao! Điều này tôi hoàn toàn không tán đồng.

Kinh Lăng Nghiêm nói: “Sau khi ta diệt độ, trong thời kỳ mạt pháp, Ma vương sẽ trà trộn trong Tăng đoàn, nói ăn thịt sẽ được Bồ đề”. Lại nói: “Các người nên biết, những người ăn thịt ấy, tự cho là được khai tâm mở trí như tam ma địa, đây là đại La sát, sau khi mạng chung chắc chắn sẽ phải mãi chìm trong biển khổ sinh tử”. Phật dạy như thế, hãy nên nghe theo, nhất thiết chớ bị tà thuyết mê hoặc, cho rằng ăn thịt là đạo vô ngại. Há không nghe thơ xưa dạy: “Máu chảy thịt rơi sao thấy ngon, như nhau đau đớn oán mãi còn; khuyên người hãy nên suy nghĩ lại, ai nỡ cầm dao cắt tự thân”. Lại có thơ rằng: “Luân hồi muôn kiếp vì miếng ngon, oán sâu như biển hận như non; muốn biết đao binh trên thế giới, nghe trâu bò rống rõ ngay thôi”. Người tu hành đã không thể khuyên người giữ giới sát mà lại còn đi ăn thịt, khiến người khác giết hại, vậy thì lòng từ ở đâu? Là người có chí tu hành, phải rõ tà chánh, phải trái, trọng nhân quả, biết lấy bỏ. Tôi thường ngày luôn khuyên người ăn chay niệm Phật để đời sau khỏi phải thiếu nợ chúng sinh. Hoặc có thuyết nói trời sinh ra vạn vật là để nuôi dưỡng con người, tất cả cầm thú vốn là trời sinh ra để cho con người ăn. Đây là tà giải. Phải biết trời sinh ra vạn vật để dưỡng nhân là chỉ thực vật chớ hoàn toàn không phải chỉ vào động vật. Hết thấy chúng sinh đều ham sống sợ chết như nhau. Bằng ý mạnh hiếp yếu thì sẽ kết sâu oan trái. Người đời gây

ra chiến tranh bắn giết lẫn nhau đều do sát sinh ăn thịt mà ra. Người xưa dạy: “Người đời muốn tránh kiếp đao binh, trừ phi không còn ai sát hại”. Nếu mọi người muốn theo tu Mật tông cũng được, nhưng ăn thịt thì không, chưa từng niệm Phật mà tu Mật tông có thể được, đã tu tịnh nghiệp mà lại đổi đường hướng thì là tín chưa sâu, nguyện chưa thiết, đáng thương lắm vậy.

Pháp môn niệm Phật nhất thiết không được xem thường, chính là pháp môn vô thượng, đơn giản nhất, vi diệu nhất, đáng gọi là đại Đà la ni môn (đại tổng trì), có thể tổng tất cả pháp, trì vô lượng nghĩa. Đức Thích Ca nói pháp 49 năm, không ngoài ba tạng kinh, luật, luận. Cái mà tam tạng giải thích tức ba món vô lậu học giới, định, huệ. Kinh là định học tạng, luật là giới học tạng, luận là tuệ học tạng. Một câu danh hiệu A Di Đà, một lòng niệm Phật tức đầy đủ ba môn giải thoát này, còn viên diệu nào hơn?

Sao niệm Phật có thể đầy đủ giới học? Kinh Lăng Nghiêm nói: “Gọi là nhiếp tâm tức giới, từ giới sinh định, nhân định phát huệ, đó là tam vô lậu học”. Mà niệm Phật tức là pháp nhiếp tâm. Phật thấy tâm chúng sinh luôn luôn vọng động, nắm bắt sáu trần cảnh, như đắm vào sắc mà khởi tham sân si, tạo các ác nghiệp sát, đạo, dâm; đắm vào thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng lại như thế.

Phật dạy chúng sinh xưng niệm danh hiệu Phật, tức là lấy chánh niệm niệm Phật dừng các vọng niệm tham đắm. Giả như vọng tâm phan duyên với sắc trần, bèn niệm Nam mô A Di Đà Phật, tương tục không dừng nghỉ thì không bị sắc trần lôi kéo, chánh niệm nhiếp về niệm Phật vậy. Khi phan duyên với thanh, hương, vị, xúc, pháp, mỗi mỗi đều như thế thì tự nhiên sẽ không

phá giới tạo ác. Vọng tâm như ngựa, lục trần như sáu con đường, danh hiệu Phật như dây cương; người niệm Phật như người chế ngự con ngựa, lúc con ngựa muốn chạy về các nẻo đường, cương cầm trong tay, tức phục được nó vậy. Đã không phan duyên thì vọng niệm tự nó sẽ không có, không đi đến phạm giới, tức là lấy niệm Phật nhiếp tâm làm giới vậy.

Niệm Phật niệm đến niệm niệm cùng Phật tương ưng thì các vọng niệm đương nhiên không khởi, ý nghiệp được thanh tịnh thì các giới tự nhiên đầy đủ. Nghiệp thân nghiệp miệng cũng từ ý nghiệp mà khởi. Thân sát, đạo, dâm là do ý nghiệp sai sử, ý không khởi thì thân ắt không phạm; miệng nói dối, nói hoa mỹ, nói ác khẩu, nói hai lưỡi cũng là ý nghiệp chủ động, ý không muốn nói dối, nói lưỡi đôi chiều, nói lời hung ác thì miệng tất không phạm. Cho nên niệm Phật gọi là pháp môn tịnh nghiệp, một câu niệm Phật tịnh được tam nghiệp, đây há không phải niệm Phật đầy đủ giới học sao?

Niệm Phật có thể đầy đủ định học. Kinh A Di Đà nói: “Nếu có trai lành gái tín, nghe nói kinh A Di Đà bèn chấp trì danh hiệu, hoặc một ngày, hoặc hai ngày... cho đến bảy ngày nhất tâm bất loạn”. Bất loạn tức là định, đây chính là vạn thế trì danh niệm Phật, chính là diệu pháp từ kim khẩu Đức Phật tuyên thuyết thì cũng chính là thật sự đầy đủ định học. Nhất tâm là chỉ chuyên một tâm ấy, thuần nhất không một tạp niệm, bất loạn là tràm nhiên tịch tĩnh, không loạn động, đã nhất tâm thì sẽ bất loạn, nếu được bất loạn mới là nhất tâm. Niệm Phật niệm đến nhất tâm bất loạn thì định lực nào bằng?



Sở dĩ Phật dạy niệm Phật chính là lấy cái tâm luôn bị cảnh chuyển của chúng sinh. Từ sáng đến tối, từ sinh ra cho đến chết đi đều là đối cảnh sinh tâm, niệm phân biệt khởi lên không ngừng nghỉ. Ví như mắt thấy sắc, không luận là đẹp hay xấu đều bị sắc làm động tâm, tai nghe tiếng, không luận là khen hay chê, mũi ngửi mùi, bất luận là thơm hay thối... mỗi mỗi đều bị cảnh trần làm động. Cho nên Phật dạy nhất tâm niệm Phật, không khởi vọng niệm, không vì cảnh mà động tâm. Nếu chuyên tâm ở câu Phật hiệu, không phân duyên với ngoại cảnh, tịnh niệm tương tục thì sáu căn đều nhiếp, như như bất động, tức vào tam ma địa (chánh định) vậy.

Hoặc hỏi niệm Phật, làm thế nào để được bất động trước cảnh trần? Đáp rằng: “Lúc niệm Phật, tâm an trú trong danh hiệu Phật, tâm không rời Phật, Phật không rời tâm. Tuy sáu căn đối cảnh mà không phân duyên thì không bị cảnh chuyển. Gọi là: “Muôn hoa chừ, dưới tàn cây ẩn kín, bao lớp lá che chừ, mưa nào có hề chi”. Thân ta ví như điện Phật, sáu căn như sáu cửa ra vào, tâm niệm Phật thì như người ngưỡng mộ nhìn Phật, nhất tâm chuyên chú, không nháy mắt thì cho dù sáu cửa có mở, bên ngoài đủ hình đủ vẻ vẫn không thấy, không nghe, không hay, không biết. Niệm Phật cũng lại như thế, niệm đến tâm không cảnh tịch (tâm cảnh đều quên) thì thấy mà không thấy, nghe mà không nghe, không khởi tâm phân biệt. Như cổ đức dạy: “Trâu sắt nào sợ sủ tử rống, người gỗ ngấm chim đâm bao giờ; chỉ cần vô tâm với vạn vật, ngại gì muôn vật ở chung quanh”. Tự nhiên không bị cảnh chuyển vậy.

Lại nữa, nhất tâm niệm Phật tức là niệm Phật tam muội công thành. Tam muội là tiếng Ấn Độ, Trung



Hoa dịch là chánh định. Niệm Phật niệm đến nhất tâm bất loạn tức được chánh định. Như kinh Thành Cụ Quang Minh Định Tuệ, nói: “Yên lặng thanh thoi cũng nhất tâm, chúng khổ doanh vây cũng nhất tâm, cho đến được mất, khen chê cũng nhất tâm”. Niệm Phật được nhất tâm, đây há không phải chứng minh niệm Phật đầy đủ định học sao?

Niệm Phật lấy gì có thể đầy đủ tuệ học? Hết thấy chúng sinh xưa nay là Phật, đầy đủ trí tuệ Như Lai. Ngày xưa đức Thế Tôn sau 49 ngày thiền định dưới cội Bồ đề, nửa đêm canh ba, thấy sao mai mọc, hốt nhiên khai ngộ, thốt lên rằng: “Lạ thay! Tất cả chúng sinh đều đầy đủ đức tướng trí tuệ Như Lai, do vọng tưởng chấp trước nên không thể chứng đắc. Nếu lìa vọng thì vô sư trí, tự nhiên trí đều hiển hiện rõ ràng”. Đức Thế Tôn thấy được lý này, muốn cho hết thấy chúng sinh đều chứng nhập trí tuệ Phật nên dạy người niệm Phật, tức là lìa vọng tưởng, đắc trí tuệ diệu pháp vậy.

Chúng sinh tuy đầy đủ trí tuệ đức tướng Như Lai, nhưng vì từ vô thủy vô minh che lấp, trải qua số kiếp nhiều như cát bụi, vô lượng vọng tưởng phiền não che mất tự tâm, nên tuy vốn có Phật tuệ nhưng không hiển hiện. Ví như chiếc gương, ánh sáng phản chiếu vốn tự có đủ, do bị bụi bặm che mờ nên không thể hiện hình. Tâm chúng sinh như chiếc gương sáng; những vọng niệm phiền não thô tế thì như những hạt bụi. Bụi trên mặt gương, phải công phu lau chùi thì gương mới được sáng. Những vọng tưởng phiền não trong tâm phải dựa vào sức niệm Phật mới được tiêu trừ.

Pháp Phật dạy niệm Phật, tức là lấy việc lau chùi kính tâm để đoạn trừ vọng tưởng phiền não. Đi, đứng, nằm, ngồi không rời danh hiệu Phật. Niệm niệm

tương tục không gián đoạn thì vọng tưởng tự tiêu, Phật tuệ tự phát, đây tức là công dụng niệm Phật có thể phát tuệ học vậy.

Niệm Phật tam muội còn được gọi là nhất hạnh tam muội. Kinh Văn Thù Bát Nhã nói: “Phật bảo Văn Thù Sư Lợi, người muốn vào nhất hạnh tam muội cần phải ở chỗ vắng vẻ, lìa bỏ vọng tưởng, không chấp các tướng, nhất tâm niệm Phật, quay mặt về hướng Tây, chỉ nhớ về một vị Phật, niệm niệm tương tục, tức trong một niệm thấy được chư Phật ba đời. Công đức niệm một Phật với công đức niệm vô lượng Phật không khác, pháp mà A Nan nghe vẫn là ở trong số lượng, nếu được nhất hạnh tam muội thì các pháp môn kinh đều biết rõ ràng; ngày đêm tuyên thuyết, trí tuệ biện tài, không hề đoạn tuyệt”. Đây há chẳng phải chứng minh niệm Phật đầy đủ tuệ học sao?

## CHƯƠNG X:

### PHÁP MÔN NIỆM PHẬT NHIẾP HẾT MỌI CĂN CƠ

Pháp môn niệm Phật nhiếp các căn thượng, trung, hạ. Hết thấy chúng sinh hữu tình, nếu thật tâm thì hết thấy đều được độ hết, chỉ cần nhất tâm xưng niệm lục tự Di Đà, không cần phải học rộng nghe nhiều. Đại sư Thiện Đạo nói: “Nếu muốn *học hiểu* từ phạm phu địa cho đến Phật địa thì không có pháp môn nào không đáng học; còn nếu muốn *học hành* thì nên chọn một pháp kế lý kế cơ, nay lược đưa ra mười loại người nên tu pháp môn niệm Phật, xin hãy suy xét kỹ càng, nhanh chóng phát tâm.

1. Người xuất gia, nên tu niệm Phật: Đã cạo tóc làm tăng, phát tâm tu đạo, lìa bỏ làng xóm, cắt ái từ thân, được sống trong đạo tràng thanh tịnh, không còn

lo nghĩ, không còn trối buộc, nên phát tâm niệm Phật cầu xuất tam giới. Lúc niệm Phật phải khẩn thiết với sinh tử, phải biết sinh tử luân hồi, theo nghiệp thọ báo không có ngày ra khỏi, hãy tinh tấn niệm Phật thì vạn niệm tự nhiên buông hết, sáu căn đều được thu nhiếp vậy! Nay đưa ra một ví dụ:

Xưa có đức vua thấy ngoại đạo cầu đạo rất khổ hạnh, còn đệ tử Phật thì an nhàn. Một ngày, vua hỏi một vị Tăng niệm Phật rằng: “Trẫm thấy những người Bà la môn cầu khổ cầu đạo, còn Tỳ kheo chỉ niệm danh hiệu Phật, hai cách tu hành khác nhau quá xa”. Tăng đáp: “Tu đạo không phải là khổ hay sướng nơi sắc thân này mà là ở chỗ tâm có tha thiết với sinh tử hay không. Đệ tử Phật chúng tôi tuy thanh nhàn niệm Phật nhưng lòng luôn khẩn thiết cầu ra khỏi sinh tử. Sáu căn cả ngày tuy đối cảnh trần nhưng không hề nắm bắt. Mắt không thấy sắc, tai không nghe thanh, cho đến ý thức cũng không duyên với pháp trần”. Vua không tin, Tỳ kheo biết ý nên tâu rằng: “Bệ hạ có thể đưa ra một việc để thử nghiệm, xin đại vương ngày mai chia cung nữ thành hai tốp, một tốp múa một tốp hát ở hai bên đường; ngài bắt một tử tội đầu đội chén dầu đầy, bảo rằng: “Tội người đáng chết, nhưng ta sẽ ân xá cho người bằng cách người đội chén dầu đầy đi khắp cung thành, lúc trở về chỗ cũ không được hao hớt giọt nào, nếu đổ ra ngoài người lập tức bị xử chém”. Tội nhân nghe thế, để hết tâm ý vào hai chữ sống chết trên dầu, không dám hào ly sơ suất. Đi khắp một vòng, dầu vẫn y nguyên, thế là nhà vua đại xá. Tăng bảo vua hỏi tội nhân: “Ở phía Đông người có thấy gì đẹp chăng?”. “Không”, phạm nhân đáp. Vua hỏi tiếp: “Còn phía Tây, người có nghe gì hay chăng?”. “Cũng không”. Vua mắng lớn: “Nói dối! Các cung nữ múa hát như thế mà người không thấy không



nghe gì cả à?”. “Tâu đại vương, thần nào dám dối, thần lo chú tâm vào chén dầu sinh tử trên đầu, còn tâm trạng đầu nữa mà nghe với thấy”. Vua chợt hiểu ra lời Tỳ kheo nói – nhất tâm niệm Phật, cầu thoát sinh tử, sáu căn đều nhiếp, không thấy không nghe, lời này thật không hư dối vậy! Và người niệm Phật, tâm thiết tha với sinh tử, chính là chân niệm Phật.

2. Nữ giới, nên tu niệm Phật. Là thân gái, không thể chấp giữ công việc triều chính, chẳng như nam tử bốn tấu tứ phương, vất vả nhọc nhằn, vì thế hãy nên phát tâm niệm Phật cầu vãng sinh Cực lạc. Lại nữa thân nữ bất tịnh, lúc sinh đẻ đau đớn không cùng, nhiều người nhàm chán nữ thân, muốn làm thân nam tử. Và ở thế giới năm trước này mà muốn chuyển thân nam thì thật chẳng phải là chuyện dễ, phải trải qua mấy kiếp tu hành. Nếu chịu chuyên tâm niệm Phật thì lúc mạng chung, nghiệp tại Ta bà, thần thăng Tịnh độ, liên hoa hóa sinh, tức khắc được tướng đại trượng phu, chỉ trong một đời mà chuyển được thân nam tử. Vả lại, ở cõi Tây phương thọ mạng vô lượng, được Quan Âm, Thế Chí cặp tay đi cùng. Nữ giới đã có pháp môn vi diệu này, có thể thỏa mãn nguyện vọng, mong mọi người hãy nhanh niệm Phật.

3. Người trí, nên tu niệm Phật. Sinh ra làm người được thông minh là khó, và không bị thông minh quá hóa ngu lại càng khó. Thấy phần nhiều những người thông minh là những người có kiến chấp, họ chỉ muốn tìm những pháp môn cao siêu, huyền diệu, coi thường niệm Phật, cho niệm Phật là bình thường, là pháp môn dành cho kẻ hạ cơ, họ bỏ hết tâm lực để tìm cầu trí tuệ thế gian. Nào biết “lúc sống chỉ ham lo tìm kiếm, chết đi chẳng mang được thứ gì”. Nếu dùng cái thông minh



ấy vào Phật pháp, xem nhiều kinh sách Tịnh độ, nghiên cứu nhiều về tông chỉ niệm Phật, hiểu rõ pháp môn trì danh hiệu Phật, vì chư Phật hộ niệm, vì Thánh hiền nối gót. Lấy một niệm mà trừ muôn niệm, niệm một hiệu mà chứng tịnh tâm, chuyên chú nhất tâm thì sự niệm mà đạt lý niệm, tự thân thấy được tự tánh Di Đà, đặc sinh duy tâm Tịnh độ, như thế há không sung sướng sao!

4. Người ngu, nên tu niệm Phật. Là người, không luận là trí hay ngu đều đồng một tánh Phật. Người ngu si là do đời trước không tin Phật pháp, không lo tu hành, hoặc vì nghiệp chướng sâu dày nên mới cảm báo này. Người trí thì đa đoan, công việc nhiều, trách nhiệm nặng, niệm Phật e khó nhất tâm; còn người ngu thì việc ít, thân nhàn, hãy nên cố gắng niệm Phật. Lại nữa, người ngu thật thà, ngay thẳng, ít hiểu biết nên dễ sinh tâm tín kính. Vả lại, pháp môn niệm Phật không phải tham cứu, không phải quán tưởng nên không sợ ngu dốt, chỉ cần trực tâm tức là đạo tràng, một câu Phật hiệu cứ thế niệm miết không ngừng nghỉ thì chắc chắn thành công. Xưa có thơ rằng: “Tu hành như đi thuyền ngược nước, lời lỏng một giây nước cuốn lùi; nếu không từ đây cần nỗ lực, biết bao giờ đến được đầu nguồn”. Máy lời này có thể hỗ trợ cho niệm Phật vậy.

5. Người giàu có, nên tu niệm Phật. Đời nay được giàu sang là nhờ phước báo tu hành đời trước, nên biết phước lạc ở cõi Ta bà thật không trường cửu. Người xưa dạy: “Vinh hoa như giấc mộng canh ba, phú quý nào khác sương tháng chín”. Đời này không lo ăn mặc, thọ dụng đầy đủ, hãy nên nhân cơ hội phát tâm niệm Phật cầu sinh Tịnh độ lên ngôi bất thoái, hưởng niềm vui vô vi. Vùng biên địa của Tây phương còn sướng hơn cõi trời, hà huống phước lạc cõi đời, có gì đáng đắm! Hãy

nhANH phẢN tỈNH, NHẤT TÂM NIỆM PHẬT, HẦU BỎ BÁO THÂN XẤU KÉM TA BÀ, CHÓNG ĐẮC TỊNH ĐỘ HÓA SINH.

6. Người nghèo khó, nên tu niệm Phật. Đời này bần cùng là do đời trước không tu bố thí cúng dường, cống cao ngã mạn nên mới cảm báo này. Đã không ruộng vườn sản nghiệp, lại không có chỗ trú thân, y phục không đủ che hình, vật thực không nuôi đủ bụng, vừa ra khỏi nhau thai đã chịu biết bao khổ nhọc, hãy nên tinh tấn niệm Phật để cầu vãng sinh Cực lạc. Nước Cực lạc lầu các trang nghiêm, trang sức bằng bảy thứ châu báu lưu ly, xa cừ, san hô... không cần phải kinh doanh mua bán, nghĩ đến là y thực tự nhiên có đủ, vĩnh viễn lìa khỏi kiếp nghèo cùng. Có pháp môn huyền diệu thế này, xin chớ bỏ qua.

7. Người già, nên tu niệm Phật. Tuổi về già, thời gian còn là bao, như cá thiếu nước, nào có vui gì? Như tử tội đi ra pháp trường, mỗi bước là mỗi gần đến cái chết! Hãy nhanh chóng chí thành phát tâm niệm Phật cầu vãng sinh Cực lạc. Hòa thượng Thiện Đạo có kệ rằng: “Dần dần da nhăn tóc bạc, xem kìa bộ dạng già nua; giả như vàng ngọc đầy nhà, không ai tránh khỏi già bệnh. Dù anh một đời sung sướng, cuối cùng cái chết kề bên; chỉ có con đường tu tắt, niệm danh hiệu Phật Di Đà”. Hỡi những người già cả, xin chân thành nhắc lại ba lần. Hãy buông xuống hết bao trần lụy, không thì sẽ có một ngày, buông không xuống rồi cũng phải buông. Nên biết: “Kề cái chết hãy nhanh tranh thủ, nào ai chịu nghỉ trước mạng chung”

8. Tuổi trẻ, nên tu niệm Phật. Ở tuổi thanh xuân, sức khỏe dồi dào, không bị nỗi lo âu già bệnh, hãy nhanh phát tâm niệm Phật. Chớ bảo rằng bây giờ hãy còn quá sớm, chờ nước đến chân nhảy kịp nào, há chẳng

nghe: “Mới Xuân đây dương liễu xanh rờn, mà nay đã cúc vàng nở rộ”. Nên biết: “Thân người khó được nhưng dễ mất, cơ hội dễ qua khó đuổi tìm”. Chớ lần lửa qua ngày để thời gian trôi qua vô ích. “Chớ toan già mới tin theo Phật, bao năm mồ hoang rất thiếu niên”.

9. Có con trai, nên tu niệm Phật. Tục ngữ có câu: “Để dành lúa gạo phòng đói kém, sinh trai để dưỡng lúc tuổi già”. Nay đã có con trai, cũng đã khôn lớn nên người, gia nghiệp có chỗ cậy nhờ, tông đồ có người ủy thác, hãy nên buông xuống muôn duyên nhất tâm niệm Phật cầu vãng sinh Cực lạc; nhất thiết chớ ngàn kế trăm mưu vì con vì cháu. Nên biết: “Con cháu tự có sẵn phúc đức của nó, đừng vì nó lo xa cho nhọc nhằn”. Nếu con cháu có phước thì không cần của hồi môn, tự nó hai bàn tay trắng cũng làm nên gia nghiệp. Giả sử nếu con cháu ngỗ nghịch, hoang đàng trác táng thì cho dù bạn có làm ra của bao nhiêu cũng không đủ nó hoang phí, ngược lại khiến nó tạo nghiệp, mình trở lại hại nó, thật là không phải kế hay. Hãy nhìn lại thế gian, rất nhiều gia đình giàu có đã rơi vào trường hợp này.

10. Không có con trai, nên tu niệm Phật. Người đời sinh con trai nhiều là gánh vác việc lớn, nối dõi, nuôi dưỡng hủ hỉ lúc tuổi già, tất nhiên là không thể không cố gắng kiếm thật nhiều tiền để con được thừa kế. Còn không có con trai thì lại khỏe, nhàn hạ, đừng tự than là bạc mệnh, vợ chồng hãy cùng nhau tu trì, xưng niệm A Di Đà Phật, cầu sinh nước Cực lạc, nhanh chóng thành tựu Bồ đề, há không sung sướng sao! Hết thấy mọi người, không ai là không thể niệm Phật, do đó pháp môn niệm Phật thông hết mọi căn cơ vậy.

## CHƯƠNG XI: NIỆM PHẬT CÓ THỂ ĐỘ CHÚNG SINH



Pháp môn thì vô lượng, nhưng có chia ra Đại thừa, Tiểu thừa. Tiểu thừa chỉ cầu tự lợi, riêng độ thân mình. Đại thừa đặt nặng lợi tha, rộng độ tất cả. Hoặc hỏi người tu niệm Phật, chán khổ cầu vui, nguyện vãng sinh Tịnh độ, bỏ Ta bà ngũ trược ác thế này để tiêu điều trên miền Cực lạc, chỉ cầu lợi mình, vậy há chẳng phải Tiểu thừa sao? Mà Bồ tát thì phải phát tâm quảng đại, chỉ nghĩ đến lợi người, không từ lao khổ, không cầu an vui, lao vào trần thế để độ sinh, không chỉ cần tu khổ hạnh trong cõi người mà thậm chí trong địa ngục, vào ra trong đường ngạ quỷ, súc sinh, không thấy khổ vui, không thấy thủ xả, như vậy mới hợp với đạo Đại thừa. So sánh đại tiểu đâu chỉ chênh lệch như biển cả với nước dẫu chân trâu, người niệm Phật sao không khéo chọn?

Đáp rằng: Niệm Phật chính là hạnh Đại thừa thỏa đáng nhất, có thể trên đền bốn ân nặng, dưới cứu khổ ba đường. Nếu chẳng phát tâm niệm Phật mà muốn cứu độ chúng sinh thì e chỉ là việc đầu lười, với người đã không có lợi mà ngược lại còn hại mình. Ví dụ một người không biết lội nước, thấy người chết chìm lại nhảy xuống cứu, không những không cứu được người mà chính mình lại bị mắc nạn, như vậy há không ngu si sao? Nay người kính mộ Đại thừa, lại muốn độ chúng sinh mà không tu pháp môn niệm Phật để cầu vãng sinh Tịnh độ thì cũng lại như thế.

Phàm muốn tu Đại thừa, phát tâm thì dễ, bất thoái mới là khó. Trong kinh có nói rằng: “Ngư tử, Am la hoa (hai cái này dụ cho nhân nhiều mà quả ít), Bồ tát phát đại tâm; ba việc tuy nhân nhiều, nhưng thành tựu rất ít”. Trong kiếp quá khứ của Xá Lợi Phất, từng phát đại tâm tu hạnh Bồ tát lợi tha, lúc ấy có vua trời đến thử, hóa làm một người Bà la môn vừa đi vừa khóc, Bồ tát hỏi: “Sao ông



có vẻ bị thương thể”. Đáp: “Mẹ tôi bệnh”. “Sao ông không mời lang y chẩn bệnh mà lại khóc?”. Đáp: “Tôi đã mời khắp hết các danh y nhưng vô hiệu”. Bồ tát nói: “Có bệnh tất phải có thuốc”. Người Bà la môn đáp: “Đúng vậy! Thầy thuốc bảo: Bệnh mẹ tôi nếu có con mắt của người phát đạo tâm thì sẽ trị lành, không thì phải chết. Bởi không tìm được con mắt ấy làm thuốc nên tôi mới khóc”. Bồ tát nghĩ: “Đức Như Lai biết bao đời hành đạo Bồ tát, từng bố thí đầu, mắt, tủy, não để cứu độ chúng sinh, ta nay đã phát đại tâm, nên bố thí mắt để bà lão được sống. Bèn nói rằng: “Ông chớ khóc nữa, tôi nay đã phát tâm Đại thừa, tu hạnh Bồ tát. Nay xin thí mắt cho ông đem về nấu thuốc”. Nói đoạn bèn móc mắt phải đưa cho người Bà la môn. Người Bà la môn nói: “Thầy thuốc bảo phải là con mắt trái mới được, mắt phải không có tác dụng”. Bồ tát hơi phiền não: “Mắt phải dùng không được sao không nói sớm, đợi móc ra rồi mới nói”. Bồ tát lại nghĩ: “Đã muốn lợi tha thì phải không được luyến tiếc”, nghĩ thế bèn móc luôn con mắt trái. Người Bà la môn cầm con mắt đưa lên mũi ngửi, nói: “Con mắt hôi thế này làm sao chế thuốc”. Bèn ném xuống đất lấy chân chà lên. Bồ tát động niệm, than: “Chúng sinh khó độ! Chúng sinh khó độ!” Thế là thoái thất đạo tâm. Đây do chưa được vô sinh pháp nhẫn, tuy muốn học Bồ tát, làm những việc khó làm, xả những điều khó xả nhưng cái khó nhẫn thì chưa nhẫn được, rồi thì đại tâm thoái đạo, muôn kiếp vẫn là Tiểu thừa, từ đó không dám phát lại đại tâm. Nếu muốn tu Đại thừa, quảng độ chúng sinh thì cần phải niệm Phật cầu sinh Tịnh độ, thấy Phật nghe pháp, chúng được vô sinh pháp nhẫn. Sau đó vào mười phương cõi nước, phát tứ vô lượng tâm, tu sáu ba la mật, lợi ích chúng sinh đồng thoát tam giới, nhanh chóng vô thượng Bồ đề. Đây tuy trước cầu tự lợi nhưng thật sự là muốn lợi tha, như vậy người

tu Tiểu thừa cầu xuất tam giới, cầu chứng Niết bàn ấy, há ai bằng nào?

Là pháp môn niệm Phật, lấy nhất tâm niệm Phật, cầu sinh Tây phương, ly khổ đắc lạc. Nhìn vào thấy như là Tiểu thừa, chỉ tự lợi mình, nhưng thực tế mà nói thì là Đại thừa, có thể lợi tha. Vì sao? Vì niệm Phật vãng sinh, được thấy Phật nghe pháp, chứng vô sinh nhẫn, đắc thân, khẩu, ý tam luân bất tư nghì nghiệp, trở lại tam giới quảng độ chúng sinh. Trong cái chán khổ ấy chính là muốn cứu khổ cho chúng sinh, tức tâm đại bi của Bồ tát vậy; trong cái cầu lạc ấy chính là muốn cùng vui với chúng sinh tức là tâm đại từ của Bồ tát, sao lại gọi niệm Phật là Tiểu thừa mà chẳng phải là Đại thừa?

Tam luân bất tư nghì nghiệp: 1/ Thân luân hiện thông: Có thể hiện vô lượng thân, hoặc hiện thân Phật, hoặc hiện thân Bồ tát, hoặc hiện các thân trong sáu đường, hoặc hiện từ hoặc hung dữ, hoặc tinh lạnh, hoặc lù khù, vào khắp mười phương cõi Phật để lợi ích vô lượng chúng sinh. 2/ Khẩu luân thuyết pháp: Đầy đủ bốn vô ngại biện tài, nói pháp sáu Ba la mật, tứ diệu đế, mười hai nhân duyên, mười điều lành, năm giới cấm... tất cả các pháp thế gian, xuất thế gian đều tùy theo căn cơ giảng nói để cứu độ chúng sinh. 3/ Ý luân giám cơ: Có thể soi thấy chúng sinh căn cơ lợi, độn, trí tuệ sâu cạn, dễ độ khó độ, nên dùng thân nào để độ tức liền hiện thân đó, nên dùng pháp nào để độ tức nói pháp ấy. Như đức Quán Thế Âm Bồ tát, tùy theo căn cơ mà thị hiện vô tác diệu lực, tự tại thành tựu, tuy không phân thân mà hiện khắp, hàm ứng mọi căn cơ không hề trái ngược, đó là bất tư nghì nghiệp. Được nghiệp ấy rồi mới có thể báo đáp tứ ân, cứu ba cõi.

Nếu không niệm Phật cầu sinh Tịnh độ thì tuy phát tâm rộng lớn, tự cứu còn chưa chắc lấy gì cứu độ chúng sinh. Duy chỉ có tu niệm Phật, chuyên tâm nhất ý, khi mạng chung, trong thì nương niệm lực tự tâm, ngoài thì vào nguyện lực của Đức Phật A Di Đà, trong một lúc hội hai lực, thu thành công trong một niệm, vãng sinh Tây phương, thấy Phật nghe pháp, chứng vô sinh pháp nhẫn, rồi sau đó mới nương vào bánh xe đại nguyện, hội nhập Ta bà, cho đến vô lượng cõi nước nhiều như cát bụi, hiển sáu thần thông, hành Tứ nhiếp pháp, quảng độ chúng sinh đồng sinh Cực lạc. Đi lại tự do không bị nghiệp kéo mới có thể làm đại Phật sự, báo đáp tứ ân.

1. Khả dĩ báo đáp ơn Phật: Đức Phật đã vì chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay chưa từng một giây rời bỏ. Lúc ta hôn mê Phật là người dẫn lối, lúc ta tạo nghiệp Phật thương xót, lúc ta trầm luân Phật phương tiện tìm cách cứu độ, khi ta được thân người Phật mừng vui. Ân này đức này không thể dùng lời lẽ để diễn tả. Nếu phát tâm niệm Phật, tự độ mình xong sau đó độ người, rộng tuyên pháp môn Tịnh độ, thay Phật hoằng hóa khiến cho hết thấy niệm Phật vãng sinh, hoành siêu tam giới, thỏa hoài bão của Phật là chân báo ân Phật vậy. Kinh điển có dạy rằng: “Giả sử đầu đội hàng sa kiếp, thân làm sàng tọa khắp tam thiên; nếu không thuyết pháp độ chúng sinh, thì chưa gọi là báo ơn Phật”.

2. Khả dĩ báo đáp thân ân: Thương thay cha mẹ, lao nhọc sinh ta, ân ấy đức ấy, đầy khắp hư không. Cha nuôi ta khôn lớn dạy ta nên người, một đời lao khổ không vì ai khác; yêu ta như yêu viên ngọc trên tay, ngóng ta như ngóng lúa năm đói kém. Mẹ thì mười tháng cưu mang, ba năm bú mớm, nhả ngọt nuốt đắng,



nằm ướt nhường khô, chăm sóc ta từng ly từng tý. Nếu chỉ cung phụng ngọt ngon lúc sống, ma chay rên rỉ khi chết, như thế cũng chưa trọn báo thâm ân, cần phải niệm Phật cầu sinh Tịnh độ, sau đó trở lại Ta bà cứu vớt vong linh cha mẹ, vĩnh viễn là khỏi tam đồ khổ, sinh lên Cực lạc an vui, như vậy mới được gọi là báo đáp trọn vẹn. Lại nữa, ta từ vô lượng kiếp đến nay, xả thân thọ thân, đời đời đều có cha mẹ, hoặc sinh làm người hoặc sinh làm thú mà mắt trần không thấy, không thể báo đáp. Nếu niệm Phật vãng sinh, được sáu thân thông thì không chỉ có thể riêng độ cha mẹ đời này, mà còn độ được cha mẹ nhiều đời kiếp trước, như vậy mới gọi là đại hiếu, mới gọi là chân thật báo ân.

3. Khả dĩ báo đáp ân sư: Cha mẹ sinh ta là cha mẹ của sinh thân; thầy tổ dạy ta là cha mẹ của pháp thân. Nếu không có thầy tổ thì ta không thể khai mở trí tuệ, học vấn của ta không thể tiến lên, đạo hạnh của ta không thể thành tựu. Ân thầy lớn lắm, còn hơn cả ân cha mẹ, nếu muốn báo đáp, chỉ có niệm Phật cầu sinh Tây phương, tự độ mình xong, sau đó độ người. Như Pháp sư Cưu Ma La Thập, ban đầu học Tiểu thừa ở Pháp sư Bàn Đầu Đạt Đa, sau sang học Đại thừa ở Pháp sư Tô Lợi Đa Tu Ma, nhận rõ sâu xa lý thể pháp tánh, tự hận trước đây sai lầm đã học Tiểu thừa, nhân nhớ đến thầy cũ, bèn trở lại diễn nói chân lý Đại thừa khiến thầy đắc ngộ, được lợi ích lớn. Thầy cũ lại bái La Thập làm thầy, Thập không dám nhận. Sư nói: “Ta là thầy Tiểu thừa của ông, ông là thầy Đại thừa của ta”. Như La Thập, đáng được gọi là thật báo ơn thầy vậy.

4. Khả dĩ báo ân chúng sinh: Hoặc hỏi: “Chúng sinh có ân gì với ta?”. Đáp rằng: “Người cày ruộng ta mới có ăn, người dệt vải ta mới có mặc, bao nhiêu vật



dụng hằng ngày, chúng sinh tạo tác ta mới có dùng”. Hoặc nói: “Ta bỏ tiền ra mua, sao lại gọi ân?”. Đáp rằng: “Đành là ta bỏ tiền ra mua, nhưng chúng sinh không lao tâm nhọc sức thì ta lấy đâu mà mua?” Lại nữa, tất cả chúng sinh hoặc là cha mẹ, hoặc là thầy tổ, hoặc là thân bằng quyến thuộc của ta trong quá khứ, chẳng qua thay hình đổi dạng, nên không nhận ra được, không thể bảo chúng sinh hoàn toàn không có quan hệ gì với ta; thậm chí con trâu kéo cày, con chó giữ nhà, cũng đều có ân với ta, phải nên báo đáp. Niệm Phật cầu sinh Tịnh độ, tuy là tự độ nhưng thật sự là muốn độ khắp chúng sinh. Nếu lấy cái thân hiện tại chưa đắc vô lậu này mà muốn học hạnh Bồ tát độ sinh thì thật chẳng phải là chuyện dễ. Thí như chèo chiếc thuyền lủng ra cứu người, chẳng những không cứu được người mà ngược lại mình bị chết chìm. Sinh lên Tịnh độ rồi, thấy Phật nghe pháp, chúng vô sinh nhẫn, đắc thân, khẩu, ý tam luân bất tư nghì nghiệp mới có thể độ khắp mười phương chúng sinh, đây là thật báo ân chúng sinh vậy.

**Tam hữu:** Dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu. Tức dục giới, sắc giới, vô sắc giới. Tam giới, sao gọi là tam hữu? Bởi trong tam giới, chúng sinh lục đạo theo nghiệp thiện ác mà lúc lên lúc xuống, nghiệp thiện thì sinh lên ba đường lành làm Trời, Người, A Tu la (phi thiên, phước báo không bằng trời) mà thọ phước lạc. Nghiệp ác thì đọa vào ba đường dữ địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh mà chịu khổ báo. Nếu nghiệp thiện lại kiêm nghiệp thiện định bất động thì sinh sắc giới, vô sắc giới. Do ba nghiệp thiện ác, vô ký mà có luân hồi, có nhân tất có quả, nhân quả không mất nên gọi đó là hữu. Bằng lấy tam giới cửu địa mà nói thì gọi đó là cửu hữu.

**Cửu địa:** Từ lục dục thiên trở xuống gọi là Ngũ thú tạp cư địa, là chúng sinh năm đường sống hỗn tạp với nhau. Ví như người, quỷ, thú cùng ở với nhau trên nhân gian vậy. Trời sơ thiên gọi là ly sinh hỷ lạc địa, trời nhị thiên gọi là định sinh hỷ lạc địa, trời tam thiên gọi là ly hỷ diệu lạc địa, trời tứ thiên gọi là xả niệm thanh tịnh địa. Cùng với trời tứ không: không vô biên xứ địa, thức vô biên xứ địa, vô sở hữu xứ địa, phi tướng phi phi tướng xứ địa, gọi chung là 25 hữu, đều là có nhân có quả, theo nghiệp thọ báo. Người niệm Phật tự độ đã xong, phát tâm độ tha, thừa nguyện độ sinh khắp cùng tam giới. Kinh Kim Cang nói: “Hoặc noãn sinh, hoặc thai sinh, hoặc thấp sinh, hoặc hóa sinh, hoặc hữu sắc, hoặc vô sắc, hoặc hữu tướng, hoặc vô tướng, hoặc phi hữu tướng phi vô tướng ta đều độ hết khiến vào vô dư Niết bàn”. Đây gọi là tế độ tam hữu. Nên nói niệm Phật có thể độ chúng sinh.

## CHƯƠNG XII: NIỆM PHẬT ĐƯỢC THÀNH PHẬT ĐẠO

Hoặc hỏi: “Niệm Phật vốn là việc rất dễ, thành Phật là điều rất khó, Phật đạo xa xôi, trong kinh nói phải trải qua ba đại a tăng kỳ kiếp, siêng tu lục độ vạn hạnh mới được thành tựu, sao niệm Phật mà được thành Phật?”. Đáp rằng: “Pháp môn tu hành có nhanh chậm khác nhau. Chậm thì phải trải qua ba đại a tăng kỳ kiếp tu nhân luyện hạnh mới thành Phật đạo, nhanh thì không cần phải trải qua ba đại a tăng kỳ vẫn được pháp thân, không thể khái luận chung chung được”.

Niệm Phật chính là hoành siêu sinh tử, thành tựu Bồ đề nhanh chóng, là pháp môn viên đốn; chỉ sợ mọi người không chịu niệm Phật, chứ nếu tinh tấn thì quả vị Phật quyết định có ngày thành tựu. Đại sư Quang

Minh Thiện Đạo nói: “Nguyện cho hết thấy mọi người, khéo tự tư duy, đi, đứng, nằm, ngồi đều khắc ghi, ngày đêm chẳng bỏ thì lúc mệnh chung, niệm trước niệm sau liền sinh Cực lạc, vĩnh kiếp thọ niềm vui vô vi cho đến lúc thành Phật, như vậy há không sung sướng sao!”. Đại sư Thiện Đạo cả đời chuyên tu pháp môn niệm Phật, niệm một tiếng miệng phóng ra một luồng ánh sáng, niệm trăm tiếng, nghìn tiếng ánh sáng cũng luôn phóng ra như thế. Như những lời khai thị trên đây, mỗi người tự nên tin sâu, thêm thiết nguyện thực hành vậy.

Lại Văn Thù Sư Lợi bảo Đại sư Pháp Chiếu, Tổ thứ tư Liên tông rằng: “Trong các pháp môn tu, không pháp môn nào qua pháp môn niệm Phật”. Một ngày, Tứ Tổ đến chùa Trúc Lâm ở Ngũ Đài Sơn, thấy hai vị đại sĩ Văn Thù, Phổ Hiền ngồi hai bên tả hữu, xoa đầu Tứ Tổ bảo rằng: “Ông chuyên tu niệm Phật, không lâu sẽ chứng vô thượng Bồ đề. Nếu thiện nam tín nữ, muốn chóng thành Phật, nên tu niệm Phật, mau chứng vô thượng chánh đẳng giác”. Suy xét lời của hai vị đại sĩ, rõ ràng chỉ thị niệm Phật có thể thành Phật, còn nghi ngờ gì nữa?

Người niệm Phật mà được sự hộ niệm của chư Phật, nhiếp trì nguyện lực của Phật A Di Đà thì lúc mạng chung vào thẳng ngôi bất thoái, tự giác tiến tu thẳng đến thành Phật. Kinh A Di Đà nói: “Những chúng sinh sinh lên nước ta đều là bất thoái chuyển, trong số đó có rất nhiều người một đời được bổ xứ làm Phật, số ấy rất nhiều, không thể tính đếm hết được”. Suy xét câu một đời được bổ xứ thành Phật, tức là thân sau chót, như vậy há không phải một đời tức được thành Phật sao? Đây là nói về sự. Nếu nói về lý, niệm Phật công thâm, vô niệm mà niệm, niệm mà vô niệm, Tâm Phật viên dung. Một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm



niệm tương ứng niệm niệm Phật, chứng duy tâm Tịnh độ, thấy tự tánh Di Đà, không chờ vãng sinh, tức thành Phật đạo, còn sự nhanh chóng nào hơn?

Hoặc nói: “Niệm Phật vãng sinh, điều ấy có đúng không?” Đáp rằng: “Ba món tư lương tín, nguyện, hạnh đầy đủ thì tất được vãng sinh vậy!”. Đại sư Vĩnh Minh nói: “Không thiên có Tịnh độ, mười tu mười đắc ngộ” (Vô thiên hữu Tịnh độ, vạn tu vạn nhân khứ). Tịnh Độ Vãng Sinh tập: “Xuất gia tại gia niệm Phật vãng sinh, số ấy rất nhiều, lâm chung đều có chứng nghiệm; hoặc biết trước giờ chết, hoặc ngồi thẳng mà đi, hoặc thân phát ra hương lạ, hoặc nhạc trời trời dậy...” há lời nói hư dối sao? Thời Tống, Hoàng thợt rên ở Hồ Nam sống bằng nghề rên, nhà có bốn người, cuộc sống hoàn toàn dựa vào ông, ngày nào không làm thì coi như ngày đó không có gạo bỏ nồi. Hoàng thường hay than oán, do đời trước không tu, đời nay mới khổ như vậy, Hoàng luôn nghĩ đến tu hành, nhưng không biết phải tu pháp nào, vừa làm việc mà vẫn tu được. Một ngày, nhân thấy khách tăng đi qua trước tiệm, Hoàng bèn mời vào thỉnh giáo. Tăng nói: “Có. Chỉ sợ anh không tin thôi!”. Hoàng nói: “Đại sư dạy, nào dám không tin!”. Tăng bảo: “Ông muốn lìa khổ được vui, thế giới Ta bà này không có thật lạc, chỉ có nước Cực lạc của Phật A Di Đà mới không có các khổ, chỉ có an vui. Muốn sinh lên nước ấy chỉ cần nhất tâm xưng niệm danh hiệu A Di Đà Phật, niệm niệm không ngừng thì lúc mạng chung nhờ Phật tiếp dẫn, tức được vãng sinh lên nước Cực lạc. Tôi dạy ông lúc cầm ống thổi, niệm một câu Nam mô A Di Đà Phật, lúc sắt cháy đỏ, lấy ra, nện một chùy, niệm một câu, mỗi mỗi búa đều như thế. Lúc không đánh búa cũng niệm, nếu cứ vậy niệm mãi, cam đoan lâm chung ông sẽ được vãng sinh Cực lạc”. Hoàng thợt rên nghe xong, vui



mừng khôn xiết, cực kỳ tin tưởng, đã được tu hành lại được làm việc, liên y giáo phụng hành. Người đời đều chế nhạo Hoàng thợ rèn ngu ngốc, làm nghề rèn vốn đã vất vả, nay lại niệm Phật, há không phải khổ cộng thêm khổ sao? Hoàng thì không như thế, càng niệm càng thâm tín, bảo: “Pháp môn niệm Phật này thật sự có lợi ích! Tôi ngày thường đứng bên lò lửa, luôn cảm thấy khổ bị cái nóng bức bách; lúc nện búa, bị cái khổ của lao nhọc; nay niệm Phật hoàn toàn không thấy nóng, thấy mệt gì cả”. Từ đó, Hoàng càng thêm tinh tấn. Ba năm trôi qua... Một ngày, Hoàng tự biết trước giờ chết, bèn cạo đầu, tắm rửa sạch sẽ, thay quần áo sạch rồi bảo với vợ rằng: “Hôm nay tôi về nhà đây”. Người vợ nói: “Anh còn có nhà nào?”. “Đây chẳng phải là nhà tôi, nhà tôi ở Tây phương kia”. Thế rồi lại đứng bên lò lùn sắt, vẫn niệm Phật luôn, sắt cháy đỏ, lấy ra nói kệ rằng: “Bon bon beng beng, luyện lâu thành thép; bình yên đã tới, tôi về Tây phương”. Niệm một câu Nam mô A Di Đà Phật, nện xuống một búa rồi đứng yên mà hóa, khắp thân phát ra mùi hương lạ, nhạc trời trỗi dậy. Đây là tướng lành Phật A Di Đà tiếp dẫn vãng sinh Tây phương vậy. Mọi người nghe mùi hương lạ, không ai mà không kinh ngạc.

Từ đó, người Đàm Châu về sau đều niệm Phật, đến nay còn rất thịnh. Xưa nay biết bao nhiêu chuyện niệm Phật vãng sinh, không thể không tin.

Lại hỏi: “Chúng sinh trong mười phương thế giới, nếu niệm Phật vãng sinh hết thì cõi Cực lạc chỗ đâu mà chứa?”. Đáp: “Biển xanh nhận nước của muôn vàn dòng sông mà có đầy đâu, tấm gương nhỏ xíu chứa vạn cảnh nào có dư đâu. Những vật thế gian mà còn được như thế, huống hồ nguyện lực rộng lớn và lực bất khả tư

ngành của Phật A Di Đà, thành tựu vô biên cõi Phật trang nghiêm, sao không đủ chỗ để dung chứa?”.

Thiền sư Hoài nói: “Sinh thì thật có sinh, đi thì chẳng chỗ đi”. Nếu bảo thật có vắng sinh Tịnh độ, há không trái với lời người xưa sao?. Đáp rằng: “Không trái. Đây chính là cổ đức đã ngộ được yếu chỉ chân tục không trái, lý sự vô ngại của thật tướng niệm Phật vắng sinh. Anh chỉ đọc mà không hiểu. Câu trước “sinh thì thật có sinh” là pháp giới tục đế thuộc sự, câu sau “đi thì chẳng chỗ đi” là pháp giới chân đế thuộc lý, tức là sinh duy tâm Tịnh độ, lý sự không cách hào tở, làm sao có tướng đến đi? Niệm Phật vắng sinh, Phát Bồ Đề Tâm Văn của Đại sư Tịnh Am, có kệ rằng: “Hoa sen hóa sinh Phật hiện tiền, hào quang Phật chiếu tía kim liên; thân theo chư Phật lên Tây cảnh, không đến không đi việc dường như”. Vắng sinh là điều có thật, không nên hoài nghi, nếu có một chút nghi ngờ tức là niềm tin chưa sâu, nguyện lực chưa thiết vậy.

Lại nữa, duy tâm Tịnh độ, không phải không có thế giới Tây phương Cực lạc trang nghiêm thanh tịnh mà là chỉ chân tâm, thể thì biến khắp mười phương; lượng thì đầy hư không giới. Tức cõi Tây phương Cực lạc cũng không ngoài tự tâm nên nói duy tâm Tịnh độ. Người niệm Phật cẩn thận chớ hiểu sai chữ duy tâm; nếu lấy hai chữ “duy tâm”, tức bảo không có Tây phương Tịnh độ, vậy thì kinh A Di Đà, đức Thích Ca bảo Xá Lợi Phất: “Từ cõi Ta bà hướng về phía Tây, vượt qua 10 vạn ức cõi Phật, có thế giới gọi là Cực lạc, nước ấy có Phật hiệu là A Di Đà, hiện đang thuyết pháp”. Đây há là lời dối người sao? Phật là bậc toàn giác, tuyệt không có việc dối người. Lại không thể không thấy thế giới Cực lạc rồi cho rằng là không có. Như có người chưa từng đến châu Âu, làm sao có thể nói rằng thật không

có châu Âu? Niệm Phật chắc chắn thành Phật, kinh Pháp Hoa nói rằng: “Nếu người nào tâm tán loạn, vào tháp miếu, xưng niệm một câu Nam mô Phật, đều có thể thành Phật đạo”. Người tâm tán loạn niệm một câu danh hiệu Phật, còn được thành Phật, huống hồ tinh tấn niệm Phật một đời, há có lý không thể không thành Phật?

Trong kinh Lăng Nghiêm, Đại Thế Chí Bồ tát Viên Thông Chương nói: “Nhớ Phật niệm Phật, hiện tại đương lai, nhất định thấy Phật, cách Phật không xa”. Suy xét câu “cách Phật không xa” rõ ràng là ý chỉ niệm Phật tức được thành Phật. Sao gọi là hiện tiền thấy Phật? Hoặc lúc chuyên tâm niệm Phật mộng thường thấy Phật. Tôi từng mộng thấy thế giới Cực lạc Di Đà từ tôn, đồng thời cũng được nghe thuyết pháp, đức Di Đà dạy tôi hãy tu trì tịnh nghiệp, tự độ độ tha. Nên sau 36 năm thiền tịnh song tu, mỗi lần truyền giới tam quy hoặc pháp hội giảng kinh tôi đều hết sức khuyên mọi người phát tâm niệm Phật, cầu sinh Tịnh độ. Tôi bảo họ rằng: “Tu hành niệm Phật là ổn đáng nhất, nên lấy trì danh niệm Phật làm chánh hạnh, tu các pháp thiện khác là trợ hạnh, chánh trợ cùng hành thì như buồm xuôi gió lại thêm sức chèo, vãng sinh Tịnh độ, phẩm vị cao là chắc chắn”.

Hoặc tam muội công thành, trong định thấy Phật. Như Đại sư Tuệ Viễn, Sơ Tổ phái Liên tông, kết tập Liên xã ở Lô Sơn, chuyên tu pháp môn niệm Phật, ba mươi năm không xuống núi, trừng tâm nhập định, ba lần thấy Thánh tướng, tướng tốt trang nghiêm, một đêm tháng 7, xuất định ở Bát Nhã đài, thấy Phật A Di Đà thân đầy khắp hư không, trong ánh viên quang có vô số hóa Phật, Quán Âm, Thế Chí hầu cận hai bên, lại thấy ánh sáng sông ngòi, phân thành 14 nhánh diễn nói pháp âm khổ, không, vô thường, vô ngã. Phật bảo



rằng: “Ta dùng bốn nguyện lực đến an úy ông, ông sau bảy ngày sẽ sinh lên nước ta”. Lại thấy các vị trong Liên xã trước đây như Phật Đà Da Xá, Tuệ Trì, Tuệ Vĩnh, Lưu Di Dân... đều ở bên cạnh Phật A Di Đà. Các vị ấy nói: “Thầy đã sớm phát tâm từ lâu, sao đến muộn vậy?”. Đây đều là những minh chứng trong định thấy Phật. Đến ngày 7 tháng 8, ngài triệu tập chúng cáo biệt, bảo hai đệ tử Pháp Tịnh, Tuệ Bảo rằng: “Trong 11 năm tại đây, ta ba lần thấy Thánh tướng, nay lại thấy nữa, ta vãng sinh đây!”. Dặn dò đệ tử xong, ngồi thẳng niệm Phật mà tịch, hương lạ khắp nhà, nhạc trời rền vang, đệ tử nhập tháp ngài trên đỉnh phía Tây Lô Sơn. Thế nào gọi là đương lai thấy Phật? Nếu niệm Phật công thành, lúc mạng chung sẽ thấy Phật A Di Đà hiện thân tiếp dẫn, đây là đương lai thấy Phật vậy. Lại hóa sinh liên báu, hoa khai kiến Phật, thân ánh sắc vàng, chúng vô sinh nhẫn, được vào địa vị bồ xứ, không chỉ thường được thấy Phật mà còn được thành Phật. Pháp môn viên đốn thù thắng này, có thể cắt ngang dòng sinh tử, đến bờ giác tức thì. Phạm muốn ly khổ đắc lạc, siêu phàm nhập thánh, hãy nên trì pháp niệm danh hiệu Phật, là pháp môn duy nhất không pháp nào trên.

### NIỆM PHẬT CÓ MƯỜI ĐIỀU LỢI ÍCH LỚN

1. Ngày đêm thường được chư Thiên, đại lực thần tướng ẩn thân hộ trì.
2. Thường được Quán Âm cùng 25 đại Bồ-tát bảo hộ.
3. Người niệm Phật thường được Phật A-di-đà phóng quang nhiếp thọ.
4. Không bị các ác Dạ xoa náo hại.
5. Người niệm Phật sẽ không bị các nạn nước lửa, đao binh, gông cùm.
6. Những tội lỗi đã tạo trong vô biên kiếp đều được tiêu diệt.



7. Thường có những giấc mộng đẹp hoặc thấy Phật A Di Đà thân vàng sáng chói.
8. Tâm thường hoan hỷ, nhan sắc tươi vui, khí lực sung mãn, được các may mắn trong việc làm.
9. Thường được người đời cung kính như kính Phật vậy.
10. Lúc mạng chung, tâm không sợ hãi, chánh niệm hiện tiền, được Phật cùng chư Bồ tát, tay cầm kim đài đến tiếp dẫn vãng sinh, hóa sinh hoa sen, hưởng thọ niềm vui vi diệu thù thắng.

TNA.



## Bờ xưa

Bờ xưa sương khói rộng bóng chiều  
Tôi tìm tôi mãi giữa hắt hiu  
Không gian mờ lạnh ngày qua mãi  
Còn ánh trăng gây sáng cô liêu

Bờ xưa cỏ dại mọc ven triền  
Tôi về tay níu bóng sương đêm  
Gai đau vừa chạm cành trinh nữ  
Máu ứa tay gây máu đỏ tim

Bờ xưa lay động bờ nay nhớ  
Ôi tháng ngày qua dấu chân chim  
Cây trơ đứng lặng cành khô mục  
Uống cạn mây trời ánh sao đêm

Bờ xưa tức tưởi triệu bờ nay  
Mặt đất chân đi giẫm ngàn ngày  
Linh hồn sầu động vừa lên tiếng  
Hoa nở ngàn phai, nở sớm mai.

VB.







HU VIỆN HUẾ QUANG. VN



## Đức Đạt-lai Lạt-ma và Pháp hội Karachakra

(Kỷ sự du hành Ấn Độ)

Tôi vốn không có cảm tình với Lạt-ma giáo, có lẽ do ảnh hưởng của phim Trung Quốc và lịch sử Mãn Thanh. Đó cũng là lý do khiến tôi hiểu biết rất ít về Phật giáo Tây Tạng. Trong chuyến du hành Ấn Độ vừa rồi, cơ duyên xui khiến tôi tìm đến các tu viện Tây Tạng trên đất Ấn, Nepal, và những điều mắt thấy tai nghe đã làm thay đổi toàn bộ thái độ của mình đối với một nền văn hoá đặc thù của một dân tộc lưu vong, thậm chí không còn tên trên bản đồ thế giới.

Trước hết là những tu viện Tây Tạng, những tu viện lớn có mặt cùng khắp những thành tích Phật giáo quan trọng ở Ấn Độ: Bodh Gaya, Sanath, Kushinaga, Lumbini..., và hình ảnh các vị Lạt-ma lột ván lạy dài theo thể “Ngũ thể đầu địa”, mỗi ngày bốn năm ngàn lạy ở những thánh tích này, với phong cách cực kỳ hoan hỷ và thoải mái, khiến tôi ít nhiều cảm mến các vị Lạt-ma. Khi sang Nepal, quê hương của Đức Phật, được ngắm đỉnh Everest - nóc nhà của thế giới - trên chuyến mountain air, được ngắm đỉnh Kailash - một Holimountain của người Tây Tạng, được xem là trung tâm của đỉnh núi Tu-di, cái huyền bí ngút ngàn sương khói đã làm chấn động tâm hồn đầy chấp thủ của mình. Rồi những đỉnh tháp vĩ đại, những tu viện menh mông trên sườn Hy-mã, tiếng kèn âm u làm nền cho giọng

kinh chú trăm hùng rền trong những tu viện hàng ngàn Tầng sĩ, tất cả đã thu hút tôi tìm hiểu về Phật giáo Tây Tạng.

Tại thủ đô Kathmandu của Nepal, tôi được đến chiêm bái nhiều ngôi đại tự, đặc biệt là Kopa Monastery, ở đó tôi tận mắt chiêm ngưỡng xá lợi năm màu của Ngài Konchoke, một cao tăng vượt đỉnh núi tuyết, qua Nepal nhập thất 20 năm, rồi về hóa đạo tại Kopa monastery và mới vừa viên tịch năm rồi. Lòng đầy phấn chấn, tôi quyết định đi Dharamsala, căn cứ địa của người Tây Tạng trên đất Ấn, nơi hiện thân của Đức Đạt-lai Lạt-ma thứ 14, hoá thân của Bồ-tát Quan Âm theo niềm tin của người Tây Tạng.

### DHARAMSALA - CẢNH TRÍ THẦN TIÊN

Dharamsala là một địa danh nhỏ vùng Bắc Ấn, thuộc tiểu bang Himachal Pradesh, cách thủ đô Delhi khoảng 500 cây số đường bộ. Sau khi chiêm bái các Phật tích quan trọng ở các tiểu bang Bihar và Uttar Pradesh, nghe nói Đức Đạt-lai Lạt-ma thứ 14 từ châu Âu trở về lại Dharamsala trong một hai ngày tới, tôi quyết định mang ba lô độc hành lên vùng núi tuyết lạnh này.

Xe đến khu vực Library lúc 6 giờ sáng sau một đêm trườn mình lên những ngọn đồi trùng điệp. Thư viện của Tây tạng được lấy làm địa danh để gọi khu vực hành chính của toàn bộ dân Tây Tạng lưu vong tại Ấn Độ. Nơi đây tàng trữ toàn bộ kinh điển cổ của Tây Tạng được dời từ cung điện Potala ở Lhasa sang, toàn bộ các tượng Phật và pháp khí quan trọng ở Tây Tạng cũng được tôn trí nơi này. Tôi được gặp vị sư chuyên phụ trách ghi âm toàn bộ pháp âm của Đức Đạt-lai Lạt-ma

và Đức Kamapa, Sư đặc biệt dẫn tôi vào tham quan Tầng Kinh Các, tự tay mở cho tôi xem những bản Kinh chép tay nhiều đời và chiêm ngưỡng các pho tượng tuyệt diệu ở đây, đó là một đại hạnh. Rất tiếc là tôi không chứng kiến cảnh cung nghinh Đức Đạt-lai Lạt-ma mới về. Khi không đủ duyên thì hoặc sớm hay muộn một tí là có thể bỏ qua một cơ hội ngàn vàng. Buổi chiều khi lên ngôi chùa chính, đứng cạnh phòng của Ngài mà bị cảnh sát canh phòng cẩn mật không cho vào đánh lễ, xem như đó là quả báo do mình trước kia không tin sự huyền bí của Mật tông Tây Tạng.

Ngôi chùa chính nằm trên một khoảng đất doi ra từ vòng cung của sườn núi Hy-mã, một địa thế hết sức đặc biệt, đứng trên tầng bốn của ngôi chùa mà vẫn được che mát bởi bóng của những ngọn cổ tùng, khi xây dựng tu viện này, người ta đã không chặt phá những cội tùng, mà để thân tùng chọc lên giữa bốn tầng bê-tông hoành tráng, ý thức bảo vệ môi trường ở đây như thế đó. Ở đây có rất nhiều dân Âu Mỹ về tu tập thiền Vipasana cũng như thụ giáo với Đức Đạt-lai Lạt-ma. Một cô gái người Nga nói với tôi: "Dharamsala đẹp nhất thế giới". Tôi chưa đi khắp thế giới nên không dám khẳng định như thế, nhưng có thể nói Dharamsala là cảnh giới của thần tiên.

Một buổi chiều, sau một ngày lên thăm các ẩn sĩ tu trên sườn núi, trong những căn nhà đá thấp lè tè với những tường đá dày cả mét do các sư chất lại để chống chọi với cái lạnh băng giá của mùa đông, tôi thật sự ngất ngây trước cảnh trí thần tiên huyền ảo này. Trước mắt là những tán anh đào trở hồng trên những rừng tùng bạt ngàn, đường kính mỗi cây tùng lớn hơn cả mét, từ những thung lũng sâu vút lên trên không. Trên



cao, sau những tán tùng xanh là ngọn núi phủ đầy tuyết trắng. Khi nắng chiều ánh lên làm tuyết cứ như pha lê lấp lánh, hoà quyện với tùng xanh, với đào hồng, với đá biếc, với sương mờ. Trong một đời được ngắm những cảnh tượng diệu kỳ này âu cũng là một điểm phúc lớn lao!

Tôi đã đến tham quan rất nhiều những tu viện Tây Tạng vùng này. Tu viện Bát Bang ở Bir, nơi có vị giáo sư cực kỳ uyên bác, thầy của ngài Kamapa thứ 17. Tôi cũng đến thăm tu viện của Kamapas thứ 17, đúng là nhân quả báo ứng, khi tôi đến Ngài cũng vừa đi vắng. Những viện bảo tàng, những trung tâm văn hoá, học viện, cực kỳ hoành tráng và chiếm một vị trí hết sức đặc biệt trên sườn Hy-mã. Chỉ đáng tiếc là hai Bạc Thánh của vùng này tôi không được gặp.

### KARACHAKRA VÀ PHÁP HỘI THỜI LUÂN

Sau một tháng rưỡi đi chiêm bái các hang động miền Trung Nam Ấn và đất nước Srilanka xinh đẹp, tôi quyết định trở lại Bồ Đề Đạo Tràng trước ngày mừng Tám tháng Chạp để tưởng niệm ngày Thành Đạo của Đức Bổn Sư, nhân đó dự Pháp hội Karachakra được tổ chức tại đây. Hành trình đã vạch sẵn, đáp chuyến tàu từ thành phố Madras 2 ngày 2 đêm chạy dọc suốt từ miền Đông nam đến Đông bắc Ấn Độ tới Calcutta. Tại cố đô của Ấn Độ này, tôi mãi mê với những viện bảo tàng cổ vật, nhà lưu niệm của thi hài Rabindranath Tagore và cả những đường tàu điện ngầm cực kỳ hiện đại, do đó đã về lại Bồ Đề Đạo Tràng (cách Calcutta khoảng 500 km) trễ hơn dự định 1 ngày. Vừa bước vào Trung tâm Tu học Viên Giác, nghe nói Đức Đạt-lai Lạt-ma hôm qua đã đến viếng thăm chùa, lễ Phật và nói chuyện với Tăng Ni người Việt Nam. Tôi ngần người ra



vì tiếc nuối, muốn gặp được Ngài quả là không phải dễ. Hàng chục ngàn người bao quanh chùa Viên Giác để được nhìn thấy Ngài nhưng không được. Cảnh sát bảo vệ quá cẩn mật, những người trong chùa trước khi Ngài đến đều bị rà soát kỹ lưỡng. Đó là thời gian trước khi cử hành Pháp hội Karachakra.

Ngày hôm sau Pháp hội bắt đầu, tôi thì chưa có thể ra vào nên thật khó lòng nhìn thấy được Ngài. Chiều hôm đó khi ra lễ Phật trước cội Bồ-đề, tôi phát nguyện xin được gặp và Kamapas. Ngay sau đó tôi đã được cấp thẻ sau khi xuất trình hộ chiếu và các giấy tờ liên hệ.

Karachakra là một pháp hội 12 năm mới tổ chức 1 lần, dưới sự chủ trì của Đức Đạt-lai Lạt-ma. Có đến 200.000 người trên khắp thế giới về dự pháp hội này. Đàn tràng Mạn-đồ-la được xây dựng trong một sân vận động cách không xa chỗ Phật thành Đạo. Trong khuôn viên đàn tràng này chỉ có các vị Lạt-ma tái sinh và các vị Tôn túc mới được vào, bất cứ ai vào bên trong sân vận động để dự pháp hội đều bị rà soát kỹ lưỡng, dù số người tham dự đến 200.000.

Karachakra, Trung Hoa dịch là Thời luân Kim cang, đó là pháp tu Vô thượng Du-già lấy Kim cang thời luân làm bản tôn, là pháp tu đặc biệt thuộc Du-già bộ của Mật tông Tây Tạng do Đức Phật Thích-ca truyền đến ngày nay. Trong Mật Giáo, Thời luân Kim cang là pháp tu tối cao, là pháp môn thù thắng nhất.

Thời luân tức chỉ cho chu kỳ vận hành của thời gian. Chúng sanh bị luân hồi trong Lục đạo, chịu mọi thống khổ, do đó Đức Phật đã nói vô lượng pháp môn giải thoát, giúp loài hữu tình thoát khỏi luân hồi. Hữu tình thế gian và khí thế gian theo chu kỳ 12 năm mà

tăng trưởng hay tổn giảm, do nhơn duyên hoà hợp mà lưu chuyển trong vòng luân hồi để hưởng hạnh phúc hay chịu đau khổ. Nếu biết y theo pháp thời luân mà tu trì thì có thể chuyển sự bất an thành thanh tịnh, khiến sự huỷ diệt lại phục sanh, biến sự thống khổ, chiến tranh thành hoà bình.

Trong pháp hội Thời luân, Mạn-đồ-la được cấu tạo hết sức công phu. Một hạt cát cũng không thể xê dịch được vị trí của nó. Chủ tôn Thời luân thân màu lam, phóng ánh sáng. Có bốn đầu, mặt chính màu lam, răng nanh lộ ra ngoài, mặt phải màu hồng, biểu hiện cho dục vọng, mặt trái màu trắng, tượng trưng cho sự sái tĩnh, mặt sau màu vàng, biểu hiện sự tĩnh tu. Mỗi mặt đều có 3 con mắt, 12 cặp tay (24 cánh), chia làm ba nhóm: 8 tay trên cùng màu trắng, 8 tay ở giữa màu hồng đỏ, 8 tay dưới cùng màu lam. Ngón tay thì từ ngón cái đến ngón út màu sắc cũng khác nhau, theo thứ tự là vàng, trắng, đỏ, lam, và xanh lục. Từ đốt tay đến đầu móng tay màu sắc theo thứ tự là lam, đỏ và trắng. Các vật cầm tay tính từ trên xuống, bên phải cầm chày Kim cang, bảo kiếm, trác 3 ngón, thiết đao, hỏa tiễn, gậy móc, pháp cổ, chùy, pháp luân, mâu, bảo trượng, thiết phủ (*búa sắt*); bên trái từ trên xuống cầm Kim cang linh, thuần, chày hàng ma, lô khí (*lò*), cung, dây, ma ni bảo, hoa sen trắng, loa trắng, kính, móc câu và đầu Phạm Thiên bốn mặt. Đùi phải duỗi ra màu đỏ, đùi trái co lại màu trắng. Búi tóc trên đầu lấy chày Kim cang để trang sức. Thân trên mặc Thiên y, dưới mặc quần da hổ, đeo nhiều thứ anh lạc, đầy đủ sự trang nghiêm của một Báo thân Phật. Vị Minh phi thì thân màu vàng, có bốn đầu, tám tay, ba mặt, 4 tay bên phải cầm thiết đao, gậy móc, pháp cổ (trống) và xâu chuỗi. 4 tay bên trái cầm lô khí, dây, hoa sen trắng và Ma-ni bảo.

. Pháp tu Thời luân Kim cang có thể dứt trừ binh tai và tất cả các kiếp nạn, xúc tiến hoà bình, phong điều vũ thuận, ngũ cốc phong đăng, lục súc hưng vượng, dứt trừ luân hồi, vãng sanh về Tịnh độ Hương-Ba-lạp của Bốn tôn. Cũng giống như những phương thức tu hành Mật tục khác, về hình thức quán đánh, pháp tu Mật tục của Thời luân Kim cang cũng được kiến lập dựa trên bốn lớp quán đánh. Hành giả sau khi quán đánh được cho phép nghiên cứu Thời luân Mật tục, khiến cho tự thân từ nội tại đến ngoại thái được cải biến triệt để, có thể giúp đỡ chúng sanh giải thoát Luân hồi. Đối với những người không thuộc Phật giáo đồ hay những kẻ không nghĩ đến chuyện khai ngộ, trong đời này cũng có thể nhờ vào Pháp hội Thời luân mà được sự gia trì thù thắng. Thời luân Kim cang có thể ban cho người tham dự sự gia trì đặc biệt.

Pháp hội Karachakra năm 2003 thành công rực rỡ dưới sự chủ trì của Đức Đạt-lai Lạt-ma, Kamapas và rất nhiều vị Lạt-ma tái sanh khác tham dự. Về khâu tổ chức không hề có sự cố đáng tiếc nào xảy ra dù số người tham dự đến 200.000. Tất cả bánh sữa được gia trì đã ban phát cho mọi người. Nhờ sự cúng dường của nhiều nhà hảo tâm Âu Mỹ, mỗi ngày số tiền trai tăng cho Đại chúng nhiều vô số kể. Vì số người về tham dự phần nhiều là dân Tây Tạng nên Đức Đạt-lai Lạt-ma đã giảng bằng tiếng Tây Tạng, đồng thời được dịch trực tiếp ra nhiều thứ tiếng trên thế giới. Những người tham dự phần lớn đều có một cái radio nhỏ, đài BBC đã dịch trực tiếp ra nhiều thứ tiếng Anh, Pháp, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản...

Về nội dung Pháp hội, mỗi ngày Đại chúng vân tập, cử hành Kinh nhạc, trong đó có Thích-ca Phật tán, Kinh Phật thuyết Thánh Phật Mẫu Bát-nhã Ba-la-mật-



đa, Hiện Quán Trang Nghiêm Luận Lễ Tán Kệ, Lễ Kính Văn-thù-sư-lợi, Hiến Mạn Đồ La, Hiến Mạn-đồ-la đoản kệ và khuyến quy y phát Bồ- đề tâm. Sau đó Đức Đạt-lai Lạt-ma lại thăng toà thuyết pháp, chủ yếu giảng về 37 đạo phẩm và ý nghĩa Thời luân Kim cang quán đánh. Khi thuyết giảng, sau hai tiếng đồng hồ thì có thời gian nghỉ giải lao. Sau đó vào cử Độ Mẫu Tán và nghi thức cúng trà trước khi giảng tiếp. Sau thời thuyết pháp là nghi thức Cảm tạ Mạn-đồ-la, Kỳ thỉnh Đạt-lai Lạt-ma Trường Thọ, Hồi Hướng Kệ, Bồ-đề Đạo Thứ Đệ Nguyên, Đế Ngũ Kỳ Nguyên Văn, Vô Tử Thành Tựu Diệu Âm, Vô Tử Cam Lộ Diệu Âm (văn cầu nguyện Đạt-lai Lạt-ma thứ 14 trường thọ) và Hiến Giải Châu Tế Tụng.

Mỗi ngày nghi lễ cử hành từ 10<sup>h</sup> sáng đến 4<sup>h</sup> chiều thì hoàn mãn, suốt 12 ngày ròng rã. Mỗi đêm hàng triệu ngọn nến được thắp sáng quanh Bồ Đề Đạo Tràng. Bao nhiêu loại hình văn hoá cũng được quy tụ về để phục vụ nhu cầu của một lượng du khách khổng lồ như thế. Các bức tượng, thang-ca, pháp khí cũng như trang phục được bày bán cực kỳ phong phú. Lần đầu tiên tôi được chứng kiến một sự kiện trọng đại như thế.

### ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA - HOÁ THÂN CỦA BỒ TÁT QUÁN THẾ ÂM

Trước khi tham dự Pháp hội Karachakra, tôi còn một tâm nguyện phải thực hiện, đó là “tam bộ nhất bái” lên đỉnh núi Linh Thứu. Sau khi hoàn thành tâm nguyện trở về Bồ Đề Đạo Tràng, tôi được tin Ban tổ chức pháp hội mời mỗi quốc gia cử năm người tụng một thời kinh ngắn suốt ba hôm trước khi khai đàn. Cơ duyên đã đến, hiện ở Trung tâm Viên Giác có mỗi tôi từ Việt Nam sang, còn 1 vị ở Úc, 1 vị ở Mỹ, 1 vị ở Đức và 1 vị ở Na-Uy.



Sau thời Kinh của các nước Phật giáo Nam truyền tụng bằng văn Pali là đến Trung Quốc, Hàn Quốc, Việt Nam. Chúng tôi lên quỳ sát pháp toà của Đức Đạt-lai Lạt-ma. Ngài cúi xuống bắt tay từng vị và mỉm cười hoan hỷ. Lần đó tôi ôm đôi tay của Ngài hôn thành kính và không quên đưa xâu chuỗi của mình cho Ngài Blessing. Sung sướng vì được chiêm ngưỡng Ngài. Hai hôm sau đúng giờ, chúng tôi cũng đến tụng một thời kinh ngắn như thế và cũng đều được Ngài đặc biệt cúi xuống chào niềm nở.

Những ngày này tôi ra Bồ Đề Đạo Tràng từ 4<sup>h</sup> sáng lễ Phật và tụng Kinh Hoa Nghiêm. Sáng hôm đó, tự nhiên cảnh sát chặn hết tất cả các ngã ra vào Đại Tháp, mọi người nhốn nháo khi thấy Đức Đạt-lai Lạt-ma xuất hiện. Ngài đến Tháp lễ Phật rồi ra đi, chỉ có rất ít người không bị cảnh sát chặn lại. Tôi may mắn nằm trong số này, khi thấy chiếc y vàng của Tăng sĩ Việt Nam, Ngài dừng lại cúi chào một cách khiêm cung rồi đi tiếp. Đó là lúc Ngài đang đi trên thảm với hai chân trần và có cảnh sát đông đặc, tôi không thể đến gần lạy Ngài dù đứng rất gần. Ngài đi qua, dân chúng cúi lạy từng dấu chân, lấy xâu chuỗi của mình quẹt lên dấu chân Ngài đi qua như để được gia trì. Chưa bao giờ tôi thấy sự thành kính nào trên thế gian như thế. Ra đến gần cổng, Ngài mang dép vào, đôi dép Lào lẹp xẹp, phong cách vô cùng giản dị và hoan hỷ. Mỗi ngày thuyết pháp, giọng Đạt-lai Lạt-ma trầm ấm, rền cả không gian. Trong pháp âm của Ngài dường như có sự tự tại của một Bồ-tát, có năng lực gia trì mãnh liệt, có sức thuyết phục tuyệt đối. Rất tiếc tôi không đủ khả năng nghe và hiểu tiếng Tây Tạng hay tiếng Anh được dịch trực tiếp tại Đạo tràng. Tôi chỉ lắng lòng để pháp âm vi diệu của Ngài ngấm vào tâm khảm. Dưới cái lạnh cắt da của

vùng Bắc Ấn mùa đông, dường như thế giới vẫn hoà bình, nhân dân vẫn an lạc, dù cho tiếng súng vẫn chưa ngớt, lửa đạn vẫn còn lan tràn các vùng biên giới xa xôi.

Ngày cuối cùng kết hội Karachakra là một ngày đáng nhớ. Hôm ấy nhằm ngày 20 tháng Chạp năm Nhâm Ngọ. Trên pháp toà cao nhất là Đức Đạt-lai Lạt-ma, thấp hơn một tí là pháp toà của Ngài Kamapas và rất nhiều vị Lạt-ma tái sinh khác, có vị mới sáu bảy tuổi, có vị mười mấy tuổi. Kamapas thứ 17 mới 21 tuổi. Ngài Kalung khoảng 14 tuổi, Ngài Jampa khoảng 7 tuổi. Những gương mặt thánh thiện đầy uy đức toát lên trên đôi mắt trẻ thơ của Ngài Jampa khiến tôi phải sụp lạy, dường như có sức thôi miên hay ánh nhìn thấu cả ruột gan của mình trong ánh mắt của chư vị Rinpoche nổi tiếng của Tây Tạng. Hôm ấy tôi không được ngồi gần. Khu vực dành riêng cho người nước ngoài không xa đàn tràng là mấy. Trong giờ giải lao, nhân lúc nhân viên bảo vệ lơ đãng, tôi tiến sát lên gần các vị Lạt-ma tái sinh, Ngài Kamapas nhìn thấy tôi mỉm cười, có lẽ Ngài buồn cười cho sự bon chen của tôi. Phần tôi vì muốn nhìn cho thật gần nghi thức dâng trà, dâng quà chúc thọ cho Đạt-lai Lạt-ma và nhìn rõ từng vị Lạt-ma trên pháp toà với những y phục, mũ quan và pháp khí khác nhau. Khi pháp hội vừa kết thúc là lúc tôi cũng đã tiến sát pháp toà của quý Ngài. Trong vòng vây của bảo vệ, không hiểu sao tôi lại có thể níu áo Ngài Kamapas để bước vào đàn tràng Mạn-đồ-la sau Đức Đạt-lai Lạt-ma. Cửa đàn tràng khép lại, tôi như chú nai tơ lạc vào thế giới lạ. Sau khi đánh lễ Mạn-đồ-la và tượng Bốn Tôn, Đức Đạt-lai Lạt-ma đến bắt tay và thăm hỏi từng vị. Ngài đã ôm choàng tôi và nói chuyện bằng tiếng Anh hết sức vui vẻ. Tôi không hiểu hết những lời Ngài nói bởi trình độ tiếng Anh kém cỏi của mình, đại ý là có

nhân duyên lớn chúng ta mới gặp nhau. Hãy cố gắng tu tập và phát triển lòng Từ Bi, để tất cả mọi người gần gũi nhau hơn. Ngài nói Việt Nam là một nước Phật giáo lớn, quý vị cố gắng tu tập và duy trì, đừng để sự tác động của các thế lực bên ngoài v.v...

Tôi sung sướng hơn bao giờ hết, trong khuôn viên đàn tràng, bức Mạn-đồ-la được làm bằng cát ngũ sắc, đẹp đến mê hồn. Đó là một công trình được tạo thành từ công phu tu tập Thiền định kết hợp với nghệ thuật hoàn hảo. Ngày hôm sau, mọi người mới được xếp hàng một đi vào, có lẽ phải hết một tuần lễ mới xem xong. Còn tôi thì được chiêm ngưỡng thoải mái trong thịnh khí của chư tôn. Đó là một đại hạnh và là kỷ niệm đáng nhớ nhất trong chuyến du hành Ấn Độ.

Về đọc lại những quyển sách, những bài giảng của Ngài tại Đại học Haward, xem những cuốn phim quay lại hình ảnh của Ngài từ nhỏ tới lớn, tất cả đã khiến tôi tin tưởng như người Tây Tạng, Ngài là hoá thân của Bồ Tát Quán Thế Âm. Hữu cầu tất ứng, với vô số những giai thoại về Ngài, thật chẳng có gì lạ khi hiện nay khắp thế giới Âu Mỹ đang tìm về Phật giáo và tu tập dưới sự khai đạo và gia trì của Đức Đạt-lai Lạt-ma.

NT.





• Nguyễn Minh Hùng

## Trở lại dòng sông

Mãi mê dậm đường đá sỏi  
Chừ mới về lại sông ơi  
Chân không cỏ non bối rối  
Tóc xanh mây trắng tươi bời...

Hoàng hôn buông trong nín lặng  
Còn sông, không nói gì sao?  
Hay người tôi đầy bụi bặm  
Nhặt phai dáng vẻ ngày nào?...

Tưởng như vô tình quên lửng  
Kể từ giây phút quay lưng  
Vậy mà tình cờ giọt nước  
Cũng thành mộng mị rưng rưng

Thì cứ để nguyên quần áo  
Lặn xuống tận lòng sông yên  
Chấp nhận một lần ngạt thở  
Bềnh bồng bụi bặm bám theo...

NMH.



## Khang Hy Ngự bút chùa Thiếu Lâm<sup>(1)</sup>

Hiện nay trên cổng chùa Thiếu Lâm treo một tấm biển lớn bằng gỗ tử đàn<sup>(2)</sup> nền đen chung quanh thiếp vàng. Giữa tấm biển viết ba chữ vàng “Thiếu Lâm Tự” lớn như cái đầu. Du khách chỉ cần đi đến trước cổng chùa, sẽ được một lần thích thú ngắm xem tấm biển ấy. Đặc biệt là ba chữ vàng “Thiếu Lâm Tự”, như búa bổ kiếm nạo, cho người ta cái cảm tưởng mực rơi như sắc đục. Vì thế nhiều nhà thư pháp tán dương là “Những chữ này xứng đáng là rồng nhảy cổng trời, cọp nằm cửa khuyết”<sup>(3)</sup>. Tấm biển ấy là ngự bút<sup>(4)</sup> của Thánh tổ Huyền Diệp nhà Thanh, hoàng đế Khang Hy.

Theo truyền thuyết cổng chùa Thiếu Lâm sau khi trùng tu rồi thì khí thế hùng vĩ hơn nhiều so với cổng chùa trước kia. Cổng xây lớn, mặt ngoài rộng, tiến sâu ba gian. Bên trong cổng, khám thờ ở trước đắp tượng Di-lặc chân không, bụng để trần; khám thờ ở sau đắp tượng Ngài Hộ Pháp Vi Đà đứng thẳng, cầm gậy. Trước cổng chùa đắp nền cao 17 bậc, hai bên có hai con sư tử bằng đá đối xứng nhau, lông mày dựng đứng, mắt như cái trống, nhe nanh giương vuốt, nhìn gườm gườm hộ vệ. Lại thêm một cây bách cổ thụ cao ngất trời góp phần biểu hiện cảnh quan hùng tráng khác thường cho cổng chùa. Tuy nhiên, trên cổng chùa vẫn còn thiếu một tấm biển lớn đề tên “Thiếu Lâm Tự”. Vị sư trụ trì

bấy giờ tên là Kính Trai, đã tốn biết bao công sức lo liệu, từ Giang Nam chở về một khúc cây tử đàn rắn chắc, màu sắc tuyệt đẹp, giao cho một người thợ giỏi làm thành một tấm biển lớn nền đen chung quanh thiếp vàng. Nhưng, chữ trên tấm biển nhờ ai viết đây? Lúc bấy giờ đã từng mời mấy nhà thư pháp cao thủ viết hàng chục bức “Thiếu Lâm Tự”, song tất cả đều không thể làm cho Hoà thượng Kính Trai vừa ý.

Đúng vào lúc ấy, Thánh chỉ từ Bắc Kinh truyền đến nói hoàng đế Khang Hy sẽ đến chơi Trung Nhạc<sup>(5)</sup>, giao cho chùa Thiếu Lâm chuẩn bị tiếp giá chu đáo. Các nhà sư nghe nói hoàng đế Khang Hy sắp đến viếng thăm chùa, đều rất thích thú. Đặc biệt vị trụ trì Kính Trai lại càng vui mừng hơn. Vui mừng là bởi lẽ, một là nhà vua đến viếng thăm sẽ làm cho chùa Thiếu Lâm thêm phần rạng rỡ; hai là ông dự định sẽ thỉnh nhà vua ngự thư tấm biển treo trước cổng chùa.

Vị trụ trì Kính Trai vô cùng cao hứng, nhưng rồi không khỏi lo lắng. Tại sao vậy? Mọi người đều biết thư pháp của nhà vua rất đẹp, nhưng Khang Hy là người cẩn thận, không dễ dàng chịu động bút. Cho nên, các văn võ đại thần thường bàn luận riêng với nhau rằng chữ của Khang Hy là “một chữ đáng giá ngàn vàng”.

Như thế thì phải làm sao? Vị trụ trì Kính Trai vì muốn nhờ nhà vua viết chữ tấm biển đề tên chùa cho nên ngày đêm lo nghĩ. Ông suy đi nghĩ lại mãi, cuối cùng nghĩ ra một biện pháp hay. Trước khi hoàng đế Khang Hy đến viếng thăm chùa một đêm, ông triệu tập tất cả tám, chín trăm nhà sư trong chùa, đem mưu kế của mình như thế nói cho tăng chúng biết, sau cùng lại sắp đặt thật chu đáo. Tăng chúng sau khi nghe xong, ai nấy đều vỗ tay khen là tuyệt diệu.

Khi hoàng đế Khang Hy đến viếng chùa Thiếu Lâm, từ xa trông thấy một toà sơn môn. Tường ngói đỏ lam, cột son rường chạm, khắc hình núi non lớp lớp, tiếng ngựa sắc<sup>(6)</sup> chạm vào nhau kêu leng keng. Nhà vua không nói gì, trong lòng nghĩ rằng sẽ có một tấm biển biểu lộ sự hùng vĩ của cổng chùa. Lúc nhà vua đến trước cổng chùa, chỉ thấy trong chùa vắng lặng, ở cổng có hai Hoà thượng một già một trẻ<sup>(7)</sup>. Vị lão Hoà thượng tuổi chừng trên dưới Tám mươi, tóc mai hai bên bạc phơ, đắp một cái y vải màu tro, tay áo xoắn cao, tay phải cầm một cây bút lớn giống như cái chổi, trên mặt đất trải một tờ giấy trắng viết ba chữ “Thiếu Lâm Tự”. Chữ lớn như con chó, xiên xiên vẹo vẹo, nét bút lớn nhỏ không đều, giống như lông heo lồm chồm, trông thật đau mắt. Vị tiểu Hoà thượng tuổi khoảng tám, chín, lông măng trên má rụng chưa sạch, mặc một cái y dài phủ cả chân, cũng xoắn cao tay áo, tay phải cầm một cây bút trúc nhỏ, dài không quá 6 tấc<sup>(8)</sup>, cũng trải trên mặt đất một tờ giấy trắng viết ba chữ “Thiếu Lâm Tự”, chữ nhỏ như hạt mận, nét bút cong cong queo queo, giống như con kiến càng bò, nhìn thật chướng mắt. Lão Hoà thượng bảo chữ của tiểu Hoà thượng giống “viên phân dê”; tiểu Hoà thượng thì nói chữ của Lão Hoà thượng như “lông heo lồm chồm”. Ban đầu hai người chỉ cãi nhau nhỏ nhẹ thôi, đợi đến khi nhà vua tới gần trước mặt, hai người mới to tiếng cãi vã, đồng thời đứng trước Khanh Hy xin nhà vua bình phẩm.

Hoàng đế Khang Hy thấy hai nhà sư một già, một trẻ vì viết chữ mà tranh cãi đến đỏ mặt tía tai, trong lòng bất giác nực cười. Nhà vua liền nói với vị sư già rằng: “Chữ lớn như con chó, nét bút không kín, thô lậu”. Rồi quay đầu bảo vị tăng trẻ: “Chữ nhỏ như hạt đậu, nét bút xiên vẹo, rất xấu”. Nghe nhà vua nói vậy,



tiểu Hoà thượng chạy vào chùa, đem ra một cây bút Hồ Châu lớn<sup>(9)</sup>, dâng lên hoàng đế Khang Hy, nói: “Thế thì xin ngài nói phương pháp viết chữ như thế nào?”.

Lão Hoà thượng cũng nói tiếp theo: “Vậy xin mời ngài viết theo cách của ngài cho xem”.

Hoàng đế Khang Hy tiếp lấy cây bút Hồ Châu, nhúng mực Tùng Yên, chiếu theo tờ giấy trắng trải trên mặt đất, khổ lớn bằng tám biển, soẹt soẹt soẹt, viết luôn ba chữ lớn “Thiếu Lâm Tự”.

Ngay khi nhà vua vừa viết xong, từ trong chùa chín trăm Hoà thượng đi ra, hai tay chấp lại, cúi mình hô lớn: “Tạ ơn vạn tuế! Vạn vạn tuế!”

Khang Hy thoát nhìn đã hiểu ngay, cười, hướng về mọi người gật đầu, lại đóng thêm cái ngự ấn vuông vắn trên tám biển.

Chữ viết của hoàng đế Khang Hy, đến nay đã hơn 300 năm, mà nhìn thanh nhã cứng cỏi đầy đặn, vuông vắn nghiêm chỉnh, đầy vẻ phóng khoáng, trang trọng chính đại.

NK.

#### Chú thích của người dịch:

1. Nguyên tác là truyện “Khang Hy ngự thư Thiếu Lâm Tự” trong *Trung Quốc Phật thoại, Từ Kiến Hoa và Tống Trọng Tranh tuyển biên, Văn nghệ xuất bản xã, Thượng Hải (Trung Quốc), 1994, trang 389- 391.*
2. Tử đàn: Một loại gỗ rất quý, lúc còn mới thì màu đỏ, lâu ngày đổi thành màu đỏ tía, chất cứng và nặng, thả xuống nước thì chìm, dùng đóng đồ đạc.



3. *Cửa khuyết: cửa cung điện của vua.*
4. *Ngự bút: chữ của vua viết. Ngự thư: vua viết chữ.*
5. *Trung Nhạc: Tên ngọn núi ở giữa Ngũ Nhạc, tức là Tung Sơn, phía bắc huyện Đăng Phong tỉnh Hà Nam, Trung Quốc, chùa Thiếu Lâm ở trên núi ấy.*
6. *Ngựa sắt: Những con ngựa nhỏ bằng kim loại, buộc chỉ treo trước gió, gió thổi chạm vào nhau kêu leng keng.*
7. *Ở Trung Quốc, các nhà sư không phân biệt tuổi tác, đều được gọi là Hoà thượng. Về sau, từ Hoà thượng mới được dùng để chỉ giáo phẩm.*
8. *“Tấc” ở đây là đơn vị đo chiều dài thời xưa ở Trung Quốc. 1tấc=2,5cm.*
9. *Bút Hồ Châu: Loại bút lông nổi tiếng sản xuất tại phủ Hồ Châu tỉnh Chiết Giang.*
10. *Mực Tùng Yên: Loại mực làm bằng tro cây tùng.*



• Thúy Vinh

## Về biển

Nửa đi mai một,  
Nửa về hôm qua  
Ơi ta, khói bụi Ta bà  
Lại trong vất với bờ xa bãi gần  
Âm âm tiếng hát, chân trần  
Vùi trắng chôn cát, vàng ngân không nhòa  
Dã tràng lú rú chia xa  
Lại về vây giữa ngàn hoa sóng trào  
Ta lao vào biển ngọt ngào  
Biển choàng ta áo ngàn sao dính cườm

TV.







HU VIỆN HUẾ QUANG. VN



## Hôm qua và hôm nay

- Két, két..., tiếng xe phanh kít, thắng gấp lên trên mặt đường đến rợn người.

- Chạy xe kiểu gì vậy cô? - tiếng bác tài thét lên.

Thủy giật mình, hai xe cách nhau chẳng bao xa. Cô định thần lại xin lỗi bác tài. Ái dà, hậu quả của mấy đêm liên không ngủ được, khiến cô cảm thấy mệt mỏi và chưa bao giờ cô cảm thấy thương mình đến như lúc này. Chỗ ở không ổn định phải dời đi nơi khác, nhưng nơi ở mới không biết sẽ là đâu? Những nơi cô đến xin trọ đều có những lý do không hợp tình hợp cảnh. Nơi cô chọn thích hợp việc học thì họ không nhận, vì vật chất khó khăn, còn những nơi nhận thì đường đi học quá xa.

Nên tiếp tục hay nghỉ? Câu hỏi ấy cứ lảng vảng theo cô đi suốt các nẻo đường đi tìm nơi trú ngụ. Nhiều khi cô muốn lên tiếng khẩn cầu sư phụ và sư huynh giúp cho nhưng lại nghĩ mình lớn rồi không thể cậy nhờ sư phụ mãi. Thế là hết ngày này sang ngày khác, Thủy cứ rong xe giữa ánh nắng chói chang của phố phường, mỗi lần bước vào một ngôi chùa để xin, cô có cảm giác như lần đầu tiên đến chùa xin công quả xuất gia.

Cái nắng tháng Tư quả thật là khó chịu! Mệt mỏi, Thủy dừng xe nơi đầu con hẻm nhỏ, một ý nghĩ chợt loé lên: Hay là mình mượn nhà trọ? Thủy tần ngần đứng nơi góc phố nhìn những căn phòng trọ tối om om, chen chúc người là người, lòng cô cảm thấy nao nao. Từ

lâu cô rất thông cảm cho những bạn bè của mình vì hoàn cảnh, vì một nguyên nhân nào đó phải ở nhà trọ, riêng cô không hề có ý định mình phải sống như thế. Nhưng bây giờ đến lượt mình, cô không biết phải làm sao?

- Là tu sĩ phải kiên cường phấn đấu vượt qua mọi khó khăn thử thách để tu học đến nơi đến chốn... Là lời thầy mới dạy hôm qua đây mà! Và Thủy quay xe trở lại.

Gởi xe vào bãi giữ xe của công viên, cô đón xe buýt đến trường trong ánh nắng chiều gay gắt. Xe chiều thưa khách, trên xe đối diện với Thủy là một cô bé khoảng 11, 12 tuổi và bên cạnh cô là chú thanh niên khoảng ngoài 30. Ban đầu Thủy không để ý lắm cô bé và chú thanh niên nọ. Một lát sau người lên xuống xe nhộn nhịp, xe khi dừng, khi chạy lắc lư, cô bé cũng gật gù lơ lửng. Xe bất ngờ thắng gấp, cô bé bừng tỉnh. Nhìn kỹ, Thủy phát hiện ra cô bé đang ngủ gục. Đôi mắt lơ phờ trên gương mặt xanh xao thiếu ngủ. Chiếc áo hoa ngắn tay càng lộ rõ đôi tay gầy bé nhỏ, khẳng khiu đang khư khư ôm chặt chiếc giỏ con con, Thủy nhìn cô bé, cô bé nhìn lại, lòng Thủy chợt dâng lên niềm thông cảm:

- Em về đâu vậy? Thủy hỏi nhỏ.

- Con về quận Tân Bình.

- Em đi một mình sao?

- Không, con đi với ba - Cô bé chỉ chú thanh niên bên cạnh nói tiếp - Ba còn không thấy đường nên con đi bán vé số với ba.

- Không thấy đường sao? Thủy khẽ giật mình. Vậy mà nãy giờ, cô cứ tưởng chú ấy đang ngủ. Nhìn gương mặt điển trai nhưng không còn ánh sáng của người bên cạnh, cô cảm thấy se lòng, hộp bánh

thầy cho ban nầy nằm cộm lên trong cặp sách. Không do dự, Thủy rút nó ra trao cho cô bé. Nhận hộp bánh, cô bé có vẻ cảm động pha lẫn ngỡ ngàng. Còn Thủy, cô nghe như mình được niềm an ủi lớn. Bởi ngày xưa, bằng tuổi cô bé, Thủy cũng đi bán dạo, cũng từng lam lũ nắng mưa, tranh thủ từng bữa cơm nghèo mùa bão lụt. Tuổi nhỏ của cô cũng nhiều gian nan vất vả nhưng Thủy luôn cố gắng vươn lên, và nhờ vào tình thương của mẹ, của Thầy mà bây giờ đã ngoài 30, cô vẫn còn cặp sách đến trường.

Xe chợt dừng, tiếng cô bé gọi: Cô ơi, hình như cô đến nơi rồi đó!

Thủy giật mình: Ừ nhỉ, thôi cô đi nhé, chúc em vui vẻ!

Xe dần lăn bánh, bàn tay nhỏ vẫy nhẹ trong bóng nắng, em cố xoay người nhìn theo để chào tôi. Nắng chiều vẫn còn gay gắt, phố phường nhộn nhịp hơn giữa những dòng xe qua lại, bỗng nhiên trong Thủy thức dậy một tình thương vô bờ, một niềm tin yêu mãnh liệt: Tin Phật, tin Pháp, tin Tăng. Tin Phật, Bạc Thầy cao cả, Đại Giác, vẹn toàn đã mở đường chỉ lối cho cô và mọi người bước vào thế giới bình yên của yêu thương và an lạc. Tin Pháp có khả năng thắp sáng con đường cô đang đi. Tin Tăng, Đoàn thể Tăng già hoà hợp và tin vào khả năng của chính mình có đầy đủ nghị lực vượt qua gian khó. Điều đó đã chứng minh, mỗi lần cô gặp khó khăn dường như có Chư Thiên Hộ Pháp gia hộ cảnh tỉnh, cụ thể như hai cha con bán giấy số dạo chiều nay. Tuy không còn ánh sáng để nhìn đời, nhưng trên gương mặt chú ấy, không hề lộ vẻ bi quan, mà luôn có vẻ thanh thoi bằng lòng với cuộc sống. Vẻ thanh thoi ấy giúp Thủy nhận ra một điều rằng: cuộc sống này rất



đẹp, mà nhất là đời tu sĩ. Đời Tu sĩ không có những cái buộc ràng, những lo toan vướng bận trong cuộc sống đời thường. Bản thân cô may mắn có một gia đình biết kính tin Phật Pháp, có những Bậc Thầy hướng Đạo khả kính, có những đại sư huynh đầy lòng từ mẫn khoáng đạt và bên cạnh cô luôn có những người bạn đồng tu chân thành cởi mở. Còn gì hơn thế nữa không? Thủy biết khó khăn gian khổ đối với cô vẫn còn nhiều nhiều lắm, nhưng kể từ bây giờ, cô sẽ trải lòng mình hoà chung với tất cả mọi người, và cũng trong giây phút này cô mới hiểu ra câu nói của một vị khách du phương:

- Nếu được quay về quá khứ, tôi sẽ làm mọi việc ngày ấy tốt hơn nhiều.

Quả thật như thế, chỉ khi nào mình nhận ra được chính mình, thấy được mọi sai lầm ưu khuyết của mình, nhận ra giá trị chân thật của cuộc sống, mình mới thấy tiếc nuối ngày xưa đã bỏ mất nhiều cơ hội làm đẹp cuộc đời.

Bài học chiều nay sao hay quá: “Để hiểu cuộc sống ta nên nhìn lại phía sau, nhưng để cho cuộc sống tốt hơn, ta nên nhìn về phía trước”. Đúng là nhân duyên hội ngộ thời.

Vâng! từ đây Thủy sẽ nhìn về phía trước và tu học một cách chín chắn trân trọng hơn. Từ đây, Thủy sẽ cùng chia sẻ với mọi người những gì cô đã thấy, đã tu tập bằng cả tấm lòng của người tu sĩ. Đường trở về trú xứ chiều nay vẫn xa như mọi hôm, nhưng sao Thủy cảm thấy dường như ngắn lại. Từ bên kia đường, bài kệ tán Phật vang xa trầm bổng:

*“...Nơi Pháp giới dung thông  
Kết dài sen rực rỡ*



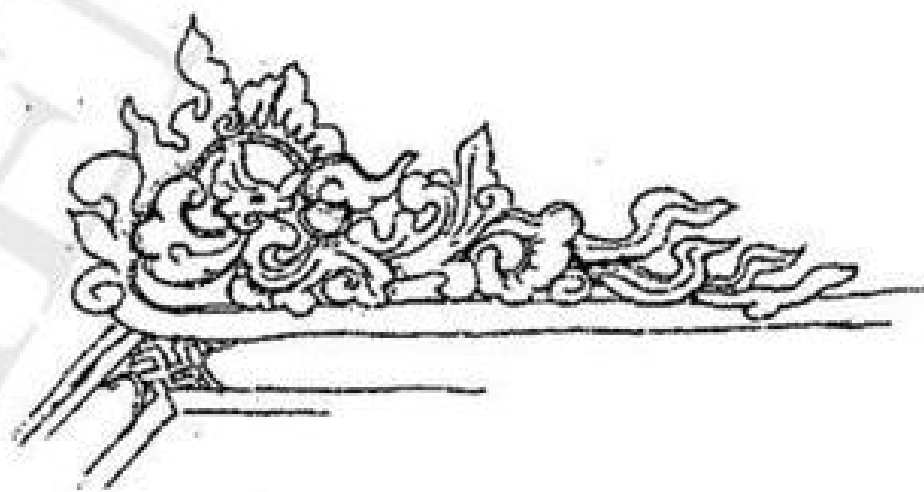
*Nguyện làm kẻ đồng hành  
Trên con đường Giác Ngộ  
Xin mọi loài chúng sanh  
Từ bỏ cõi lãng quên  
Theo đường Giới-Định-Tuệ  
Quay về trong tỉnh thức..."*

Dừng lại bên đường, lắng nghe lời kệ, cô chợt nhớ ra đã sắp đến ngày Phật Đản. Năm nào, cô cũng cùng mọi người kết đèn hoa đón mừng Phật Đản. Năm nay, không biết mình sẽ đón Phật Đản trong không khí như thế nào đây, Thủy không dự đoán được, nhưng có một điều làm cho cô cảm thấy an lòng, cảm thấy thật gần gũi khi biết rằng:

*"Thành Ca-Tỳ-La Phật chưa từng sanh  
Rừng Ta-la Phật chưa từng diệt"*

Bấy nhiêu đó thôi cũng đã làm ấm lại lòng cô giữa thành phố mênh mông xa lạ mà rất đổi thân thương trong cái: *"Bất sanh bất diệt Lão Cô Đàm"*.

TNTP.



● Phạm Phú Hải

## Hạt cát điếc

*Trưa nay đã gặp lại rồi  
Dấu chân giữa đám bụi rời hôm qua  
Hôm qua là vụn hôm đã qua  
Trưa nay là vụn chiều tà hôm sau*

*Ngàn lần ngã ngàn lần đau  
Tôi đi vết xước trên đầu còn chẳng  
Mặt trời tưởng ra mặt trăng  
Nên chi gai góc hăng hăng mọc ra*

*Dấu cười vang dấu khóc oà  
Ngửa môi nút hết âm ba mỗi mòn.*

PPH.

## Quan Âm để lại chữ

Cách nay rất lâu, trên núi Tứ Tiêu có ngôi chùa Linh Âm do Hòa thượng Hoa Đạo trụ trì. Vì ít được tín thí cúng dường nên cuộc sống của Ngài rất đạm bạc cơ cực.

Một năm nọ, Ngài đến núi Phổ Đà tham dự lễ hội vía Bồ tát Quan Âm. Khi đến tham quan chùa Pháp Vũ, thấy ở đây có tòa La-hán Đường tôn trí kim thân của mười tám vị La-hán, mỗi tôn tượng đều toát lên một sắc thái, hình thù khác nhau, thu hút rất nhiều khách hành hương đến chiêm ngưỡng cúng dường, Ngài nghĩ: “Nếu chùa Linh Âm của mình cũng xây dựng La-hán Đường, tạc mười tám tôn tượng La-hán, nhất định sẽ được sự cúng dường của tín thí”.

Thế là một hôm, qua một thoáng quyết định, ngài bỏ tiền ra tìm một vị du tăng có tài vẽ tranh, lén trộm lấy mười tám bức tranh La-hán đem về chùa Linh Âm, vội cho xây dựng La-hán Đường, tạc mười tám tôn tượng La-hán một cách vụng về thô sơ. Nhưng quả nhiên, những tác phẩm này đã thu hút rất nhiều thiện nam tín nữ đến chùa Linh Âm lễ bái cúng dường. Hoa Đạo rất mãn nguyện.

Nhưng không ngờ, những việc làm của Hoa Đạo đều bị Quan Âm Đại sĩ nhìn thấy. Tuy việc xây dựng La-hán Đường, tạc tượng La-hán là việc tốt không có gì đáng trách, nhưng vì việc làm của Hoa Đạo xuất phát từ động cơ không tốt, nên trong lòng Bồ-tát không mấy hài lòng. Một năm sau, Quan Âm Đại sĩ quyết



định lên tòa sen đến viếng chùa Linh Âm, gặp Hoa Đạo một chút.

Một hôm, Hoa Đạo mặc chiếc áo tràng lụa, bên ngoài khoác chiếc y vải gai đang hân hoan, niềm nở tiếp chuyện với mấy vị thí chủ thân sĩ tùy hỷ việc tạo dựng La-hán Đường, thì có một chú Sa-di đến thưa có thiền sư Diệu Hải đến thăm chùa. Hoa Đạo đành phải cáo từ những vị thí chủ, ngẩng đầu, sải bước đi vào nhà khách. Giương mắt liếc qua, Hoa Đạo chỉ thấy một ông hòa thượng Diệu Hải không quá ba mươi tuổi, đầu đội chiếc mũ cũ xì, chân mang đôi giày rách nát, mình khoác tấm ca-sa bằng vải thô, trên cổ đeo xâu tràng hạt nhỏ xiu, nhưng lại có một dung mạo rất ư sáng sủa đẹp trai. Hoa Đạo xã giao vài câu qua loa rồi lạnh nhạt hỏi:

- Thiền sư quang lâm đến ngôi chùa quê này là để giảng kinh, hay là ...

Phần sau của câu hỏi, Hoa Đạo cố ý kéo dài lấp lửng không nói hết, hai mắt chăm chăm nhìn Thiền sư Diệu Hải không chớp.

Diệu Hải mỉm cười trả lời:

- Tôi đến hoá duyên, muốn xin ở lại đây vài ngày, đồng thời cũng có chút đỉnh tiền bạc muốn cúng dường cho chùa chúng ta.

Hoa Đạo nghe đến câu: “Có chút đỉnh muốn cúng dường” thì liền gọi chú sa-di lo sắp xếp nơi ăn chỗ ở cho Thiền sư Diệu Hải. Nhưng từ hôm đó về sau Hoa Đạo không màng để ý đến vị khách này nữa.

Thiền sư Diệu Hải thấy Hoa Đạo đối xử lạnh nhạt với mình thì chỉ lắc đầu gượng cười, nhưng trong lòng vẫn thản nhiên tự tại. Một buổi chiều nọ, Diệu Hải



đến La-hán Đường dạo chơi, thấy bên ngoài thì rất đẹp, nhưng nền và khung nhà bên trong lại rất sơ sài mong manh, mười tám tôn tượng La-hán cũng đều bị biến dạng, nên trong lòng rất bất mãn, lo lắng. Chiều hôm sau, Diệu Hải đến gặp Hoa Đạo và bảo:

- Tòa La-hán Đường của chùa ta rường cột không bền chắc, mười tám tôn tượng La-hán thì được tạc quá thô sơ cẩu thả, nền nhà cũng có nhiều chỗ lún hổng rất nguy hiểm. Nếu không nhanh chóng cho tu sửa, không điêu khắc lại tôn tượng thì sẽ có tai họa không thể lường được.

Hoa Đạo nghe xong không mấy hài lòng, lạnh lùng niệm câu “A...Di Đà...Phật...” rồi phủi tay áo bỏ đi.

Thiền sư Diệu Hải bực mình, lí đáng phải dùng những lời nghiêm khắc quở trách, nhưng ngai chột nghĩ, Hoa Đạo đang lúc vui mừng đắc ý, có trách cứ ông ta cũng không có ích gì, hay là dùng sự thật để thức tỉnh ông ta thôi.

Hừng sáng hôm sau, thiền sư Diệu Hải sau khi múa bút để lại ba chữ “Đại Bi Sơn” thật lớn lên vách rồi lặng lẽ rời khỏi chùa Linh Âm. Ba chữ “Đại Bi Sơn” ý nói “ Người mượn cửa Phật để mưu lợi thì thật đáng thương”, đồng thời cũng ngầm ý nói người để lại những chữ ấy chính là “Bồ tát Đại từ Đại bi cứu khổ cứu nạn Quan Thế Âm”. Nhưng đáng tiếc là lúc ấy Hoa Đạo không hề tỉnh ngộ.

Ba năm sau, vào một đêm nọ, mưa to gió lớn nổi lên, sấm chớp vang rền sáng loé cả bầu trời. Bỗng một tiếng nổ kinh hồn vang lên, nền tòa La-hán Đường chùa Linh Âm bị lún sụp, cột kèo rơi đổ, mười tám tôn tượng La-hán ông nghiêng bên này, ông ngã bên kia.

Hoa Đạo kinh sợ đến ngó người ra, nhớ đến câu nói của thiền sư Diệu Hải, hối hận thì đã quá muộn.

Qua tai nạn này, khánh hành hương đến chùa Linh Âm thưa dằn. Hoa Đạo không còn mặt mũi nào tiếp tục trụ trì, nên lặng lẽ từ biệt Tứ Tiêu. Nghe nói là Ngài làm một kẻ du tăng đi khắp đó đây.

Sau đó vài năm, trải qua bao gian khổ, cuối cùng Hoa Đạo cũng đã tỉnh ngộ. Ngài trở lại chùa Linh Âm, tìm ba chữ của Bồ-tát Quan Âm để lại, sửa thành một tấm biển treo lên cửa chính ở chánh điện, còn bản thân thì thật lòng tình nguyện làm một vị tăng thấp hèn, suốt ngày trồng rau, đốn củi, tinh chuyên tu tập để chuộc tội cũ.

TNVL.



• Xuân Sơn

## Xuân cảm

Cảm một chút gì giọt nắng tháng giêng  
Xuân thấp thoáng bên hàng cây nghe mùa lộc trở  
Rất tình cờ khi đôi môi nằm khép lại  
Nửa khuya chập chờn chừng đã sang xuân

Cảm một chút gì mùa đông còn hiu hắt đêm mưa  
Tay hái gió băng quơ, gõ vào cửa không  
Còn lại nỗi niềm xa vắng  
Loanh quanh cuộc đời

Hơn bốn mươi thời gian vết lằn trâm hằn lên mái tóc  
Ta vẫn là người đi về một cõi khơi vơi  
cùng vàng trắng cổ độ

Tiếng lục lạc bỏ quên trên đường phố  
Dòng đời mãi chảy trôi có ai nhớ, và người quên

Cội mai già, trước ngõ  
Ông Đồ lặng lẽ viết câu đối mừng xuân  
Bâng khuâng gợi nhớ thời gian cũ  
Những sắc hoa đào trước gió Xuân

XS.



## Sinh nhật của tôi

Nếu như cuộc đời tôi nó cũng êm đềm trôi như dòng sông hiền hòa, đổ lụng phù sa trước nhà tôi thuở ấy; nếu như tôi đừng là tôi, một con bé với tâm hồn nhạy cảm; nếu như.. và nếu như.. thì ngày sinh nhật của tôi sẽ là một ngày khác cơ, một cái ngày bình thường như bao nhiêu ngày bình thường khác. Nhưng những điều “nếu như” ấy lại chỉ là giả thuyết, còn thực tế thì... vào một đêm mưa phùn gió bắc, cái lạnh trong tôi bị nhân lên khi nhận ra sự ra đi vĩnh viễn của người tôi kính yêu nhất - Mẹ tôi.

Giữa lúc tôi đang hệt hắng, chơi vơi trong vũng lầy đau khổ thì chợt nhớ đến câu nói của một vị nào đó: “Ta không thể cản ngăn sự đau đớn của thể xác, nhưng ta có thể cản ngăn sự đau đớn của tinh thần”, để rồi từ trong sâu thẳm của tâm thức đã vọng lên lời thúc dục, bảo tôi hãy mau mau bước ra khỏi cái vòng lẩn quẩn của thế gian, nếu không thì những sợi dây hệ lụy sau này do tôi tạo ra nó sẽ quay trở lại trói buộc lấy tôi và rồi liệu tôi sẽ còn phải khóc cho bao nhiêu người thân yêu ở trong kiếp sống phù du này???

Thế là một năm sau ngày mẹ tôi mất, với một túi nhỏ nhẹ tênh trên vai cộng với một tâm hồn thanh thản, tôi đã vào chùa xin được hành điếu, cho đến một hôm Thầy bảo: “Con hãy báo cho người nhà biết, ngày mai Thầy sẽ làm lễ xuất gia cho con.” Ngày mai ư? Ôi!



Ngày mai chính là ngày mà cách đây hơn XXV thế kỷ về trước, nhân loại đã hân hoan chào đón Đấng cứu thế ra đời. Tôi nôn nao cả đêm, không tài nào chợp mắt.

Hôm sau, giữa những hồi trống bát-nhã vang lên trầm hùng; giữa những tiếng chuông ngân vang thanh thoát, giữa những lời kinh siêu thoát rền vang, tôi quỳ đây, dưới chân Đấng Từ Phụ. Phiền não của tôi đã theo từng lời cũng như từng nhát dao của Thầy mà rơi rụng:

*“Thiện tai thiện nữ nhơn  
Năng liễu thế vô thường  
Khí tục thú nê hoàn  
Công đức nan tư nghĩ.”*

Tôi nhắm mắt, bằng tất cả lòng thành kính hướng về tượng đài, nơi Đấng Thế Tôn đang ngự trên đài sen, từ ái mỉm cười nhìn tôi, và tôi cũng mỉm cười.

Tôi cầm nắm tóc trên tay - những lọn tóc mà xưa kia tôi đã phải tốn nhiều công phu chăm chút nhưng nay không còn giá trị nữa - đem chôn sâu trong lòng đất và tự nghĩ: Ngày này, tháng này mãi mãi sẽ là ngày sinh nhật của tôi. Sao lại không được nhỉ khi quá khứ sau lưng tôi đã khép lại, cuộc đời mới của tôi từ đây bắt đầu sang trang. Để rồi hằng năm, cứ đến ngày toàn giáo đồ Phật giáo thế giới hân hoan cử hành đại lễ kỷ niệm ngày Đấng cứu thế ra đời thì tôi lại thắp lên một cây nến nhỏ để kỷ niệm sinh nhật mình. Giờ đây, đến ngày sinh nhật, tôi tuy không còn được nghe những lời chúc “Happy birthday” vui nhộn của bạn bè, tuy không có những ổ bánh xinh xinh đúng theo nghi thức truyền thống nhưng trong lòng tôi vẫn rộn rã, một niềm rộn rã âm thầm vì cảm nhận được niềm hạnh phúc trong hiện hữu, đó là tôi đã thừa hưởng được kho báu từ bi và trí tuệ vô tận của Đức Từ Phụ để lại cho các con của Ngài.

Trong giây phút thiêng liêng chào đón sự ra đời của Đấng Toàn Giác, một lần nữa tôi lại thắp lên một ngọn nến trên dòng SUỐI nhỏ đang chảy về NGUỒN để thâm tri ân hai đấng sanh thành đã tạo cho tôi vóc dáng hình hài này, và cũng thâm tri ân các bậc Thầy khả kính đã tác thành giới thân huệ mạng cho tôi. Tôi tự nhủ:

Xin được làm ngọn đèn thắp sáng căn phòng nhỏ,  
Nếu không thể là ngôi sao soi sáng giữa trời cao.

Đầu hạ Quý Mùi  
TNHT.



đã qua  
Chấp mọi neo dững

một hồn  
vô tình

Đã qua

Số

Sinh

Đã  
nhất thành

Nguyễn  
Lữ  
Chữ





HU VIỆN HUẾ QUANG. VN



## Sông nước lênh đèn

*Ngọn đèn chài ử rữ*

*Tiếng còi tàu hoàng hôn ly biệt*

*Lời gì ai vừa gọi tự nghìn cao*

*Giữa trời đêm huyền hoặc*

*Đi qua – đi qua những dòng sông*

*Ngàn bóng mộng giạt về theo chân bước*

*Đi qua – đi qua những bờ ga*

*Sống như đang từ biệt.*

NTC.

## Tìm đường

- Ê! Hạnh, cậu đi đâu về mà mặt mày hớn hở vậy, bộ vô mái hả?

- A! Hằng, vẫn khỏe chứ, tớ mới vô chùa “gheo” ni cô về.

- Cậu nói gì, tớ có nghe lộn không? “Vô chùa gheo ni cô”, có phải cậu không vậy?

- Một trăm phần trăm, hôm nay nghỉ học hai tiết sau, tớ đạp xe lang thang một mình dọc theo kênh Nhiêu Lộc. Mới mấy tháng quy hoạch mà hai bên kênh thay đổi đẹp dễ sợ luôn. Chợt tớ thấy phía trước một ngôi chùa khá đẹp, không biết động cơ nào thúc đẩy, tớ đạp xe thẳng tuốt vô chùa. Một sư cô rất trẻ, hơi dễ thương đang ngồi trong nhà khách, cơ hội ngàn vàng, tớ mạnh dạn bước vào xá chào, cô mỉm cười gật đầu chào tớ.

- Thưa cô! Con có nhiều điều thắc mắc muốn hỏi, con có thể làm phiền cô một lát được không ạ?

Sư cô nhìn tớ dò xét rồi mỉm cười bảo:

- Em cứ hỏi đi, nếu trong khả năng thì cô sẽ trao đổi cùng em, còn ngoài thì không dám.

Tớ mở cờ trong bụng và bắt đầu.

- Thưa cô, cô còn trẻ và dễ thương như vậy mà đi tu, có phải do thất tình không?

- Sao cậu dám hỏi sư cô câu đó?

- Đã nói là điều thắc mắc của tớ mà, với lại thấy sư cô cũng vui vui nên mới dám hỏi. Mà cậu biết sư cô phản ứng và trả lời sao không? Vừa nghe xong câu hỏi, cô nhìn tớ cười thật tươi, không trả lời mà hỏi lại tớ.

- Em nhìn mặt cô thấy có giống người thất tình không?

Tớ trả lời ngay:

- Dạ không.

- Thế là em đã tự trả lời câu hỏi của mình rồi - Sư cô vừa nhìn tớ vừa bảo.

Tớ ngẩn ngơ, cụt hứng. Tớ nghĩ đó là câu hỏi hay nhất trong tuần của mình và đang chờ nghe những câu trả lời thú vị, nào ngờ, mà sư cô hay thật đấy. Thấy tớ cứ ngẩn ngơ, cô lên tiếng nối lại cuộc nói chuyện.

- Giờ em hỏi tiếp đi.

- Thưa cô, đi tu có vui không ạ?

- Vui hay không, điều kiện quyết định đầu tiên là do mình thích hay không thích. Cũng như ở ngoài đời, nếu được sống trong một môi trường mà mình thích, mình sẽ cảm thấy vui và sống hết mình, ngược lại mình sẽ cảm thấy khó chịu, chán chường. Đây là yếu tố tinh thần quyết định cuộc sống khổ vui của mình, không phải do hoàn cảnh. Cho nên thất tình mà đi tu thì e tu không nổi. Song cũng có trường hợp lúc đầu người ấy chưa thật thích, nhưng sau một thời gian tu tập, người ấy thấy cuộc sống trong chùa có ảnh hưởng tốt đối với họ thì họ sẽ có được niềm vui. Còn những người đi tu vì một lí do gì gì đó thì tuy họ sống trong chùa, nhưng tâm tư của họ không phải “thầy chùa”, họ sẽ luôn cảm thấy có sự gò bó, không bao giờ cảm nhận được sự an vui trong chánh pháp. Họ vào chùa là một quyết định sai lầm.



- Thưa cô, đi tu có khó dữ không và tại sao có nhiều người tu nửa chừng rồi không tu được nữa?

- Cũng tương tự như câu hỏi vừa rồi. Nếu mình thích, thì dù con đường tu khó thế nào mình cũng cố gắng vươn lên và mình sẽ thấy không có gì gọi là. “Thích” ở đây phải xuất phát từ sự hiểu biết và cảm nhận được giá trị của việc tu tập, hiểu được con đường chúng ta sẽ đi, biết được mục đích chúng ta sẽ tới. Chứ có nhiều người chỉ nhìn thấy mấy cô mấy thầy, tự nhiên thấy thích thích rồi xin đi tu, thì con đường tu của mình khó thành. Còn khi đã xác định được mục đích rồi thì chúng ta sẽ đi dễ dàng hơn, có đủ niềm tin và nghị lực để vượt qua những trở ngại trên đường.

- Nhưng cụ thể cái khó nhất trên đường tu là gì hả cô?

-Tuy nói hiểu rõ con đường đi, thấy rõ mục đích hướng tới thì chúng ta sẽ đi dễ dàng, nhưng đó chỉ là điều kiện đầu tiên thôi, còn khi bước vào thực tế thì không đơn giản. Vì con đường chúng ta sẽ đi là con đường đi ngược lại con đường chúng ta đã quen đi từ trước đến nay. Em thấy đó, cuộc sống của quý cô hoàn toàn khác cuộc sống bên ngoài từ hình dáng cho đến nếp sống sinh hoạt thường ngày, và sâu sắc hơn là cách suy nghĩ, hành động, lời nói, việc làm.. tất cả đều phải sửa, đều phải thay đổi. Nghĩa chính của từ “tu” là “sửa”, sửa từ xấu thành tốt, từ dở thành hay... và phải cứ theo dõi chính mình và sửa hoài như thế cho đến khi mình trở thành một con người hoàn thiện, đúng như những lời Phật dạy. Chẳng hạn như ở nhà em thích ăn thịt, thích mặc đồ đẹp, thích giận hờn gây gổ ... thì vô chùa em phải thay đổi hết. Cho nên chỉ trừ khi em thích cuộc sống tu tập, em mới cảm thấy thay đổi những thói quen, sở thích của mình là một chuyện dễ dàng, một việc



làm cần thiết, có giá trị, còn không em sẽ cảm thấy đó là một sự gò bó khó chịu. Theo em thì có khó không?

- Dạ em chưa biết, mà chắc là khó.

- Vì vậy mà trên đường tu, có những người khi họ không đủ nghị lực để thắng và thay đổi những bản chất của một con người bình thường nữa thì họ sẽ trở về với cuộc đời. Bởi vì không phải hễ ai bước vô chùa đều nhanh chóng trở thành Phật thành Thánh. Đây là điều người đời thường nhìn về người tu mà cũng chính là điều mà mỗi người tu đều mong ước, nhưng thực tế lại không dễ dàng như thế. Tất cả đều phải có thời gian để rèn luyện, để thay đổi. Trước hết người tu cũng là một con người bình thường, chỉ khác là một hôm họ bỗng nhiên không muốn làm người “bình thường” nữa, thế là họ vô chùa. Và chùa không phải là một nơi có phép mầu để biến họ thành Phật, thành Thánh, mà chùa chỉ là một môi trường giáo dục họ, chỉ vẽ cho họ con đường chuyển hoá chính mình, hoàn thiện chính mình, đem lại an vui cho mình và giúp cho mình có khả năng đem lại an vui cho người khác. Đó cũng chính là con đường để thành Thánh, thành Phật. Nhưng kết quả nhanh hay chậm hoàn toàn tùy thuộc vào khả năng hiểu biết, thay đổi của mỗi người. Tự thay đổi mình, tự chiến thắng những thói hư tật xấu vốn đã thân thiết với mình từ xưa nay không phải là một chuyện dễ. Nói vậy không phải là chúng ta không làm được, “Có công mài sắt có ngày nên kim” phải không em, quan trọng là chúng ta thật sự thấy được giá trị trong cuộc sống tu tập, có niềm tin, có nghị lực thì chúng ta sẽ thành công.

Nhấn mạnh sự khó khăn trong việc tu tập, Đức Phật từng dạy: “Tu hành là việc dành cho những bậc trượng phu, chứ không phải việc các bậc công hầu khanh tướng có thể làm được”. Vì những vị đó họ có đầy đủ sức

mạnh và quyền uy, có thể chiến thắng và làm chủ nhiều người, nhưng họ chưa thể làm chủ được chính mình. Nói vậy không có nghĩa là bào chữa cho người tu mà nói ra để chúng ta cùng hiểu nhau, thông cảm nhau, để người tu và người Phật tử bên ngoài có thể trợ duyên cho nhau cùng tiến trên đường tu. Em chịu không?

- Dạ chịu.

- Thôi bây giờ em về, trưa rồi, cô có nhiều việc phải làm, không tiện nói chuyện thêm với em, hẹn em dịp khác. Nếu có duyên chúng ta sẽ gặp nhau tại đây hen.

Sư cô ân cần tiễn tớ ra tận cổng. Ra về mà lòng tớ vẫn còn nuối tiếc vì còn nhiều điều chưa hỏi.

- Ê! Sư cô ấy tên gì, bao nhiêu tuổi?

- A! Tớ quên hỏi rồi, nhưng còn tuổi chắc chỉ nhỉnh hơn tụi mình vài tuổi thôi. Nè, lần sau tớ với cậu ghé chùa kiếm sư cô nữa nghe, nhìn là mình nhận ra sư cô đó ngay.

- Ê! Bộ muốn khoác nâu sòng hay sao mà ...

- À, thì cứ tìm hiểu trước đã, biết đâu sau này cậu sẽ gọi tớ bằng sư cô và đến tìm tớ xin ban cho chút hạnh phúc đấy.

- Chuyện đó tương lai hổng hay, biết đâu lịch sử sẽ xoay ngược lại đấy. Việc quan trọng bây giờ là chúng ta phải chuẩn bị tinh thần mừng lễ Phật Đản, chủ nhật này có mặt tại chùa sớm nghe.

- Đương nhiên là vậy rồi.

Hai cô bé cười nắc nẻ, quên cả cái nắng chói chang của mùa hè đang thiêu đốt cả Thành phố.

Đầu hạ Quý Mùi

TNVL.

- Du Trắc Tử  
(lũy bút)

## Ngày trở về

Tôi đã về lại cao nguyên sau hơn mười năm  
độc hành lữ thứ, về lại giữa cô thôn, giữa lòng sơn  
lục như dòng sông chảy trôi miên viễn rồi một sớm  
nhận ra nước lại về nguồn. Vốc một ngụm nước  
sông rắc lên đọt lá mà cảm nghe giọt sương khuya  
rừng mình hít hời gọi nắng liêu dương về suối  
ấm mai hồng. Ngắm mình qua nổi lòng không,  
chợt nghe năm tháng mệnh mông hiện về.

Mười năm phớt lụi, đếm đủ mười ngón tay  
gỗ xuống lòng đời trái đắng để nghe hương vị cô  
liêu thấm thấu tim mình. Đếm đủ mười ngón tay  
gỗ xuống bàn chông danh lợi, nghe mười giọt máu  
rỏ buốt đường tim. Mười ngón tay gỗ xuống mỗi  
tình cảm mà nghe thi nhạc tạc hao lên vũng lầy  
thân phận. Chừ ngồi đây đếm lại vẫn đủ mười  
ngón tay gầy guộc nhưng chợt nhận ra mình còn  
thừa thãi mười ngón chân đã in hằn dấu vết trên  
đọc đường gió bụi, đùa cùng lữ ngôi ôm lưng hời  
lường những dấu chân trên cát để mộng phượng  
phiêu dốc hết vào cuộc quy hồi.

Có cơn bão nào đi qua mà không để lại  
những làn phai trên mặt đất hoang tàn? Mười  
năm cuộc lữ xiên quàng, tờ ga bến chợ ngõ ngang  
cuộc thơ. Những đêm nằm ếp lại xuống bãi cát để  
nghe dưới lớp sóng biển rì rào ầm ầm liếng dội  
lòng khơi. Những chiều đứng núi mây đỉnh núi  
để nhận ra cõi có không bỗng tan như sương khói



tên rừng. Con còng gió bao phen tò lên dạn cái lời  
chuyện trăm năm giữa cõi sa mù. Vết rắng chiều  
mấy độ vắt mình qua phố lính chuyện dật thơ  
cùng với ngàn sao. Ra đi chẳng định phương nào,  
thời gian hóa thạch gửi vào thiên thu. Người về  
liền hạ mồi thư, chợt nghe đông lạnh cõi mùa sương  
xuân. Tay cầm sợi nắng bằng khuôn, dốc vào đáy  
cốc một luân rượu ca, bóng về soi giữa hồn hoa, cảm  
thường giọt lệ nhạt nhòa cuối đêm.

Những chiều mưa định mệnh, ‘I cry in  
the rain’, lời đừng khóc trong mưa để chạy trốn  
một lần bùng mặt đi qua cửa sổ nhà người. Và em,  
em có biết chung quanh ta thật nhiều hình bóng,  
của trăng, của núi, và của riêng ta trong những  
đêm giạt mình ngồi dậy sờ lên vách tường mờ ảo  
một niềm đơn những chuyển phù thay thế nhịp  
cầu đang dở để liếp nối cuộc luân lưu miên viễn  
giữa đôi bờ. Vết cánh lục bình có bông hoa tím nhỏ  
mà cảm mẹ thương cha qua ngày tháng hao gầy.  
Căn tay hỏi mộng phương này, rằng mười phương  
nọ đâu ngày lễ sinh?

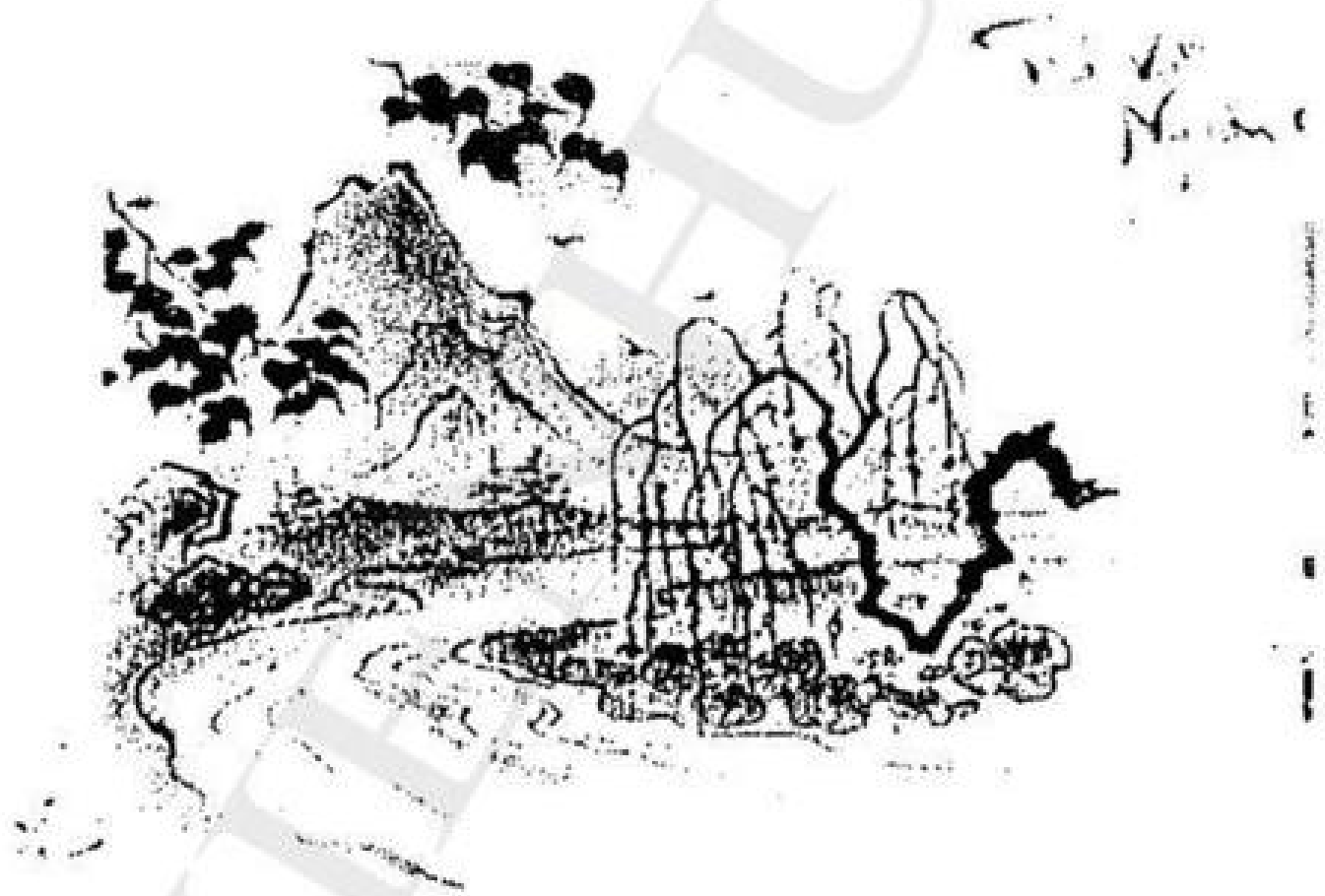
Lạnh. Hết hao. Nửa ngọt ngào; nửa pha  
cay đắng. Sớm nắng, chiều mưa, đã chưa một cuộc  
lữ hành? Đêm lần trở lại bình minh, mười năm cố  
quận nguyên hình tóc lá, chuông chiều lại hiện  
đêm mờ, nửa khuya thoảng một bóng mờ hi âm.  
Thét gào vang giữa đêm câm, linh ra tim vẫn thì  
thầm nổi riêng.

Bóng ai lờn lộng giữa chiều nghiêng?  
Dòng sông lặng vẫn xanh miền cố quận. Đôi bờ cỏ  
lá đã một lần héo úa hồn đôi người đi quên cả buổi  
quay về. Ta chạy mãi giữa ngàn ngày dưới mộng



cũng chẳng làm ra mặt mũi của mình. Về quỳ xuống âm thầm tạ tội trước lương kính mà nghe ra lắm linh yên vui quá đỗi. Bếp lửa mười năm còn ngún hơi tro đồng nội, nên giọt lệ hạnh hao nhỏ vội xuống vui gầy. Chừ cầm gương khói đầy tay, vẫn nghe sinh lữ réo đầy tuổi xa. Vầy chào phố thị phù hoa, chào em không tuổi chào ta không linh. Tình riêng gởi mộng điêu linh, linh không giữ lại cho mình lãng quên. Chiều ra trước gió bừng đèn hát ngàn câu chữ cho sen nở hè. Rồi ngồi đếm mộng im nghe..

Cô thôn - một chiều mưa đầu hạ  
DTT.



## Khó định nghĩa

Tiếng xe đồ xịch nhà bên cạnh làm tôi giật mình ngó ra. Nói là nhà chứ thật ra là tịnh thất nhỏ của một ni cô bán thế xuất gia, phần đa người ta tới đây không ít thì nhiều chẳng mấy gì tốt - tôi cho là như vậy - vì tuy mang tiếng là tịnh thất chứ người đến ít khi nghe nói pháp: Khi thì họ đến mượn tiền, khi thì đòi tiền, khi thì anh em nhà họ hàng tới xin chút gạo cơm..., thật chẳng hơi đâu quan tâm! Có nhiều khi bất tức, cái ni cô kia vốn đã tu hành thì lo tu đi, theo tôi thấy cũng có ít nhiều tín chủ ủng hộ vật chất cho mẹ con cô, nhưng phải nổi cú tào lao, buông tiền cho người này, chơi sộp với đầu nọ, nhiều vị tu sĩ tới đây coi ra còn giàu hơn bả, vậy mà về là bả cũng gói ghém bao thơ gửi theo, rốt cuộc rồi nay thiếu, mai hụt, riết cũng quen người quen nết, hàng xóm để mắt làm chi. Nhưng hôm nay người này đến có vẻ hơi lạ, tuy xe chạy tới sát vách nhà mà nghe cũng êm thấm, tiếng gạt chống xe dừng như có chủ ý rón rén. Tôi chồm đầu nhìn ra thì thật ngạc nhiên, một vị tăng trẻ măng, trạc hai mươi (trẻ nhất trong những người từng đến đây), gương mặt hơi cúi, phảng phất nét phong trần, từng trái, nom cũng ngộ ngộ. Nếu gặp người này ở một nơi nào khác, tôi dứt khoát phải gửi theo chút lòng tôn kính ngay lần gặp đầu tiên, nhưng ... ở đây thì hơi khó nói, biết đâu cũng thuộc dạng cơm gạo, hay... A-di-đà Phật, ổng cũng hơi bị đẹp, có trời mà biết!...

- A, cậu - nữ chủ nhân chạy ra làm như bắt được vàng không bằng - con không biết cậu đâu mà tìm, cậu ác lắm. Cậu bỏ mẹ con con tưởng như chết rồi chẳng thăm. Con tưởng đâu tu không nổi nữa, buồn khổ nạn tai bao nhiêu cậu có biết không?...

Vị tăng trẻ trước sau chẳng nghe nói gì, tôi lên nhìn qua vách, đôi môi ông (Thầy) hơi nhếch lên có vẻ như cười.

- Nó đâu? Thầy hỏi

- Ai?

- Khang, con mi đâu?

- Đi chơi rồi cậu, trời, cậu mua bánh cho nó hả? Cậu còn không đủ tiền mua sách học nữa mà...

- Ai nói hỏng đủ, tui học gì nữa?

- Trời ơi, lớp cơ bản con còn không có điều kiện học, cậu vô Cao cấp Phật học rồi bỏ hả?

- Bỏ hồi nào, tui ra trường rồi chị.

Đã ra trường? Tôi hơi ngạc nhiên, vậy thì vị này ít ra cũng 25 tuổi, sao trông non choẹt thế. Nhìn nét mặt nửa nghiêm trang mà nửa trẻ con, không có vẻ đạo mạo như các vị Tăng Ni học thức khác.

- Rồi bây giờ cậu làm gì? - Sư cô hỏi.

- Cái võng nằm được không con? - Thầy hỏi một câu lảng nhách thay vì trả lời.

- Được cậu, cậu nằm đi, để con kêu nó mua nước cho cậu uống, cậu uống cà phê ghen.

Sư cô đi ra gọi nước rồi quay lại hỏi tiếp:

- Cậu bây giờ làm gì cậu, mấy dì khoẻ hết không?



- Mi hỏi mấy dì với ta làm gì? Ta vốn “Không xú vong cố gia” mà hỏi. Còn bản thân bây giờ thì đang ... nằm vống!

Nghe cách đối đáp có lẽ họ là cậu cháu, có điều vị thầy kia cũng hơi quá đáng, xem ra tuổi tác phải nhỏ hơn sư cô 10 đến 15 tuổi là ít, khẩu khí cao ngạo quá. Sư cô phì cười:

- Cậu... cà chớn thiệt, hổng lẽ học xong ra rồi tối ngày nằm ngửa trên vống coi được sao?

- Con nhỏ này kỳ thiệt, hổng lẽ nằm vống phải nằm xấp coi mới được sao? Ta hỏi mi tại sao bỏ chùa thầy tổ tới đây.

- Trời ơi, cậu, con không cam chịu nổi mới trốn đi đây.

- Chuyện trốn tui biết, nhưng tại sao trốn?

- Buồn lắm cậu ơi, cậu nghĩ con bỏ nhà đi tu, chị em gia đình đâu có ai nhìn. Hồi đó con hổng có tiền, đi dám được bao nhiêu thầy bảo đưa vào trong chúng, không ai được giữ. Con của con bệnh nặng, Thầy sợ nó chết trong chùa mang tiếng, xuống dặm chân nói: “Cô mà không đưa nó đi bệnh viện, tôi bỏ chùa đi cho mẹ con cô ở”. Con muốn rớt nước mắt mà không dám khóc trước mặt Thầy, trong túi con có vốn vện 5 ngàn, cậu coi, Thầy con thông minh lắm, hổng lẽ không biết là con không có tiền!

- Tại con, tại sao lúc đó con không bạch Thầy là mình không có tiền, giờ trách Thầy là sai.

- Không biết cậu ơi, con sợ Thầy đến mức không dám khóc nữa, nói chi đến xin tiền. Con thương Thầy con lắm chứ, mà thôi chắc cơ duyên khiến xui mình rời chùa.



- Sao tu khổ quá hả mẹ! Chú tiểu vào ngôi hóng chuyện tự bao giờ chột lên tiếng.

- Con nghĩ sao là khổ? Vị Thầy hỏi lại nó.

- Thì ... con thấy hổng có tiền khổ.

- Không phải, tu dĩ nhiên là nhần nại, chấp nhận mọi sự khó khăn, phiêu bồng bứt ngặt của vật chất.

- Vậy thì tình thương thiếu khổ! - Chú tiểu có vẻ ai oán.

- Không phải, ai đâu cần phải có tình thương thiên hạ ban cho mới tu được hả con?

- Không hẳn, nhưng như vậy là ông Chín vô tình, không cần ai thương cũng không thương ai?

- Tiểu, hõn! Sư cô mắng.

Vị Thầy mỉm cười, nhướn mày lên trông khôi hài gớm, có vẻ ông ưng lòng với câu chất vấn của chú tiểu hơn là giận.

- Không thương ai tức là “khổ nhân” chí mạng của cuộc đời rồi nhóc ạ, còn không ai thương là “khổ quả” theo sau, tất nhiên thôi. Nhưng đó là nỗi đau của đời, không phải cái “tu sao khổ quá” của con. Tu chỉ khổ khi “lạc lỏng”.

- Cậu nói có nhầm không, “lạc lối” hay “lạc lỏng”?  
- sư cô gắng hỏi lại.

- “Lạc lỏng”! - Thầy nhấn mạnh giọng - lạc lối là một phần hệ quả của lạc lỏng thôi. Khi xưa lúc Ngũ Tổ đưa Ngài Huệ Năng qua sông, Lục Tổ giành chèo đò và nói: “Khi mê Thầy độ, khi ngộ rồi con tự độ”, sau đó Ngài lưu lạc trong nhân gian mười mấy năm trời để tu chứng đắc, con xem Lục Tổ có lạc lối hay lạc lỏng không?

- Lạc chỗ nào? Ngài đã được khai ngộ làm sao còn lạc lối; được chân truyền rõ ràng rồi “tiệm tu” thôi, tinh thần có chỗ nương tựa vững vàng như thế, sao lạc lỏng được.

- Thế hôm nay con sống nơi đây thì rơi vào loại nào?

- Ừm... cả hai! Con lênh dênh thế này, sự tồn tại trong sắc áo tu còn không phải dễ, cay đắng muôn phần, nói chi con đường tiến triển, giải thoát.

- Nhìn như thế chưa suốt! Dù con đang ở chùa với vật chất sung mãn, Thầy Tổ đạo bạn kẻ bên, hãy chí đến được đi học...cũng vậy, giỏi lắm như có một sợi chỉ buộc chân trong Đạo pháp! Phước có thể tăng, trí có thể có, nhưng Tuệ thì không hẳn được, “Tuệ giải thoát” càng nan cầu hơn.

- Bị quan quá cậu, mình cứ tụng Kinh niệm Phật từ từ kết quả chứ sao cậu nói vậy?

- Dĩ nhiên. Như con nói đó là “tiệm tu tiệm ngộ”, ngoài ra còn “tiệm tu đốn ngộ”, “đốn tu tiệm ngộ”, “đốn tu đốn ngộ” nữa.

- Thôi, thôi, thôi... cậu nói một hơi con không biết thuộc lý nào đâu. Cái gì đốn đốn tiệm tiệm, ngộ cũng có tiệm nữa sao?

- Giây phút ngộ không tiệm, nhưng mi tu từ từ mới ngộ là tiệm.

- Thế còn đốn tu?

- Buông tay cái rột thành tựu ngay!

- Vậy “đốn tu” không thể có “tiệm ngộ”.

- Có, như “Đời nghiệp vãng sanh”. Sát na niệm Phật thì “khoảng tay co duỗi đến Liên Đài”, không phải đốn tu sao? Qua bên một thời gian lâu, chừng được nghe thuyết pháp sẽ giác ngộ, chẳng “tiệm ngộ” là gì?

- Đã có đường lối như vậy làm sao người tu lạc với lòng? - Sư cô hỏi khái.

- Lạc ở chỗ tâm tui đi hoang vu, lòng ở chỗ hổng ai biểu tui tu.

- Tâm hoang vu là tại mình, còn tu phải chờ ai biểu?

- Thì... “nhất thiết duy tâm tạo” là hẩn. Nhưng giả như con chọn cậu làm Thầy, con có nhờ gì Thầy-cậu này không?

- Còn hỏi nhờ gì, “giáo bất nghiêm sư chi đạo”, cậu làm Thầy phải tự biết bốn phận chứ! - Sư cô có vẻ giễu cợt.

- Khi thì mi bảo tu phải tự biết, khi thì mi đổ lỗi cho Thầy, tóm lại coi.

- Thì...cả hai, con có năng lực tu, cậu làm Thầy cũng phải có năng lực ông Thầy khai đường mở lối cho đệ tử, phải không?

- Không, con tưởng cậu là ai chứ, cậu còn chưa biết mình đi kiểu nào nữa là...

- Vậy ai biểu cậu nhận đệ tử?

- Nhân duyên mà con, lòng từ mà con. Phải duyên hổng nhận cũng... uống, đến xin tu hổng nhận là kém từ bi. Nhận rồi để đi đâu, làm thứ gì, tu lối nào mặc tình là do... nghiệp của nó.



- Con lạy cậu, cái ngữ “Tù Bi” của cậu quý hóa, xài ít ít cho thiên hạ nhờ!

- Nếu con nói vậy thì “tiền bất khả thi”, “hậu khả tiến” được không?

- Nghĩa là sao?

- Sự hoá độ trước dĩ lỡ “vô kế khả thi” rồi, bây giờ lập ra Đại Tùng Lâm, tập trung và phân ngành, phân cấp. Tập trung để con em hậu bối có đường lối, đỡ lạc lỏng; phân cấp để có sự tiến thoái thứ lớp rõ ràng: trước học gì, sau học gì, tới nữa học gì, học rồi làm gì, ở đâu, tu thế nào v.v... còn phân ngành để có sự rộng mở đa dạng, cho trăm hoa tự do đua nở... cái ngữ “lang thang tự” như cậu và “Ta bà tự” như con hy vọng có chỗ dừng chân, biết đâu còn hữu dụng nữa là khác! Thế hổng phải “hậu khả tiến” sao?

- Quy mô tầm cỡ nhỉ? Có tiền không, có nhân sự không?

- Hởi dư! Cậu nói thôi con, mà chuyện này cũng nhiều người nói đến, “cao thanh đại ngữ” chơi mà, còn có ai làm được không, tiền bạc ra sao, nhân sự thế nào tui sức đâu mà biết.

- Giả sử được đi, lấy ai quản lý, ai khai đạo, ai đưa đường dẫn lối? Tránh được sự lạc lỏng sao?

- Cậu đây nè con!

- Cậu Thánh chắc? Chứng ngộ rồi chắc?

- Không phải, đều không phải cả.

- Vậy làm sao khai mở cho người ta?

- Khai đại. Ai biết cậu chưa chứng, thành công vang dội ai dám xem thường, tui khai đại ai dám nói không mở, họ mà bảo không khế hội thì tui nói họ độn



căn, biết đâu nhờ phước duyên tám đời của người ta, sỏi đá cũng hoá nhiệm mầu, cũng khai mở tâm cơ họ được, tui đâu có dễ bị mang tiếng!

- Con lạy cậu, làm như thế phước không bù tội, cậu không những chẳng được công đức gì mà còn trở thành tội đồ của Phật Pháp. Tạo dựng xong thì thỉnh những bậc Đạo cao Đức trọng về gánh vác tu chỉnh, lo gì Tông chỉ không đạt.

- Ủ hén, ham vị thế danh tiếng thì tui cũng ham, nhưng đến nỗi đăng ký hộ khẩu ở U minh giới, làm ăn với ngư đầu ngư tốt, hay phải sở hữu vài ba cái vạc dầu kể cũng ngán. Mà làm xong rồi nhường cái sẵn có đó cho ai, cũng khó cam lòng.

- Mô Phật, nếu không đặt tiền đồ Phật pháp vào tay Chư vị tài đức, để cho người nhiệt tình cầu danh lợi như cậu làm bướng, thì cầu cậu “vô kế khả thi” cho khoẻ.

- Nhưng giả sử cậu đủ điều kiện thực hiện, con có giúp cậu một tay không?

- Có, có... Nhưng lại giả sử sau ba hoặc năm bảy năm phụ trợ cậu, con lỡ có bệnh nan y hay tuế nguyệt lao khổ chẳng kham, cậu có dung dưỡng con không?

- Con hỏi thế không sợ cậu đau lòng à? Dĩ nhiên người công tác hay đồng môn mình hữu sự phải tương lân, phải tận tâm tận lực mà lo cho họ chứ. Nhưng cậu nghĩ ai cũng có lòng tự trọng, cảm thấy mình không còn giá trị lợi dụng nữa thì tự tìm đường đi, bận lòng người khác làm gì, phải không con?

- Phải quá đi chứ! Nên con rút ráo trước sau tự mình xoay sở đây!

- Hồng được, cách nói này xem ra hai mẹ con đều mất niềm tin, nên mới nghĩ mình cô độc vầy cánh giữa đất trời, đúng không?

- Không cậu à, con lúc bệnh tưởng chừng chết cũng nguyện mai này luôn gặp Phật. Con tin Phật, tin Pháp Phật, nhưng với Tăng Bảo thì cậu thấy đó cũng biết, con sống với người giỏi, người sang mình ngưỡng mộ muốn thân cận thì họ coi mình nghèo dốt, tu không chân chánh, không ai dòm ngó. Còn các vị tới đây, nói thiệt cậu con nghèo nhưng thấy Quý Thầy được học, mình không học được con ham lắm, lúc nào con cũng ủng hộ ít nhiều mà Quý Thầy vô tình lắm cậu ơi, tiêu xài hồng có xót, họ sang ghê lắm.

- Nói, nói đi rồi mang nghiệp.

- Bởi vậy con nói cậu nghe chứ có bao giờ nói với ai, cũng không hề dám sơ suất với Quý Thầy đến đây đâu. Mà cậu biết, họ học vậy chứ tới đây cũng không hề nói cho con câu Kinh, câu Pháp nào.

- Con nói thế tức là dụng tâm yếu! Thứ nhất Pháp phải thời, duyên thỉnh mới thuyết, thứ hai Tăng Bảo là phải tuyệt đối tin.

- Cậu nói con nghe đi. Tin kiểu nào? Tin chỉ vì màu áo Tu sĩ phải không?

- Nếu vì màu áo thì con chịu không?

- Chịu thôi, cộp bị thợ săn cấp áo giả tu gia hại, nó còn nhấn nài vì tôn trọng sắc áo mà. Gẫm con đây cũng very tệ, bị nhiều người rẻ khinh, nhưng lòng con gởi trọn vẹn nơi Phật pháp thì không đáng con Phật sao?

- Vậy thì con cứ vì màu áo mà tin.

- Nhưng mà khó lắm, ai mắt lấp tai ngơ được, Phật tử họ cũng như con thoi, họ cũng nhận thấy nhiều điểm thái quá, biểu họ thành tựu lòng tin tuyệt đối nơi Tăng, e rằng sáo ngữ.

- Đời nào không có sự bất cập của nó, thế con cho rằng các vị tu chứng xưa nay nhận thấy các sai quấy trong Đạo không?

- Dĩ nhiên là thấy, họ có huệ nhãn mà, cậu hỏi gì lạ vậy?

- Vậy họ có thành tựu lòng tin nơi Tăng không?

- Có chứ, không thành tựu làm sao chứng Đạo!

- Vậy Sư cô Tuệ Nhân không muốn tu chứng chắc?

- Trời, bì sao được, cậu giỡn không, chỉ cầu đời này tu được, đời sau còn gặp Phật pháp là hú hồn rồi.

- À... muốn vậy thì phải thành tựu lòng tin Tăng Bảo. Tin tuyệt đối!

- Nhưng cách nào?

- Cách nào cũng được, từ triết lý màu áo, từ tình đồng đạo, hoặc vâng theo Phật kinh bảo tin thì cứ tin... Nhưng thành tựu tối hậu là một niềm tin vô lý lẽ, tin vô điều kiện!

Sư cô chau mày lộ vẻ suy tư, vị Thầy cũng chẳng buồn gợi ý, cứ đóng đưa vông và hộp từng ngậm cà phê. Khoảng giây lâu sư cô buông tiếng thở dài:

- Có mù quáng không, có lợi ích gì? ...

- Cứ mù quáng và đừng nghĩ có lợi. Vì khi gởi lòng tin, tức phải đủ lực bao dung, cái “thành tựu” là Tăng thể của chính mình, làm sao có niềm tin tuyệt đối nơi Tăng Bảo ngoài cõi lòng mênh mông của Tuệ Nhân?!...

- Cậu sanh ngày móc câu chắc, chẳng những móc néo mà còn khó hiểu.



- Nói phải, mà không phải! Phải ở chỗ tui luôn nói chuyện khó hiểu, nhưng tui không móc ngoéo, tui nói sự thật. Còn chuyện nói cho người ta khó hiểu không phải ai cũng làm được!

- Nói khó hiểu ai mà thèm nghe.

- Tầm bậy. Tui nói không phải cho người ta nghe hiểu, mà để người ta ngạc nhiên, ngỡ ngàng rồi... thán phục.

- Ai thán phục cậu?

- Ai hổng hiểu đó! Con biết không, mình không có thực tài nhưng phải có nghệ thuật cho người thán phục, chẳng hạn như làm thơ thì phải dùng những từ trên trời dưới đất, câu trước câu sau chẳng ăn nhập gì nhau, miễn làm sao người ta đọc vào thấy lổn ngổn từ ngữ bóng bẩy, hợp vận cũng được mà không hợp thì coi như thể tự do đột phá, miễn kết quả ai đọc cũng không hiểu. Khi đó biết đâu sẽ vang danh. Mà con đừng lo nhé, ít ai dám tự nhận mình không hiểu lắm, chỉ tác giả chắc mẩm là không hiểu mình nói cái gì và cũng không biết tại sao người ta dám hiểu thơ mình!

- Cậu tài quá hén! Sao con không nghe cậu nổi danh nổi tiếng gì hết vậy?

- Cậu chuẩn bị “ngoi” lên đó chứ. Có điều cậu con không phải thiên tài hay xuất chúng gì, muốn ngoi đầu lên phải chọn cách.

Sư cô phá lên cười, tôi đã từng nghe cái nhà bên đó cười mà ghét, nhưng hôm nay chính mình cũng tức cười theo, gãi bụng chắc ông Thầy này không ngáo đời thì cũng hơi bị “tửng”.

- Cách gì? - Sư cô hỏi khái



- À... để coi... Cậu không có chùa tức là không thể làm nên chùa to Phật lớn, với lại không có chúng, nên khi xây thì không có người trộn hồ, xây rồi lấy ai quét dọn...

- Khoan, khoan - Sư cô ngắt lời - cậu nghĩ mình có thể độ được đồ chúng sao?

- Có chứ, nhưng phải chọn lọc. Ví dụ như chùa cậu ở thành phố thì không nhận chúng đi học, chúng có “tiền án lang thang”, chúng xuất thân từ những trú xứ nghe nói không mấy tốt đẹp... ngay cả ai cậu có cảm giác không vừa mắt, ưa cái (dù là tui có sai đi nữa), hay thấy vị đó không giao hảo với cậu... hết thấy đều không nhận vào.

- Cậu sai cũng không cho họ cái hả?

- Đến ở nhờ người ta phải biết khôn khéo chứ con, nói cho dễ nghe là phải biết kính trọng, vừa lòng người trên dù hơi có lỗi hay không vui lòng người dưới cũng được.

- Còn nói không dễ nghe thì sao?

- Thì phải biết thượng đội hạ đạp mà tồn tại chứ! Ta là chủ chùa, mi không khéo lấy lòng, ta mời ra bây giờ.

- Dã man thật! Chùa của bá gia bá tánh, Thập phương Tăng đều có thể dùng, của riêng cậu chắc?

- Nhưng nhiều sãi lấy ai đóng cửa chùa, để ta đóng tức ta được quyền nhốt mi ngoài ngõ!

- Vậy còn chúng đi học, tại sao không nhận?

- Chúng đi học, viện có học đi luôn tuần quán không nổi, mà quán nổi thì ai nấu cơm cho họ ăn. Còn

bảo làm thêm thì nói thiếu thời gian học, không làm tiền đâu xài.

- Cậu độ chúng có tín đồ cung dưỡng chứ, “thâm tín chư Phật giai sung mãn” mà. Lo gì!

- Ăn mặc thì sung mãn, còn tiền tui xây chùa, tiền làm từ thiện thì sao? Không có lấy đâu cho tui gây dựng tên tuổi trong trời đất?

- Mô Phật, may mà thiên hạ không nghĩ như cậu, nếu các chùa đều nói vậy, Tăng Ni muốn đi học Thành phố, phải ra ở ké Phật tử, hay thuê nhà?

- Không, dứt khoát là không được ở ngoài nhà thế tục. Một người làm nhiều người mang tiếng.

- Vậy họ phải làm sao?

- Làm sao là chuyện của họ. Mi hỏi ta, ta biết hỏi ai! Bởi tính không trôi nên ta cho là hạ sách, không dùng.

- Thưa ông cậu trời đất, thượng sách của cậu là gì?

- Làm cái gì người ta không thể làm nổi!

- Bản lĩnh dữ vậy hả?

- Hiểu lầm ý cậu rồi con, cậu đã nói mình không phải là người xuất chúng, cái mà người ta làm không nổi ở đây không phải cao thượng tuyệt luân gì, chỉ là khác người, là “con đường mới lạ”, như thế mới một mình một cõi vang danh chứ con.

- Đơn cử ví dụ coi.

- Từ từ, để ta nghiệm đã...

- Cậu sáng dạ, đi học lấy bằng Tiến sĩ đi.

- Đời nào con, cậu tính kỹ rồi, nếu lấy hai bằng tiến sĩ thì quá thường, nhiều người làm được, cậu hơi đâu hoài công chuyện nhỏ. Còn năm bảy bằng thì đào tiền đâu ra?

- Thì nhờ Thầy, nhờ Phật tử, rồi kiếm thêm phương tiện nào nữa, có lòng thì phải ráng, đừng để

mai một. Con nghèo chứ cũng xin hộ cậu một phần cho cậu học đó.

- Ai nói mi ta học?

- Thì cậu không phải có ý lấy năm bảy bằng Tiến sĩ gì đó, chỉ tại không tiền không với tới thôi mà.

- Trời ơi, bằng Tiến sĩ ta nói rằng “lấy”, đâu có nói học, ta mua chứ bộ!

- Hả?!... Cậu đừng giỡn vậy mà cậu, ai lại đi mua bằng, ai bán cho cậu mua?

- Không biết, ta chẳng hơn ai tí gì để học, chỉ cốt làm khác người, không bán thì ta không có bằng Tiến sĩ vậy.

- Cậu muốn làm Đạo phải có ít nhiều phương tiện chứ. Kiến thức, ngoại ngữ và bằng cấp cũng rất cần cho Phật sự sau này cậu ơi.

- Phật sự, Phật sự tức phải có chữ Phật tiên phong. Tui đâu nói mình làm Phật sự, tui đang hoạch định Nguyên Tôn sự, Tuệ Nhân sự mà. Còn Phật sự bộ chỉ có kiến thức là nên chuyện sao, phải có Đạo tâm, Đạo hạnh, Đạo lực v.v... thâm hậu. Mấy người nhìn kỹ tui chưa, những Uy đức đó tui có sao?

- Thì cậu cứ học đi, vừa học vừa tu, từ từ bồi đắp có muện đâu.

- Tui không phải là tay thường, tui học là phải ngó trước ngó sau coi có bằng chị bằng em không nữa, đó là khiêm tốn, không muốn nói hơn hẳn họ. Còn không hơn cũng phải liệu cách, vừa học vừa tu, tính thế cậu có cửa nào ngoi lên con? Rồi còn phải giao tế cho có chút thế thân, không khéo sau này học ra rồi biết đứng đâu, ngồi đâu?

- Trời ơi cậu, tu hành mà thế với thân gì, có tài có đức ắt hữu dụng, cậu nói cứ đâm hông móc lò không hà.



- Phải, phải. Không nên nói thế, đôi lúc mình bất tài mà cứ đổ oán cho người là sai. Nhưng... cậu không muốn giống ai, cũng chẳng dung ai thành quen nết rồi. Con biết không, thấy ai thành tựu cái gì, cậu khen lấy khen để, đó là Kinh Phật dạy Pháp tùy hỷ không dám trái, sợ mắc quả báo. Nhưng lòng cậu luôn réo gào rằng mình phải làm một cái gì đó khác hơn, nổi đình nổi đám hơn, Tuệ Nhân ạ! Mà muốn làm được theo ý mình, thì chẳng ngại dùng “phương tiện”, thành toàn rồi âu cũng Phật sự, có chẳng là được chút tiếng danh để an cõi lòng, chắc Phật Tổ cũng cảm thông.

Sư cô phá lên cười nắc nẻ, thú thật là tôi nghe như rối mù, chẳng thể hiểu nổi họ đối đáp kiểu gì. Nếu tự thổ lộ tâm ý mình thì xem ra tư chất vị Thầy này không thể như những gì ông nói; còn nói về ai, cái vẻ nửa ngây ngô, nửa bình thản lộ trên gương mặt tuyệt nhiên không thể hiện sự mỉa mai phê phán nào. Trong cuộc chuyện trò, lắm lúc sư cô cười phá lên như đắc ý, nhưng vị Thầy thì không hề, có chăng chỉ mỉm cười thoáng qua, trong đôi mắt như hướng về cõi xa xăm có một tia sáng lạ lùng, vừa ấm áp lại vừa lạnh đậm.

- Tóm lại cậu muốn làm sao để khác người?- Sư cô hỏi trong tiếng cười.

- Chẳng hạn như... Cậu hỏi con đời nay có nhiều sai phạm khác đời xưa chứ?

- Cái đó hẳn!

- Ấy, ấy... có cái mình cho rằng sai phạm, chẳng hạn rủ nhau xem phim, nghe nhạc nhảy, phiêu lưu trên Internet... nhưng Luật Phật xưa rồi, đâu có mấy điều đó. Còn có những cái trong Luật nêu ra bao giờ phạm, bị vì đời nay đâu có. Cho nên cậu nhất quyết phải ra một bộ Luật.

- Ra Luật?



- Phải, chỉ cần có Bốn vị Tăng Yết-ma là xong. Luật tụng hẩn hời, có cả Thiên, Tụ. Đặt tên là “Giới bản tân tu Nguyên Tôn Luật”.

- Cậu nói chơi hay nói giỡn vậy? Từng có Đại hội kiết tập cả 500, hay 700 vị A-la-hán, chưa nghe ai dám đề xướng sáng tạo Bộ Luật. Cứ cho rằng cậu бат thế siêu quần gì đó, các vị A-la-hán cộng lại không bằng đi, cũng không đào đâu ra Trí tuệ để định tội danh trừ khi là Phật. Nếu không là Phật làm sao cậu biết vô lượng sanh chủng nghiệp báo, tội nào sẽ ra quả nào và bao nhiêu năm địa ngục v.v... để cậu đưa ra Thiên, Tụ?

- Tôi hỏi mấy người, phải chăng Như Lai có bảo: Luật tuy Ta chế, nhưng địa phương nào có phần không hợp, có thể nhóm chúng Yết-ma mà bỏ đi, còn tuy là điều Ta không chế, mà số đông chúng cho rằng hợp cũng nên tuân theo.

- Con ít học, không rành, có nghe là vậy nhưng nguyên văn đúng hay không chưa rõ? Cứ cho như lời cậu đi, thì Chư Tăng mỗi nơi mỗi khác, vậy cứ bốn người ra một bộ luật, của ai nấy tụng cho phù hợp, hà tất phải dùng “Nguyên Tôn Luật”.

- Không thành vấn đề, chư vị coi trọng tác phẩm của cậu là một điều hay, không thêm sử dụng lại là một điều hay khác.

- Hay chỗ nào?

- Điều hay hiển nhiên là không ai phủ nhận danh tiên phong của cậu, đem ra sử dụng thì cậu thành “Tổ” rồi, còn không đem ra dùng mà tạo cái mới cũng coi như noi gương tui.

- Nhẹ lời thôi cậu, tội chết đó. Cậu tưởng mình là ai vậy. Sao cậu không nghĩ đến kết quả kinh khủng là Chư Tăng sẽ rầy cậu, hay một sự cố ngoài sức tưởng tượng nào đó.

- Vậy sao con không nghĩ đến kết quả tốt đẹp của nó, nếu có thì sao?

- Cậu muốn lấy danh tiên phong mà, chỗ dựng tâm có hay ho gì để mong kết quả tốt?

- Dứt khoát là phải tốt, danh tiên phong là thâm tâm cậu muốn, còn mặt ngoài ai nói vậy, cậu nói mục tiêu của việc dựng lại bộ Luật là để Luật mang tính “Thiết thực hiện tại”, sát thực tế và phù hợp thời đại, như vậy sai sao? Nếu bảo cậu không đủ Tuệ Giác để phân ra Thiên, Tụ, thì cậu cứ mô phỏng theo Giới Bản, tương tự phần nào để vào phần đó. Lại có bốn vị Tăng Yết-ma “thành” rồi thì ai bắt lỗi? Với lại có việc gì đi nữa thì mình cũng nổi danh là đã làm cái việc không ai dám!

- Cậu bỏ cái “thâm tâm ước muốn” chi đó đi, còn ngoài ra với mọi mong cầu chánh đáng cho Đạo, cho con đường giải thoát con đều ô-kê theo cậu liền.

- Mong cầu cho Đạo thì cậu có nhiều lắm con, vì mỗi việc làm thành tựu đều phải kể đến tên mình. Còn mục tiêu giải thoát, cậu lâu rồi ít nghe ai tính chuyện này, nên mình cũng quên.

- Cậu sao nói vậy, còn biết bao người chân tu thạc đức mà mình chưa có duyên gặp thôi. Nếu không gặp người “hữu xung thiên chí” thì tự mình mở lối đi chứ ca cẩm gì?

- Ai nói không gặp? Tui chỉ nói ít chứ chẳng nói không.

- Ít hay không cũng may, cậu khoái khác người, không khéo gặp người có chí mong cầu giải thoát thì cậu lại ước vọng trầm luân cũng nên! Người ta “là” thế này thì e rằng cậu phải “không là” như vậy mới vừa lòng!

- Ủ, nhưng mà “tôi là” hay “tôi không là” cũng một thứ “tôi” mà con. Cậu nói vậy chứ nào có bản lĩnh khác ai để khỏi tồn tại trong trời đất này.

- “Bình thường tâm thị Đạo”, cậu khác người mà làm gì? Lạy Phật mong cho cậu bình thường!

- Hóc búa, chẳng nghiêng bên này cũng chênh bên nọ, “bình thường” là cửa Trung Đạo, ta vào được mà mi còn kêu bằng cậu sao?

\*\*\*

Trời ngả hoàng hôn, cuộc nói chuyện buộc phải dừng ở một đề tài lạ hoắc, tôi có căng óc ra cũng chẳng nghiệm được gì. Vị Tăng trẻ từ già ra về, Sư cô tiến ra cửa còn dặn với theo:

- Rảnh nhớ thăm con nghen cậu, có cậu nói làm tâm tư con với nhiều lắm đó... nhớ nghen cậu!

Lời dặn nghe thật thiết tha, nhưng sao không thấy gởi theo phong bì chút đỉnh gọi là tiền xăng như các vị khác. Vị Tăng lùi xe ra, không hề đáp lời, gương mặt điềm nhiên đến lạnh lùng, như không nghe thấy lời nhắn gởi, thậm chí không để lại ấn tượng hồ hởi sau một cuộc nói chuyện mà theo tôi cho là hết sức tâm đắc.

Buổi tối, rước má đi chùa về, tôi ghé qua chợ mua vài ký xoài, má hỏi:

- Mua ăn chi nhiều vậy con?

- Không đâu má, con cúng cho cô Nhân.

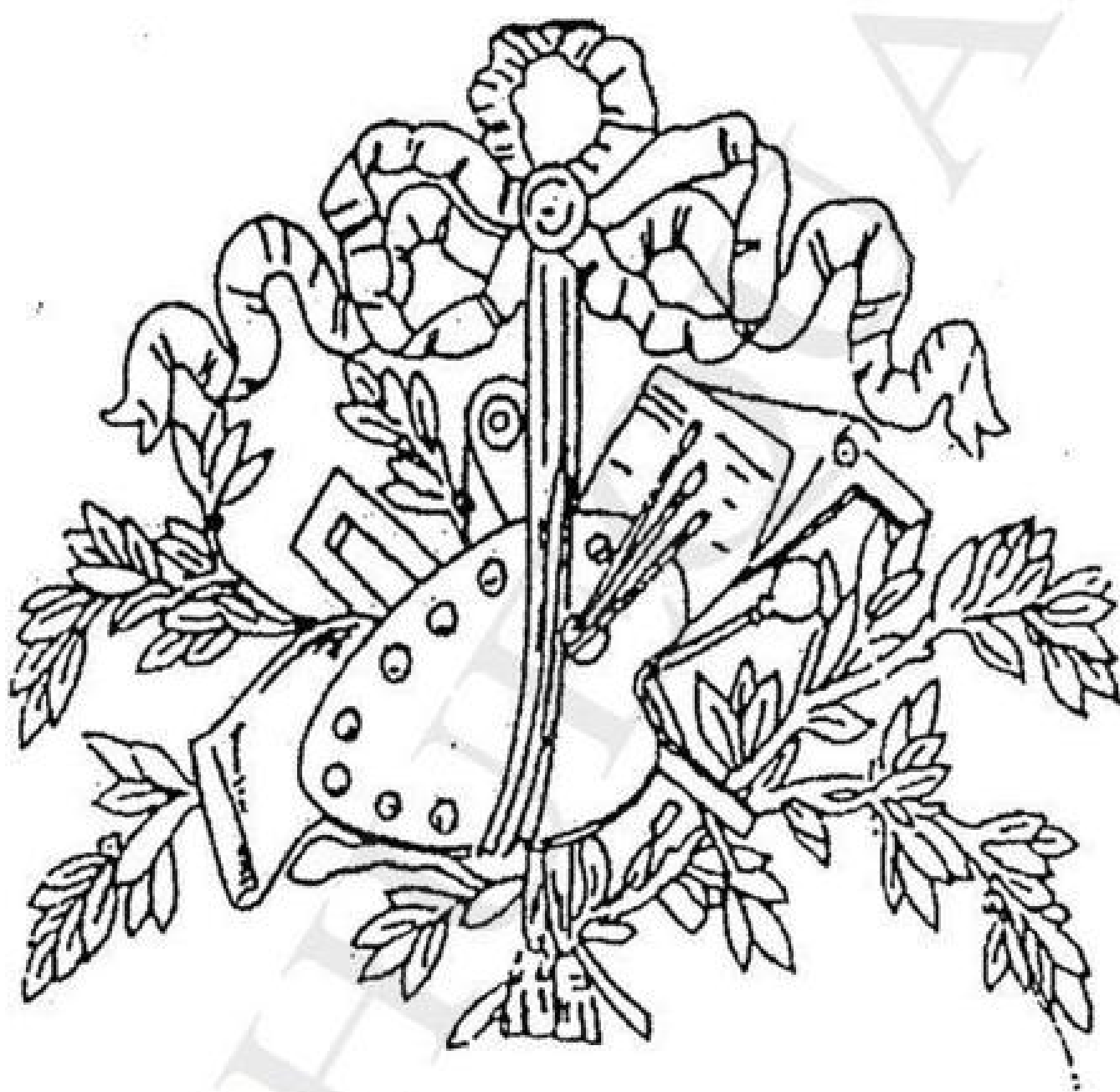
- Cúng chùa cô Nhân hả, cổ đến ở từ sáu năm nay tao mới nghe chuyện này một lần, bộ định nhờ vả gì người ta hả con, tao thấy chỗ đó hồng đạo vị gì đâu.

- Má...à! má đi chùa xa, chứ biết đâu Bụt...sát vách nhà cũng có chỗ... dễ thương!

Đời cũng vậy mà đạo cũng vậy, ít ai ngờ, đôi lúc mình nhận xét thế này nhưng thực chất lại khác hơn mình nghĩ, thật khó định nghĩa.

LHĐ.







THU VIỆN HUẾ QUANG. VN

